

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

01-TỈNH AN GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	PHÙNG VĂN SANG	01.02.06	15/10/1999	Kinh	An Giang	Nam	Vật lí	25.40	Ba	12	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
2	LƯU CHÍ TÂM	01.05.04	09/01/1999	Kinh	An Giang	Nam	Tin học	24.85	Nhì	12	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
3	CHẾ THỊ NGỌC HÂN	01.06.01	12/10/1999	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
4	VÕ NGỌC THẢO	01.06.04	17/04/1999	Kinh	An Giang	Nữ	Ngữ văn	15.50	Nhì	12	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
5	ĐỖ TRẦN ĐOAN TRANG	01.06.05	24/08/1999	Kinh	An Giang	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
6	CAO HỮU THỊNH	01.08.03	05/05/1999	Kinh	An Giang	Nam	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT Châu Văn Liêm
7	LÝ KHÁNH QUỲNH	01.09.03	01/08/1999	Hoa	An Giang	Nữ	Tiếng Anh	13.55	K.Khích	12	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu

Danh sách này gồm 7 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

02-TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	PHẠM THỊ HỒNG	NHUNG	02.01.06	18/04/1999	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nữ	Toán	24.50	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
2	HOÀNG HỮU QUỐC	HUY	02.01.04	03/01/1999	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nam	Toán	31.00	Nhất	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
3	NGUYỄN BÁ	NGUYỄN	02.01.05	10/11/1999	Kinh	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Toán	21.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
4	NGUYỄN HOÀNG	THUẬN	02.01.08	15/12/1999	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nam	Toán	17.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
5	LÊ TRẦN TRUNG	HIẾU	02.01.03	01/07/2000	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nam	Toán	17.50	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
6	HỒ XUÂN NGỌC	CHÂU	02.02.02	01/04/1999	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Vật lí	30.50	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
7	NGUYỄN TRỌNG	BÌNH	02.02.01	01/01/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	23.40	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
8	ĐOÀN TẤN	DŨNG	02.02.03	23/01/2000	Kinh	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	22.05	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
9	PHẠM HOÀNG	HẢI	02.02.05	02/07/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	22.80	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
10	ĐẶNG HOÀNG	PHƯƠNG	02.02.06	24/10/1999	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nam	Vật lí	27.65	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
11	VÕ CHÍ	TÂM	02.03.05	11/09/2000	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Hoá học	18.95	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
12	NGUYỄN THANH	VÂN	02.03.06	30/09/1999	Kinh	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	Hoá học	25.95	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
13	HỒ VĂN	PHƯỚC	02.03.02	30/12/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Hoá học	24.10	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
14	LÊ HỮU HOÀNG	SƠN	02.03.04	17/08/1999	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nam	Hoá học	26.90	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
15	LÊ TRẦN BẢO	ANH	02.04.02	25/05/2000	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nam	Sinh học	24.20	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
16	PHAN THÁI	BÌNH	02.04.03	07/09/2000	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nam	Sinh học	22.70	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
17	ĐÀO THU	THẢO	02.04.05	07/08/1999	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nữ	Sinh học	27.90	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
18	NGUYỄN HỮU ANH	TUẤN	02.04.06	08/06/2000	Kinh	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Sinh học	25.15	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

02-TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	THÂN TRỌNG	TÙNG	02.05.06	12/04/1999	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nam	Tin học	14.30	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
20	HOÀNG ĐÀO NHẬT	ÁNH	02.06.01	06/06/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
21	LÊ THỊ THANH	BÌNH	02.06.02	13/08/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
22	NGUYỄN THÁI THU	PHƯƠNG	02.06.04	06/10/2000	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
23	LÊ THỊ KHÁNH	VÂN	02.06.06	10/03/2000	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
24	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	THI	02.07.05	20/02/1999	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
25	HOÀNG NGUYỄN TRUNG	KIÊN	02.08.03	01/01/2000	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nam	Địa lí	14.75	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
26	HOÀNG THỊ HÀ	UYÊN	02.08.06	04/02/1999	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nữ	Địa lí	16.50	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
27	TẠ HỒNG	NGỌC	02.08.04	24/04/1999	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nữ	Địa lí	15.25	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
28	TRƯƠNG QUỲNH	NHU	02.08.05	18/01/1999	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nữ	Địa lí	16.50	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
29	NGUYỄN THỊ HẠNH	DUYÊN	02.08.02	18/02/2000	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
30	LƯƠNG THÀNH	DANH	02.08.01	11/08/1999	Kinh	Liên Bang Nga	Nam	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
31	LÊ THU	UYÊN	02.09.09	02/10/1999	Kinh	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	14.85	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
32	BÙI KHÁNH	LINH	02.09.04	27/10/1999	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nữ	Tiếng Anh	14.95	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
33	NGUYỄN ĐÀO THU	QUYÊN	02.09.06	29/04/1999	Kinh	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	14.45	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
34	NGUYỄN XUÂN	BÌNH	02.09.01	15/03/2000	Kinh	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	13.50	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
35	BÙI NGỌC PHƯƠNG	GIANG	02.09.03	10/11/2000	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nữ	Tiếng Anh	14.65	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
36	TRẦN NGUYỄN DUY	THÔNG	02.09.07	05/03/2000	Kinh	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	16.20	Nhì	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

02-TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	LÊ QUANG TRÍ	02.09.08	22/09/1999	Kinh	Tp Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	16.65	Nhất	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
38	NGUYỄN VĂN ĐĂNG DUY	02.09.02	07/10/1999	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nam	Tiếng Anh	14.25	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
39	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG UYÊN	02.09.10	11/12/1999	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nữ	Tiếng Anh	15.70	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
40	NGUYỄN LÊ PHƯỚC LỘC	02.09.05	05/12/1999	Kinh	Bà Rịa - Vũng	Nam	Tiếng Anh	16.15	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn

Danh sách này gồm 40 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

03-TỈNH BẮC GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	VƯƠNG ĐÌNH	ÂN	03.01.01	11/10/2000	Kinh	Bắc Giang	Nam	Toán	23.50	Nhì	11	Chuyên Bắc Giang
2	THÂN MINH	DUY	03.01.03	09/03/1999	Kinh	Bắc Giang	Nam	Toán	21.00	Ba	12	Chuyên Bắc Giang
3	NGUYỄN THÀNH	LÂM	03.01.05	05/10/1999	Kinh	Bắc Giang	Nam	Toán	16.50	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang
4	HOÀNG THỊ	HẰNG	03.02.04	14/02/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Vật lí	32.25	Nhì	12	Chuyên Bắc Giang
5	THÂN QUỐC	ĐẠT	03.02.02	15/12/1999	Kinh	Bắc Giang	Nam	Vật lí	26.60	Ba	12	Chuyên Bắc Giang
6	NGÔ VĂN	GIANG	03.02.03	12/05/1999	Kinh	Bắc Giang	Nam	Vật lí	30.90	Nhì	12	Chuyên Bắc Giang
7	BÙI HUY	HOÀNG	03.02.05	25/07/1999	Kinh	Bắc Giang	Nam	Vật lí	21.85	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang
8	HOÀNG KIM	TUẤN	03.02.10	15/06/2000	Kinh	Bắc Giang	Nam	Vật lí	27.55	Ba	11	Chuyên Bắc Giang
9	BÙI TIẾN	ĐẠT	03.02.01	27/11/2000	Kinh	Bắc Giang	Nam	Vật lí	28.60	Ba	11	Chuyên Bắc Giang
10	NGUYỄN ĐĂNG	NAM	03.02.08	25/07/2000	Kinh	Bắc Giang	Nam	Vật lí	20.35	K.Khích	11	Chuyên Bắc Giang
11	NGUYỄN HỮU TRỌNG	MINH	03.02.07	24/12/2000	Kinh	Bắc Giang	Nam	Vật lí	26.60	Ba	11	Chuyên Bắc Giang
12	LƯƠNG NGỌC	SƠN	03.02.09	19/07/2000	Kinh	Bắc Giang	Nam	Vật lí	23.45	K.Khích	11	Chuyên Bắc Giang
13	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA	03.03.04	29/11/1999	Kinh	Bắc Giang	Nam	Hoá học	29.30	Nhì	12	Chuyên Bắc Giang
14	HÀ THÀNH	THUẬN	03.03.08	13/02/1999	Kinh	Bắc Giang	Nam	Hoá học	27.25	Nhì	12	Chuyên Bắc Giang
15	TRẦN MINH	ĐỨC	03.03.02	10/07/1999	Kinh	Bắc Giang	Nam	Hoá học	22.25	Ba	12	Chuyên Bắc Giang
16	NGUYỄN VĂN	QUÂN	03.03.06	06/08/2000	Kinh	Bắc Giang	Nam	Hoá học	18.80	K.Khích	11	Chuyên Bắc Giang
17	TRẦN THU	THỦY	03.03.09	07/08/1999	Tày	Bắc Giang	Nữ	Hoá học	24.30	Ba	12	Chuyên Bắc Giang
18	NGUYỄN DUY	THẮNG	03.03.07	05/03/2000	Kinh	Bắc Giang	Nam	Hoá học	20.55	K.Khích	11	Chuyên Bắc Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

03-TỈNH BẮC GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	BÙI VĂN	KHA	03.04.04	30/08/1999	Kinh	Bắc Giang	Nam	Sinh học	25.85	Ba	12	Chuyên Bắc Giang
20	TIÊU THỊ	TÚ	03.04.07	11/06/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Sinh học	24.20	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang
21	BÙI CÔNG	TUYẾN	03.04.06	25/10/1999	Kinh	Thái Bình	Nam	Sinh học	27.45	Ba	12	Chuyên Bắc Giang
22	NGÔ THỊ HẢI	YẾN	03.04.08	05/12/2000	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Sinh học	23.75	K.Khích	11	Chuyên Bắc Giang
23	TRƯƠNG NGỌC	GIANG	03.05.02	28/02/1999	Kinh	Bắc Giang	Nam	Tin học	26.40	Nhì	12	Chuyên Bắc Giang
24	NGUYỄN HỒNG	THỦY	03.05.07	17/09/2000	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Tin học	11.80	K.Khích	11	Chuyên Bắc Giang
25	ĐÀO THU	HƯƠNG	03.05.05	26/11/2000	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Tin học	18.75	Ba	11	Chuyên Bắc Giang
26	GIÁP THỊ THÚY	VÂN	03.05.08	22/08/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Tin học	12.60	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang
27	NGUYỄN TRUNG	HẢI	03.05.03	29/09/2000	Kinh	Bắc Giang	Nam	Tin học	13.85	K.Khích	11	Chuyên Bắc Giang
28	NGHIÊM TUẤN	CƯỜNG	03.05.01	23/10/2000	Kinh	Bắc Giang	Nam	Tin học	12.35	K.Khích	11	Chuyên Bắc Giang
29	NGUYỄN THỊ THANH	HẢI	03.06.04	04/04/2000	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	Chuyên Bắc Giang
30	LƯƠNG MINH	ANH	03.06.01	11/05/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	Chuyên Bắc Giang
31	NGUYỄN THỊ	HUỆ	03.06.05	21/12/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	Chuyên Bắc Giang
32	ĐỖ THỊ	THU	03.06.08	07/11/2000	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	Chuyên Bắc Giang
33	PHẠM THỊ	TUYẾN	03.06.09	18/02/2000	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	Chuyên Bắc Giang
34	TẠ THỊ THU	UYÊN	03.06.10	18/09/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	Chuyên Bắc Giang
35	NGUYỄN NGỌC TÚ	ANH	03.06.02	15/02/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	Chuyên Bắc Giang
36	LA THỊ VIỆT	HÀ	03.06.03	24/01/1999	Tày	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	Chuyên Bắc Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

03-TỈNH BẮC GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	THÂN THỊ MAI	LINH	03.06.06	24/09/2000	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	11	Chuyên Bắc Giang
38	NGUYỄN THU	THẢO	03.06.07	01/01/2000	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	Chuyên Bắc Giang
39	CHU THÚY	HIỀN	03.07.02	11/01/2000	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	11	Chuyên Bắc Giang
40	DƯƠNG THU	HƯƠNG	03.07.04	12/07/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	Chuyên Bắc Giang
41	PHẠM KHÁNH	LINH	03.07.07	02/09/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	Chuyên Bắc Giang
42	ĐÀO THỊ THIÊN	LÝ	03.07.08	25/05/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	Chuyên Bắc Giang
43	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	03.07.06	07/01/2000	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	11	Chuyên Bắc Giang
44	LƯU THỊ NGỌC	LINH	03.07.05	10/04/2000	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Lịch sử	14.75	Nhì	11	Chuyên Bắc Giang
45	NGUYỄN TUẤN	HÙNG	03.07.03	22/03/1999	Kinh	Bắc Giang	Nam	Lịch sử	16.75	Nhì	12	Chuyên Bắc Giang
46	ĐỖ PHƯƠNG	ANH	03.07.01	21/09/2000	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Lịch sử	16.00	Nhì	11	Chuyên Bắc Giang
47	NINH THỊ	XUÂN	03.08.08	31/10/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang
48	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	03.08.06	26/07/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang
49	LƯƠNG THỊ	THOAN	03.08.05	06/09/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang
50	GIÁP THỊ HỒNG	ANH	03.08.01	08/02/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang
51	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	03.08.03	11/05/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang
52	HÀ THỊ THANH	HƯƠNG	03.08.02	05/08/2000	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	11	Chuyên Bắc Giang
53	NGUYỄN NGÂN	HÀ	03.09.02	18/11/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.05	Ba	12	Chuyên Bắc Giang
54	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	03.09.05	13/11/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Tiếng Anh	14.45	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

03-TỈNH BẮC GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
55	VŨ THANH	TÙNG	03.09.06	27/01/1999	Kinh	Bắc Giang	Nam	Tiếng Anh	14.75	Ba	12	Chuyên Bắc Giang
56	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIAO	03.09.01	27/03/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Tiếng Anh	13.95	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang
57	TRƯƠNG CHÍ	KIÊN	03.09.04	28/11/2000	Hoa	Bắc Giang	Nam	Tiếng Anh	15.05	Ba	11	Chuyên Bắc Giang
58	PHẠM THỊ	HUYỀN	03.09.03	24/10/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Tiếng Anh	13.90	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang
59	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	03.11.06	09/10/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Tiếng Pháp	15.25	Ba	12	Chuyên Bắc Giang
60	ĐỖ THÀNH	NAM	03.11.03	12/04/2000	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Pháp	15.15	K.Khích	11	Chuyên Bắc Giang
61	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LAN	03.11.02	21/05/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Tiếng Pháp	14.48	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang
62	TỔNG THỊ	THẨM	03.12.06	04/02/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Tiếng Trung	14.75	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang
63	NGUYỄN THỊ HỒNG	THAO	03.12.05	22/03/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Tiếng Trung	14.75	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang
64	ĐOÀN THỊ	LOAN	03.12.03	15/12/1999	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Tiếng Trung	15.00	K.Khích	12	Chuyên Bắc Giang

Danh sách này gồm 64 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

05-TỈNH BẠC LIÊU

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN NGỌC TRÚC VY	05.01.06	22/03/1999	Kinh	Tỉnh Bạc Liêu	Nữ	Toán	15.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Bạc Liêu
2	VŨ THANH TOÀN	05.03.06	30/08/1999	Kinh	Tỉnh Hưng Yên	Nam	Hoá học	19.20	K.Khích	12	THPT Chuyên Bạc Liêu
3	HỒNG THỊ HUỲNH NHƯ	05.06.03	08/08/2000	Kinh	Tỉnh Bạc Liêu	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Bạc Liêu
4	TÔ THỰC VY	05.06.06	29/09/2000	Kinh	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT Chuyên Bạc Liêu

Danh sách này gồm 4 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

06-TỈNH BẮC NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÊ LONG VŨ	06.01.06	09/12/2000	Kinh	Bắc Giang	Nam	Toán	19.00	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
2	NGUYỄN THANH HIẾU	06.01.01	01/06/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Toán	20.50	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
3	NGÔ TRƯỜNG GIANG	06.02.01	27/06/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Vật lí	25.60	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
4	NGUYỄN QUANG HUY	06.02.02	11/07/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Vật lí	19.45	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
5	MÃN BÁ HỮU	06.02.03	07/07/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Vật lí	32.15	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
6	TRẦN THẾ LUẬT	06.02.05	26/02/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	24.95	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
7	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	06.02.06	21/10/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Vật lí	34.70	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
8	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	06.03.01	19/08/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Hoá học	26.80	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
9	NGUYỄN THẠCH HỮU DÂN	06.03.02	02/11/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Hoá học	27.30	Nhì	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
10	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	06.03.03	16/08/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Hoá học	24.40	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
11	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	06.03.04	22/02/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Hoá học	20.45	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
12	PHẠM TRỌNG HÒA	06.03.05	18/06/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Hoá học	22.95	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
13	PHÙ THỊ PHƯƠNG	06.03.07	03/11/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Hoá học	19.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
14	NGUYỄN ĐỨC SƠN	06.03.08	15/06/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Hoá học	23.70	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
15	NGUYỄN DUY THÁI	06.03.10	03/08/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Hoá học	25.00	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
16	NGUYỄN KIM THÀNH	06.03.09	05/12/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Hoá học	19.10	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
17	CAO PHAN MẠNH	06.04.02	06/01/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Sinh học	26.30	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
18	BÙI MINH THANH	06.04.05	21/09/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Sinh học	28.80	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

06-TỈNH BẮC NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	LƯƠNG THỊ THU	THẢO	06.04.07	29/10/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Sinh học	27.80	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
20	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	06.04.08	06/11/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Sinh học	22.55	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
21	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ĐÔNG	06.05.04	07/01/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Tin học	16.30	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
22	NGUYỄN HUY	KHÔI	06.05.05	04/10/1999	Kinh	Bắc Giang	Nam	Tin học	22.25	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
23	NGUYỄN CÔNG	LUẬT	06.05.06	21/10/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Tin học	17.05	Ba	12	THPT Hàn Thuyên
24	NGUYỄN QUANG	VINH	06.05.08	24/12/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Tin học	13.48	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
25	CHU THỊ	HẠNH	06.06.01	20/09/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
26	NGÔ THỊ HOA	LÊ	06.06.02	03/11/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
27	NGUYỄN THỊ TRÀ	MI	06.06.04	29/09/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
28	ĐẶNG THỊ THANH	TUYỀN	06.06.05	29/07/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
29	ĐOÀN HOÀNG	YẾN	06.06.06	29/01/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
30	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	06.07.02	14/10/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
31	NGUYỄN THỊ	NGA	06.07.03	10/03/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
32	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	06.07.04	19/01/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
33	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	06.07.05	28/10/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
34	HOÀNG THỊ	VÂN	06.07.06	19/02/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
35	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	06.08.01	07/02/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Địa lí	15.50	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
36	ĐÀO THỊ TÚ	LINH	06.08.02	04/08/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

06-TỈNH BẮC NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	PHẠM THỊ THANH	TUYỀN	06.08.07	21/01/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
38	CHU ĐỨC	ANH	06.09.01	02/05/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Tiếng Anh	15.00	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Ninh
39	NGUYỄN GIANG	SƠN	06.09.04	08/11/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Tiếng Anh	15.10	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh
40	ĐÀO NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	06.09.06	25/11/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Tiếng Anh	14.60	Ba	11	THPT Chuyên Bắc Ninh

Danh sách này gồm 40 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

07-TỈNH BẾN TRE

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRẦN THANH DƯƠNG	07.01.01	20/02/1999	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nam	Toán	18.50	Ba	12	Trường THPT Chuyên Bến Tre
2	LÊ TRÌ THANH TUYỀN	07.03.06	16/08/1999	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nữ	Hoá học	23.50	Ba	12	Trường THPT Chuyên Bến Tre
3	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN	07.03.04	20/05/1999	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nữ	Hoá học	24.75	Ba	12	Trường THPT Chuyên Bến Tre
4	TRẦN MINH TIẾN	07.03.05	22/11/1999	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nữ	Hoá học	17.75	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Bến Tre
5	TRẦN TRỌNG PHÚ	07.04.03	12/02/1999	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nam	Sinh học	27.80	Ba	12	Trường THPT Chuyên Bến Tre
6	LÂM THIÊN PHÚ	07.04.02	14/07/1997	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nam	Sinh học	22.35	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Bến Tre
7	HUỖNH NGÔ TRƯỜNG ĐẠT	07.05.04	07/06/1999	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nam	Tin học	17.38	Ba	12	Trường THPT Chuyên Bến Tre
8	ĐỖ THÀNH ĐẠT	07.05.03	19/03/2000	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nam	Tin học	11.95	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên Bến Tre
9	ĐOÀN HOÀNG HÂN	07.06.01	10/11/1999	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Bến Tre
10	NGUYỄN THỊ YẾN NGỌC	07.07.03	02/08/1999	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Bến Tre
11	TRẦN GIA HÂN	07.07.02	30/10/1999	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Bến Tre

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

07-TỈNH BẾN TRE

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	ĐẶNG THỊ MAI PHƯƠNG	07.08.06	14/03/1999	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Bến Tre
13	ĐINH NGỌC HÂN	07.08.02	01/03/1999	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Bến Tre
14	DIỆP ĐÌNH KHANG	07.09.03	22/11/1999	Hoa	Tỉnh Bến Tre	Nam	Tiếng Anh	15.40	Ba	12	Trường THPT Chuyên Bến Tre
15	PHẠM KIM HOÀNG	07.09.02	28/08/1999	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nữ	Tiếng Anh	13.85	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Bến Tre
16	LÊ GIA KHÁNH	07.09.04	29/08/2000	Kinh	Tỉnh Bến Tre	Nam	Tiếng Anh	13.85	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên Bến Tre

Danh sách này gồm 16 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017
CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

08-TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÊ BÁ	THÀNH	08.01.05	18/08/2000	Kinh	Bình Định	Nam	Toán	23.50	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
2	TRÀ TRẦN QUÝ	THIÊN	08.01.06	03/10/2000	Kinh	Bình Định	Nam	Toán	22.50	Nhì	11	THPT Tăng Bạt Hổ
3	TRẦN HỮU	TRÍ	08.01.08	27/10/1999	Kinh	Bình Định	Nam	Toán	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
4	NGUYỄN PHÚC VIỆT	KHOA	08.02.03	05/02/2000	Kinh	Bình Định	Nam	Vật lí	23.70	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
5	NGUYỄN HOÀNG	LONG	08.02.04	15/03/2000	Kinh	Bình Định	Nam	Vật lí	25.90	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
6	NGÔ THẢO	NGUYỄN	08.02.05	14/11/1999	Kinh	Bình Định	Nữ	Vật lí	24.65	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
7	BÙI ĐỨC	ÁI	08.03.01	24/08/1999	Kinh	Bình Định	Nam	Hoá học	20.55	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
8	LƯU QUANG	HUY	08.03.02	02/04/1999	Kinh	Bình Định	Nam	Hoá học	23.20	Ba	12	THPT Lý Tự Trọng
9	NGUYỄN HỮU	NHƠN	08.03.04	19/08/1999	Kinh	Bình Định	Nam	Hoá học	22.20	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
10	LÊ NGUYỄN QUANG	THỊNH	08.03.06	24/10/2000	Kinh	Bình Định	Nam	Hoá học	20.45	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
11	HUỲNH THỊ TÀI	TRÍ	08.03.07	27/03/2000	Kinh	Bình Định	Nữ	Hoá học	22.05	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
12	TRƯƠNG HOÀNG	VIỆT	08.03.08	06/07/1999	Kinh	Bình Định	Nam	Hoá học	24.55	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
13	PHẠM THỊ THÙY	DUNG	08.04.01	06/09/2000	Kinh	Bình Định	Nữ	Sinh học	24.15	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
14	NGUYỄN HOÀNG	LONG	08.04.03	26/07/2000	Kinh	Bình Định	Nam	Sinh học	22.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
15	NGUYỄN GIA	HIỆU	08.04.02	10/09/1999	Kinh	Bình Định	Nam	Sinh học	24.00	K.Khích	12	THPT số 3 Phù Cát
16	LÊ TRẦN HỮU	ĐẮC	08.05.01	26/08/1999	Kinh	Bình Định	Nam	Tin học	14.85	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
17	TRẦN HỮU THIÊN	LƯƠNG	08.05.04	15/07/1999	Kinh	Bình Định	Nam	Tin học	13.70	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
18	ĐÀO MAI	TRANG	08.06.06	18/02/2000	Kinh	Bình Định	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

08-TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	LÂM GIA HÂN	08.07.01	03/08/1999	Kinh	Bình Định	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
20	HUỖNH THỊ KIỀU MY	08.07.02	01/07/1999	Kinh	Bình Định	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT Lý Tự Trọng
21	TRƯƠNG NGỌC QUỲNH NHƯ	08.07.04	19/01/2000	Kinh	Bình Định	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
22	PHÙNG THỊ NGUYỄN	08.07.03	19/08/1999	Kinh	Bình Định	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT Nguyễn Trần
23	PHAN VĂN TÌM	08.07.05	10/03/1999	Kinh	Bình Định	Nam	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT số 3 Phù Cát
24	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	08.07.06	18/08/1999	Kinh	Bình Định	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
25	HÀ XUÂN BẢO	08.08.01	26/02/1999	Kinh	Bình Định	Nam	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Mỹ Tho
26	NGUYỄN NGUYỄN CHI	08.09.01	21/03/1999	Kinh	Quảng Trị	Nữ	Tiếng Anh	14.85	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
27	NGUYỄN QUANG HUY	08.09.03	04/11/1999	Kinh	Bình Định	Nam	Tiếng Anh	14.40	K.Khích	12	Quốc học Quy Nhơn
28	NGUYỄN NGỌC GIAO	08.09.02	09/08/2000	Kinh	Bình Định	Nữ	Tiếng Anh	13.55	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
29	LÂM QUANG NHẬT	08.09.06	18/04/1999	Kinh	Bình Định	Nam	Tiếng Anh	14.40	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
30	NGUYỄN HOÀI LINH	08.09.04	20/03/2000	Kinh	Bình Định	Nữ	Tiếng Anh	13.65	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
31	NGUYỄN BÁ PHONG	08.09.07	15/09/1999	Kinh	Bình Định	Nam	Tiếng Anh	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
32	NGUYỄN PHÚC NHÃ QUYÊN	08.09.08	30/06/2000	Kinh	Bình Định	Nữ	Tiếng Anh	14.50	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

08-TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 32 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

09-TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRẦN HOÀNG	LONG	09.01.04	24/09/2000	Kinh	Bình Dương	Nam	Toán	14.00	K.Khích	11	THPT chuyên Hùng Vương
2	NGUYỄN HỮU DUY	QUANG	09.02.06	17/02/1999	Kinh	Bình Dương	Nam	Vật lí	19.60	K.Khích	12	THPT chuyên Hùng Vương
3	ĐỖ QUỐC	ĐẠT	09.04.01	30/12/2000	Kinh	Bình Dương	Nam	Sinh học	26.10	Ba	11	THPT chuyên Hùng Vương
4	PHAN NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	09.04.03	06/11/1999	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Sinh học	27.50	Ba	12	THPT chuyên Hùng Vương
5	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	PHÚC	09.05.04	11/12/2000	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	15.20	K.Khích	11	THPT chuyên Hùng Vương
6	LÝ THIÊN	ÂN	09.05.02	21/02/1999	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	16.05	Ba	12	THPT chuyên Hùng Vương
7	ĐẶNG THỊ KHÁNH	CHI	09.06.01	12/11/1999	Kinh	Bình Dương	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Hùng Vương
8	LÊ XUÂN	DUY	09.07.03	14/12/1999	Kinh	Bình Dương	Nam	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT chuyên Hùng Vương
9	LÊ TIẾN	GIÀU	09.07.04	05/05/1999	Kinh	Bình Dương	Nam	Lịch sử	15.25	Nhì	12	THPT Tân Phước Khánh
10	TRẦN THỊ NGỌC	QUỲNH	09.07.06	02/10/1999	Kinh	Bình Dương	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT Tân Phước Khánh
11	PHẠM THỊ MỸ	HẠNH	09.08.03	22/07/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	11	THPT chuyên Hùng Vương
12	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUỲNH	09.09.05	12/07/1999	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	13.90	K.Khích	12	THPT chuyên Hùng Vương
13	CHIÊU KIM	QUỲNH	09.09.04	05/06/2000	Hoa	Bình Dương	Nữ	Tiếng Anh	15.20	Ba	11	THPT chuyên Hùng Vương
14	NGÔ CHÍ	CƯỜNG	09.09.02	17/01/1999	Hoa	Bình Dương	Nam	Tiếng Anh	14.05	K.Khích	12	THPT Huỳnh Văn Nghệ
15	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	09.09.06	11/06/1999	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	13.55	K.Khích	12	THPT chuyên Hùng Vương

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

09-TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 15 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

10-TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRẦN VĂN TRÀ	10.01.05	27/10/1999	Kinh	Bình Phước	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT chuyên Bình Long
2	DƯƠNG THÁI ĐỨC SƠN	10.01.03	03/12/1999	Kinh	Bình Phước	Nam	Toán	18.50	Ba	12	THPT chuyên Bình Long
3	LÊ SỸ QUAN	10.01.02	03/10/1999	Kinh	Bình Phước	Nam	Toán	17.00	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
4	LÊ PHƯỚC TÙNG	10.01.06	14/12/1999	Kinh	Bình Phước	Nam	Toán	17.00	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
5	NGUYỄN VĂN THÀNH LỢI	10.02.07	20/03/2000	Kinh	Bình Phước	Nam	Vật lí	31.80	Nhì	11	THPT chuyên Quang Trung
6	TRẦN VĂN THÁI	10.02.09	28/02/2000	Kinh	Hải Dương	Nam	Vật lí	26.25	Ba	11	THPT chuyên Quang Trung
7	HỒ KHÁNH LINH	10.02.05	27/08/1999	Kinh	Bình Phước	Nam	Vật lí	32.10	Nhì	12	THPT chuyên Quang Trung
8	ĐOÀN THANH HIỀN	10.02.03	04/07/1999	Kinh	Bình Phước	Nam	Vật lí	33.95	Nhì	12	THPT chuyên Quang Trung
9	NGUYỄN VĂN TÚ	10.02.10	10/01/2000	Kinh	Bình Phước	Nam	Vật lí	25.10	Ba	11	THPT chuyên Quang Trung
10	PHẠM HOÀNG ÂN	10.02.01	21/08/2000	Kinh	Bình Phước	Nam	Vật lí	21.65	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung
11	NGUYỄN VĂN HỢP	10.02.04	02/04/1999	Kinh	Bình Phước	Nam	Vật lí	28.40	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
12	HỒ NGHĨA GIA BẢO	10.02.02	16/10/2000	Kinh	Bình Phước	Nam	Vật lí	21.95	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung
13	MAI THANH HUYỀN	10.03.05	24/07/1999	Kinh	Bình Phước	Nữ	Hoá học	22.60	Ba	12	THPT chuyên Bình Long
14	LÊ ĐÌNH QUÂN	10.03.09	09/09/1999	Kinh	Bình Phước	Nam	Hoá học	23.65	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
15	NGUYỄN QUANG THẾ VŨ	10.03.10	16/07/1999	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Hoá học	25.85	Nhì	12	THPT chuyên Quang Trung
16	HUỲNH DŨNG ANH	10.03.01	12/01/1999	Kinh	Bình Phước	Nam	Hoá học	22.80	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
17	ĐỖ VĂN MINH	10.03.06	13/04/1999	Kinh	Bình Phước	Nam	Hoá học	21.80	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
18	ĐẶNG NGỌC PHONG	10.03.07	26/08/1999	Kinh	Bình Phước	Nam	Hoá học	20.70	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

10-TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	VI THẾ	BẢO	10.03.03	11/01/2000	Kinh	Bình Phước	Nam	Hoá học	18.00	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung
20	PHAN QUỐC	ANH	10.03.02	27/02/2000	Kinh	Bình Phước	Nam	Hoá học	18.70	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung
21	LÊ VĂN	PHONG	10.03.08	02/01/1999	Kinh	Bình Phước	Nam	Hoá học	22.80	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
22	ĐẶNG THỊ MỸ	DUYÊN	10.03.04	26/11/2000	Kinh	Gia Lai	Nữ	Hoá học	22.55	Ba	11	THPT chuyên Quang Trung
23	NGUYỄN THẾ	VỸ	10.04.08	04/10/1999	Kinh	Bình Phước	Nam	Sinh học	31.85	Nhì	12	THPT chuyên Bình Long
24	LÝ HOÀNG	OANH	10.04.05	13/11/1999	Hoa	Bình Dương	Nữ	Sinh học	30.45	Nhì	12	THPT chuyên Quang Trung
25	NGÔ NGUYỄN THÚY	VY	10.04.07	19/01/1999	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Sinh học	32.15	Nhì	12	THPT chuyên Quang Trung
26	LÊ THỊ THỤC	TRINH	10.04.06	04/05/2000	Kinh	Bình Phước	Nữ	Sinh học	27.85	Ba	11	THPT chuyên Quang Trung
27	MAI YẾN	LINH	10.04.03	29/08/2000	Kinh	Thái Bình	Nữ	Sinh học	26.40	Ba	11	THPT chuyên Quang Trung
28	TRẦN LAN	NHẬT	10.04.04	30/03/1999	Kinh	Bình Phước	Nữ	Sinh học	26.85	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
29	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	10.05.01	07/12/2000	Kinh	Thành Phố Hồ	Nam	Tin học	15.20	K.Khích	11	THPT chuyên Bình Long
30	HỒ QUỐC	TRUNG	10.05.05	28/06/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	21.60	Nhì	12	THPT chuyên Bình Long
31	PHẠM HỮU	VINH	10.05.06	09/06/1999	Kinh	Bến Tre	Nam	Tin học	18.75	Ba	12	THPT chuyên Bình Long
32	LÊ VĂN	HIỀN	10.05.02	20/01/2000	Kinh	Bình Phước	Nam	Tin học	14.93	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung
33	HỒ ĐÌNH	TIẾN	10.05.04	23/03/1999	Kinh	Bình Phước	Nam	Tin học	15.35	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
34	PHẠM TRỌNG	LONG	10.05.03	28/10/2000	Kinh	Bình Phước	Nam	Tin học	15.00	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung
35	HOÀNG THỊ NGỌC	TRANG	10.06.05	12/07/2000	Kinh	Ninh Thuận	Nữ	Ngữ văn	14.50	Ba	11	THPT chuyên Quang Trung
36	NGUYỄN VĂN	ĐIỀN	10.06.01	24/05/1999	Kinh	Bình Phước	Nam	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

10-TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	PHAN THỊ LỆ	10.07.02	18/05/1999	Kinh	Bình Phước	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
38	TRẦN LÊ THỊ THÙY TRANG	10.07.09	17/06/1999	Kinh	Bình Phước	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
39	VÕ THỊ HẢI YẾN	10.08.10	10/03/2000	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	11	THPT chuyên Quang Trung
40	NGUYỄN THỊ MAI XUÂN	10.08.09	05/11/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	15.50	Ba	12	THPT chuyên Quang Trung
41	MAI THỊ MINH HÒA	10.08.02	11/03/1999	Kinh	Bình Phước	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
42	ĐỖ THỊ KIỀU TRINH	10.08.08	22/02/1999	Kinh	Bình Phước	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung
43	PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	10.08.06	28/03/2000	Kinh	Bình Phước	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	11	THPT chuyên Quang Trung
44	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	10.08.01	11/10/1999	Kinh	Bình Phước	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Quang Trung

Danh sách này gồm 44 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

11-TỈNH BÌNH THUẬN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	DƯƠNG ĐỨC TÍN	11.01.06	14/08/1999	Kinh	Bình Thuận	Nam	Toán	17.00	K.Khích	12	Chuyên Trần Hưng Đạo
2	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	11.01.01	14/01/2000	Kinh	Bình Thuận	Nam	Toán	17.50	Ba	11	Chuyên Trần Hưng Đạo
3	HUỲNH BÁCH KHOA	11.01.03	23/03/2000	Kinh	Bình Thuận	Nam	Toán	17.00	K.Khích	11	Chuyên Trần Hưng Đạo
4	ĐẬU NGỌC KHÁNH	11.01.02	07/04/2000	Kinh	Bình Thuận	Nam	Toán	15.00	K.Khích	11	Chuyên Trần Hưng Đạo
5	ĐỖ NGUYỄN GIAO NGÂN	11.04.03	15/04/1999	Kinh	Bình Thuận	Nữ	Sinh học	24.25	K.Khích	12	Chuyên Trần Hưng Đạo
6	CHÂU THỊ KIM HIỂN	11.06.02	11/06/1999	Kinh	Bình Thuận	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Chuyên Trần Hưng Đạo
7	NGUYỄN HOÀNG LONG	11.06.03	17/09/2000	Kinh	Bình Thuận	Nam	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	Chuyên Trần Hưng Đạo
8	NGUYỄN THỊ THÂN	11.08.05	14/06/1999	Kinh	Bình Thuận	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	12	Chuyên Trần Hưng Đạo
9	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	11.09.02	22/05/1999	Kinh	Bình Thuận	Nữ	Tiếng Anh	13.65	K.Khích	12	Chuyên Trần Hưng Đạo

Danh sách này gồm 9 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

12-TỈNH CÀ MAU

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRẦN MINH LONG TRIỀU	12.03.06	23/08/2000	Kinh	Cà Mau	Nam	Hoá học	19.55	K.Khích	11	THPT chuyên Phan Ngọc Hiển
2	NGUYỄN VĂN DỒ	12.04.02	07/10/1998	Kinh	Cà Mau	Nam	Sinh học	24.90	Ba	12	THPT chuyên Phan Ngọc Hiển
3	VĂN MINH KHÉN	12.04.03	21/04/1999	Kinh	Cà Mau	Nam	Sinh học	23.90	K.Khích	12	THPT Đầm Dơi
4	NGUYỄN DƯƠNG MINH TÂM ĐẠT	12.05.03	08/01/1999	Kinh	Cà Mau	Nam	Tin học	12.70	K.Khích	12	THPT chuyên Phan Ngọc Hiển
5	NGUYỄN KIM XUYẾN	12.06.06	01/01/1999	Kinh	Cà Mau	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Phan Ngọc Hiển
6	HUỖNH THANH MỘNG	12.07.01	29/01/1999	Kinh	Cà Mau	Nam	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Phan Ngọc Hiển
7	NGUYỄN MINH NHỰT	12.07.04	09/09/1999	Kinh	Cà Mau	Nam	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT Đầm Dơi
8	DƯƠNG MINH TĂNG	12.07.06	03/04/1999	Kinh	Cà Mau	Nam	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Thới Bình
9	HUỖNH PHÚC CHUÔNG	12.08.02	13/05/1999	Kinh	Cà Mau	Nam	Địa lí	13.75	K.Khích	12	THPT chuyên Phan Ngọc Hiển
10	HUỖNH THIÊN NHÂN	12.08.03	01/01/1999	Kinh	Cà Mau	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Đầm Dơi

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

12-TỈNH CÀ MAU

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 10 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

13-TP. CẦN THƠ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN TRẦN HỮU	THỊNH	13.01.05	02/07/1999	Kinh	Cần Thơ	Nam	Toán	18.50	Ba	12	Chuyên Lý Tự Trọng
2	TRIỆU PHÚ	HỮU	13.01.02	10/11/1999	Hoa	Thốt Nốt	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	Thốt Nốt
3	PHẠM VĂN	THẮNG	13.02.05	21/09/1999	Kinh	Cần Thơ	Nam	Vật lí	26.50	Ba	12	Chuyên Lý Tự Trọng
4	PHẠM HOÀNG	PHÚC	13.03.03	15/01/1999	Kinh	Cần Thơ	Nam	Hoá học	23.15	Ba	12	Chuyên Lý Tự Trọng
5	TRẦN THỤY THANH	THẢO	13.03.06	28/04/1999	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Hoá học	23.70	Ba	12	Chuyên Lý Tự Trọng
6	NGUYỄN THANH NHẬT	HÀO	13.04.01	15/09/1999	Kinh	Cần Thơ	Nam	Sinh học	24.95	Ba	12	Chuyên Lý Tự Trọng
7	DƯƠNG TRẦN THIÊN	PHÚC	13.04.03	28/09/1999	Kinh	Cần Thơ	Nam	Sinh học	26.80	Ba	12	Chuyên Lý Tự Trọng
8	NGÔ TRÍ MINH	PHƯƠNG	13.04.04	07/12/1999	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Sinh học	23.00	K.Khích	12	Chuyên Lý Tự Trọng
9	VÕ MINH THIÊN	LONG	13.05.02	15/11/2000	Kinh	Cần Thơ	Nam	Tin học	12.45	K.Khích	11	Chuyên Lý Tự Trọng
10	NGUYỄN DIỆP XUÂN	QUANG	13.05.04	16/05/1999	Kinh	Cần Thơ	Nam	Tin học	34.10	Nhất	12	Chuyên Lý Tự Trọng
11	HOÀNG VĂN	THIÊN	13.05.05	28/03/1999	Kinh	Ô Môn	Nam	Tin học	24.80	Nhì	12	Chuyên Lý Tự Trọng
12	HUỖNH MINH THÚY	VY	13.06.06	31/03/2000	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	Chuyên Lý Tự Trọng
13	PHẠM THỊ NHƯ	QUỲNH	13.06.04	14/05/1999	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	Lưu Hữu Phước
14	PHẠM KIM	THỦY	13.07.05	01/05/1999	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	Chuyên Lý Tự Trọng
15	PHẠM ĐỖ	ÂN	13.08.01	14/03/1999	Kinh	Cần Thơ	Nam	Địa lí	14.75	Ba	12	Chuyên Lý Tự Trọng
16	DU THỊ NGỌC	HUYỀN	13.08.03	26/12/1999	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	Chuyên Lý Tự Trọng
17	CAO TUẤN	TÈO	13.08.04	07/01/1999	Kinh	Cần Thơ	Nam	Địa lí	13.25	K.Khích	11	Chuyên Lý Tự Trọng
18	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	13.08.05	29/05/1999	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	Chuyên Lý Tự Trọng

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

13-TP. CẦN THƠ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	13.08.06	05/10/1999	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	Chuyên Lý Tự Trọng
20	BÙI PHÚC	HẬU	13.09.02	19/11/1999	Kinh	Cần Thơ	Nam	Tiếng Anh	15.65	Nhì	12	Chuyên Lý Tự Trọng
21	ĐOÀN HUỖNH	KIM	13.09.04	10/06/1999	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Tiếng Anh	14.15	K.Khích	12	Chuyên Lý Tự Trọng
22	TRỊNH HIẾU	MINH	13.09.05	17/07/2000	Hoa	Cần Thơ	Nam	Tiếng Anh	13.85	K.Khích	11	Chuyên Lý Tự Trọng
23	LƯƠNG GIA	PHÚC	13.09.06	21/01/2000	Kinh	Cần Thơ	Nam	Tiếng Anh	14.85	Ba	11	Chuyên Lý Tự Trọng
24	LƯU NGỌC PHƯƠNG	MINH	13.11.05	30/09/2000	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Tiếng Pháp	14.33	K.Khích	11	Chuyên Lý Tự Trọng

Danh sách này gồm 24 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

14-TỈNH CAO BẰNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÂM THỊ BÍCH NGỌC	14.04.03	14/11/1999	Nùng	Cao Bằng	Nữ	Sinh học	27.45	Ba	12	THPT Chuyên
2	BẾ THỊ HUỆ	14.07.02	13/02/1999	Tày	Cao Bằng	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên
3	HÀ LONG THÀNH	14.07.05	05/09/1999	Tày	Cao Bằng	Nam	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT Chuyên
4	HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	14.07.06	15/11/1999	Tày	Cao Bằng	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Chuyên
5	NGUYỄN THỊ CẨM LY	14.08.04	05/08/1999	Tày	Cao Bằng	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên
6	LÝ DIỆU HOÀNG	14.09.03	18/04/1999	Tày	Cao Bằng	Nữ	Tiếng Anh	13.65	K.Khích	12	THPT Chuyên

Danh sách này gồm 6 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

15-TP. ĐÀ NẴNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÊ PHƯỚC	ĐỊNH	15.01.01	04/05/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Toán	29.50	Nhất	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
2	PHẠM TUẤN	KIỆT	15.01.04	04/03/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Toán	19.00	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
3	NGUYỄN MINH	QUÂN	15.01.06	23/11/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
4	LÊ HỮU	ĐỨC	15.02.01	20/06/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Vật lí	33.75	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
5	PHẠM LÊ ANH	QUÂN	15.02.04	14/08/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Vật lí	22.60	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
6	NGUYỄN MINH	HUNG	15.02.02	05/03/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Vật lí	31.80	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
7	ĐỖ THÀNH	TRUNG	15.02.06	05/04/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Vật lí	29.40	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
8	VÕ VĂN	MINH	15.02.03	11/12/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Vật lí	27.70	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
9	LƯU TRƯƠNG VĨNH	TRÂN	15.02.05	01/01/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Vật lí	21.10	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
10	LÊ TRẦN KHÔI	NGUYỄN	15.03.03	12/01/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Hoá học	22.25	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
11	TRẦN VŨ NGỌC	HƯƠNG	15.03.02	01/08/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Hoá học	21.15	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
12	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	15.03.01	11/11/2000	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Hoá học	26.90	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
13	TRẦN CÔNG	THÀNH	15.03.04	24/11/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Hoá học	17.70	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
14	ĐẶNG HIẾU	THÔNG	15.03.06	20/04/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Hoá học	23.80	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
15	TRẦN MINH	TOÀN	15.04.06	02/09/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Sinh học	24.30	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
16	PHẠM LINH	CHI	15.04.01	26/01/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Sinh học	27.35	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
17	TRẦN THỊ LÂM	THẢO	15.04.05	22/03/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Sinh học	24.80	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
18	NGÔ LÊ	QUÂN	15.04.04	08/08/2000	Kinh	Quảng Nam	Nam	Sinh học	27.90	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

15-TP. ĐÀ NẴNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	LÊ DƯƠNG THÙY	DUNG	15.05.02	19/05/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Tin học	14.70	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
20	LÊ NGUYỄN GIA	KHÁNH	15.05.03	18/09/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Tin học	19.05	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
21	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	15.05.06	09/03/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Tin học	24.05	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
22	ĐẶNG TẤN	TÀI	15.05.05	26/01/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Tin học	18.25	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
23	NGUYỄN LÊ LÝ	BẰNG	15.05.01	18/03/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Tin học	12.68	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
24	LƯU ĐỨC	DUY	15.06.02	10/03/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
25	NGUYỄN THỊ THANH	THÙY	15.06.05	13/02/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
26	PHAN LÊ NGỌC	THU	15.06.06	09/11/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
27	NGUYỄN LÊ	QUYÊN	15.09.08	23/11/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Tiếng Anh	15.00	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
28	NGÔ VĂN	KHOA	15.09.03	12/02/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Tiếng Anh	15.65	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
29	LÊ HÀ LAN	NHI	15.09.06	17/08/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Tiếng Anh	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
30	ĐINH UYỂN	MY	15.09.04	03/12/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Tiếng Anh	14.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
31	LÊ XUÂN	BÁCH	15.09.01	06/09/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Tiếng Anh	15.45	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
32	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	15.09.02	11/09/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Tiếng Anh	14.50	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
33	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	15.09.07	01/11/2000	Kinh	Quảng Nam	Nam	Tiếng Anh	15.65	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
34	NGUYỄN DIÊN	TÙNG	15.11.04	19/06/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nam	Tiếng Pháp	14.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
35	NGUYỄN HẢI HƯƠNG	TRÂN	15.11.03	31/10/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Tiếng Pháp	14.38	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

15-TP. ĐÀ NẴNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 35 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

16-TỈNH ĐẮK LẮK

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRƯƠNG NGỌC	HUY	16.01.04	03/06/1999	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Toán	23.00	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Du
2	NGUYỄN THÀNH	PHÁT	16.01.05	07/10/1999	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Toán	20.00	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Du
3	HOÀNG HUY	THÔNG	16.01.06	23/08/1999	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Toán	21.00	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Du
4	NGUYỄN CÔNG	HOÀNG	16.02.03	13/08/1999	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Vật lí	29.00	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Du
5	NGUYỄN CÔNG	HUY	16.02.04	13/08/1999	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Vật lí	20.20	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Du
6	LÊ ĐỖ ANH	KHOA	16.02.06	15/09/1999	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Vật lí	23.15	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Du
7	VÕ THỊ TUYẾT	DIỆU	16.03.01	03/06/2000	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Hoá học	23.85	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Du
8	NGUYỄN KHANG	DIỆP	16.03.02	28/02/2000	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Hoá học	27.10	Nhì	11	THPT chuyên Nguyễn Du
9	LÊ THỊ THƯƠNG	HOÀI	16.03.03	16/11/1999	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Hoá học	17.80	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Du
10	TRẦN THỊ BÍCH	LIÊN	16.03.04	04/11/2000	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Hoá học	22.40	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Du
11	TRẦN NHÂN	NGHĨA	16.03.05	08/04/2000	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Hoá học	21.95	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Du
12	VŨ SƠN	TRUNG	16.03.07	14/04/2000	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Hoá học	21.25	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Du
13	PHẠM HOÀNG THANH	TÚ	16.03.08	17/10/1999	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Hoá học	25.10	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Du
14	TRƯƠNG THỊ THÙY	TRANG	16.04.05	23/01/2000	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Sinh học	27.45	Ba	11	THPT Phan Đình Phùng
15	TRẦN THẾ	PHONG	16.05.05	17/10/2001	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Tin học	14.08	K.Khích	10	THPT chuyên Nguyễn Du
16	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	16.06.03	09/02/1999	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Ngô Gia Tự
17	NGUYỄN KIỀU DIỄM	HƯƠNG	16.07.02	29/05/1999	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Du
18	DƯƠNG NIỀ QUỐC	PHONG	16.07.03	22/02/1999	Ê Đê	Đắk Lắk	Nam	Lịch sử	15.25	Nhì	12	THPT DTNT N"Trang Long

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

16-TỈNH ĐẮK LẮK

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	ĐỖ THỊ THU HÀ	16.08.01	09/12/2000	Kinh	Bình Phước	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	11	THPT Buôn Đôn
20	TRẦN THỊ DIỄM LÀNH	16.08.03	03/03/1999	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Du
21	NGUYỄN MẠNH LỰC	16.08.04	03/08/1999	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Địa lí	13.25	K.Khích	12	THPT DTNT N"Trang Long
22	TRẦN BÙI YẾN NHI	16.08.05	28/09/1999	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	THPT Cư M'gar
23	TRẦN THỊ DIỆU TÂM	16.08.06	29/08/2000	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	THPT Cư M'gar
24	NGUYỄN HOÀNG HẢI ĐĂNG	16.09.02	08/03/2000	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Tiếng Anh	13.55	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Du
25	NGUYỄN THỤY TỐ CHI	16.11.02	14/04/1999	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Tiếng Pháp	14.40	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Du

Danh sách này gồm 25 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

17-TỈNH ĐẮK NÔNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN THỊ CHIÊN	17.06.01	27/07/2000	Kinh	Hải Dương	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
2	LẠI THỊ SEN	17.07.02	26/05/1999	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
3	PHAN THỊ QUỲNH NGA	17.08.02	21/07/2000	Kinh	Đắk Nông	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	11	THPT Trường Chinh
4	PHẠM QUANG DUY	17.09.03	15/12/2000	Kinh	Đắk Lắk	Nam	Tiếng Anh	13.65	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh

Danh sách này gồm 4 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

18-TỈNH ĐIỆN BIÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRẦN TÙNG	LÂM	18.01.02	03/01/1999	Kinh	Lai Châu	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
2	PHẠM TUẤN	THÀNH	18.01.04	26/08/1999	Kinh	Lai Châu	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
3	PHẠM HUY	BÌNH	18.01.01	16/08/2000	Kinh	Lai Châu	Nam	Toán	14.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
4	PHẠM DUY	THÀNH	18.02.05	26/08/1999	Kinh	Lai Châu	Nam	Vật lí	30.30	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
5	TRẦN CÔNG	MINH	18.03.04	03/08/1999	Kinh	Lai Châu	Nam	Hoá học	19.45	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
6	KHUẤT DUY	HUNG	18.03.02	02/08/2000	Kinh	Lai Châu	Nam	Hoá học	18.70	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
7	DƯƠNG TÙNG	LÂM	18.03.03	23/02/2000	Kinh	Lai Châu	Nam	Hoá học	18.80	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
8	VŨ THU	HIỀN	18.06.02	23/08/2000	Kinh	Lai Châu	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
9	ĐINH PHƯƠNG	NGỌC	18.06.04	19/01/1999	Kinh	Lai Châu	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
10	HÀ HOÀNG NHẬT	LINH	18.06.03	20/09/1999	Kinh	Lai Châu	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
11	NGUYỄN VIỆT	HÀ	18.06.01	25/08/2000	Thái	Lai Châu	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
12	ĐẶNG HUYỀN	TRANG	18.06.06	10/01/1999	Kinh	Lai Châu	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
13	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	18.07.01	26/07/1999	Kinh	Lai Châu	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
14	ĐỖ VĂN	LINH	18.07.03	04/07/1999	Kinh	Lai Châu	Nam	Lịch sử	16.25	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
15	ĐẶNG PHƯƠNG	THẢO	18.07.04	03/11/1999	Kinh	Lai Châu	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
16	TRỊNH KIỀU	TRANG	18.07.06	18/11/1999	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
17	HOÀNG THỊ QUỲNH	TRANG	18.07.05	08/07/2000	Kinh	Lai Châu	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
18	TRẦN THANH	HẰNG	18.07.02	15/12/2000	Kinh	Lai Châu	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

18-TỈNH ĐIỆN BIÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN THỊ LƯỢNG	18.08.02	21/11/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
20	PHẠM THỊ THU	18.08.05	20/12/1999	Kinh	Lai Châu	Nữ	Địa lí	15.75	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
21	NGUYỄN THỊ THANH MAI	18.08.03	25/07/1999	Kinh	Lai Châu	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
22	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	18.08.04	17/10/1999	Kinh	Lai Châu	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn

Danh sách này gồm 22 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

19-TỈNH ĐỒNG NAI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	MAI VĂN XUÂN	HOÀNG	19.01.01	26/06/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
2	LƯU HOÀNG	HUY	19.01.02	24/06/1999	Kinh	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
3	LÊ THANH	TÚ	19.01.05	22/03/2000	Kinh	Đồng Nai	Nam	Toán	18.00	Ba	11	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
4	TRẦN THÀNH	ĐẠT	19.02.01	29/11/2000	Kinh	Đồng Nai	Nam	Vật lí	22.70	K.Khích	11	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
5	NGUYỄN MINH	QUỐC	19.02.05	07/12/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Vật lí	25.10	Ba	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
6	BÙI VĂN	TUẤN	19.02.06	15/05/2000	Kinh	Đồng Nai	Nam	Vật lí	21.65	K.Khích	11	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
7	VÕ MINH	NHẬT	19.02.04	14/10/1999	Kinh	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	20.55	K.Khích	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
8	HUỖNH TẤN	HÒA	19.02.02	01/07/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Vật lí	25.55	Ba	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
9	NGUYỄN NGỌC TRỊNH	PHONG	19.03.05	14/07/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Hoá học	20.80	K.Khích	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
10	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	19.03.04	25/01/1999	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Hoá học	24.45	Ba	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
11	NGUYỄN BÁ	LONG	19.03.02	13/08/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Hoá học	26.15	Nhì	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

19-TỈNH ĐỒNG NAI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	DƯƠNG MINH QUÂN	19.03.06	08/04/2000	Kinh	Đồng Nai	Nam	Hoá học	23.20	Ba	11	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
13	BÙI TRỌNG HIẾU	19.03.01	25/11/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Hoá học	20.10	K.Khích	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
14	NGUYỄN THỊ HỒNG HUẾ	19.04.03	03/08/1999	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Sinh học	22.80	K.Khích	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
15	ĐỖ THỊ TÌNH	19.04.08	20/02/1999	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Sinh học	22.55	K.Khích	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
16	PHAN CHU AN TIÊN	19.04.07	28/11/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Sinh học	23.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
17	NGUYỄN KHÁNH LINH	19.04.04	10/05/1999	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Sinh học	22.95	K.Khích	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
18	NGUYỄN THANH TÙNG	19.05.07	18/11/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tin học	30.00	Nhì	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
19	HUỲNH NGỌC NHẬT QUANG	19.05.04	01/02/2000	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tin học	13.55	K.Khích	11	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
20	LÊ HOÀNG NGỌC	19.05.03	01/04/2000	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tin học	16.10	Ba	11	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
21	NGUYỄN BÁ VINH QUANG	19.05.05	13/04/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tin học	25.80	Nhì	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
22	LÊ HUỲNH LONG VŨ	19.05.08	17/04/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tin học	19.60	Ba	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

19-TỈNH ĐỒNG NAI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	TRẦN QUỐC BẢO	19.05.01	03/06/2000	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tin học	20.45	Ba	11	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
24	NGUYỄN ANH MINH	19.05.02	25/05/2000	Kinh	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	20.30	Ba	11	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
25	LÊ QUANG TÙNG	19.05.06	20/08/2000	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tin học	18.48	Ba	11	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
26	NGUYỄN ĐẮC KIM PHỤNG	19.06.02	27/11/1999	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
27	NGUYỄN KIỀU MINH DIỄM	19.06.01	04/01/1999	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
28	ĐẶNG NGỌC MINH THU	19.06.05	04/06/1999	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
29	VŨ BẢO YẾN	19.06.06	08/03/2000	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
30	NGUYỄN HÀ THANH	19.06.03	09/07/2000	Kinh	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	11	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
31	TRẦN THỊ THU HÀ	19.07.02	11/02/1999	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Lịch sử	15.25	Nhì	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
32	TRẦN THỊ ĐÌNH HIỀN	19.08.02	09/02/1999	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Địa lí	15.50	Ba	12	THPT Long Khánh
33	LÊ NGUYỄN UYÊN NHI	19.08.04	11/12/2000	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Địa lí	16.25	Nhì	11	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
34	LÊ HOÀNG LAN	19.09.02	16/12/2000	Kinh	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	16.35	Nhì	11	THPT Chuyên Lương Thế Vinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

19-TỈNH ĐỒNG NAI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
											Vinh
35	NGUYỄN TẤN MINH	19.09.04	25/11/2000	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tiếng Anh	13.95	K.Khích	11	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
36	VŨ ANH TÚ	19.09.10	09/02/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tiếng Anh	14.20	K.Khích	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
37	LÊ THỊ BÁCH HỢP	19.09.01	13/02/2000	Kinh	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	14.95	Ba	11	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
38	NGUYỄN LÊ THANH THẢO	19.09.09	12/09/1999	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Tiếng Anh	13.60	K.Khích	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
39	NGUYỄN CHÍ QUANG	19.09.07	04/01/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Tiếng Anh	14.15	K.Khích	12	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
40	TRẦN KHÁNH NHI	19.09.06	05/07/2000	Kinh	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	14.70	Ba	11	THPT Trấn Biên

Danh sách này gồm 40 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

20-TỈNH ĐỒNG THÁP

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	ĐỖ HOÀNG VIỆT	20.01.06	20/08/2000	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Toán	24.00	Nhì	11	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
2	NGUYỄN LÊ MINH	20.01.03	18/09/2000	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Toán	16.50	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
3	NGUYỄN THANH PHÚC	20.03.04	20/07/1999	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Hoá học	19.05	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
4	TRƯƠNG VĨNH TIẾN	20.03.06	12/04/1999	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Hoá học	21.65	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
5	VÕ ĐĂNG KHƯƠNG	20.04.04	19/07/1999	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Sinh học	26.30	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
6	TRẦN THÁI DUY	20.04.02	25/01/1999	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Sinh học	27.55	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
7	NGUYỄN HOÀNG KHƯƠNG	20.04.03	05/02/1999	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Sinh học	23.00	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
8	TRẦN HỮU TÀI	20.04.06	27/12/1999	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Sinh học	22.25	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
9	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN	20.04.08	04/03/2000	Kinh	Đồng Tháp	Nữ	Sinh học	23.25	K.Khích	11	THPT Lớp Vò 1
10	NGÔ THỊ SƯƠNG	20.04.05	20/08/1999	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Sinh học	29.85	Nhì	12	THPT Lớp Vò 1
11	LÊ NGUYỄN ĐỨC ANH	20.05.01	02/01/1999	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Tin học	12.15	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
12	HUỖNH VĨNH NGHI	20.05.03	08/10/1999	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Tin học	13.90	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

20-TỈNH ĐỒNG THÁP

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
13	LÊ HOÀNG BẢO	20.06.02	27/01/1999	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
14	UÔNG THỊ VÂN AN	20.06.01	04/05/1999	Kinh	Đồng Tháp	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
15	LÊ NGUYỄN YẾN MI	20.06.06	07/07/1999	Kinh	Đồng Tháp	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
16	DƯƠNG THỊ ÚT GIÀU	20.06.05	02/10/1999	Kinh	Đồng Tháp	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
17	TRẦN MINH THÁI	20.08.04	24/03/2000	Kinh	Đồng Tháp	Nam	Địa lí	15.25	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Danh sách này gồm 17 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017
CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

21-TỈNH GIA LAI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	ĐINH NGUYỄN HOÀNG KIM	21.01.05	16/08/1999	Kinh	Gia Lai	Nam	Toán	20.50	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
2	NGUYỄN NGỌC ANH KHOA	21.01.04	31/01/2000	Kinh	Gia Lai	Nam	Toán	24.00	Nhì	11	THPT Chuyên Hùng Vương
3	NGUYỄN QUỐC VŨ HOÀNG	21.01.02	22/10/1999	Kinh	Gia Lai	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
4	PHÙNG ANH HUY	21.01.03	22/01/2000	Kinh	Gia Lai	Nam	Toán	17.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
5	ĐẶNG HUY HOÀNG	21.03.01	19/02/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Hoá học	21.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
6	HỒ GIA HUY	21.04.02	02/04/1999	Kinh	Gia Lai	Nam	Sinh học	33.20	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
7	NGUYỄN KIM CHUẨN	21.04.01	28/06/2000	Kinh	Gia Lai	Nam	Sinh học	28.95	Nhì	11	THPT Chuyên Hùng Vương
8	HOÀNG QUỐC VĨ	21.04.06	09/08/2000	Kinh	Gia Lai	Nam	Sinh học	25.25	Ba	11	THPT Chuyên Hùng Vương
9	VÕ TRẦN MINH KHÁNH	21.04.03	16/03/1999	Kinh	Gia Lai	Nam	Sinh học	24.45	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
10	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	21.04.05	15/05/1999	Kinh	Gia Lai	Nam	Sinh học	28.20	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
11	NGUYỄN THỊ ĐỨC HIỀN	21.06.01	28/05/1999	Kinh	Gia Lai	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
12	LÊ THỊ DIỆU KHANH	21.06.03	25/06/1999	Kinh	Gia Lai	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
13	NGUYỄN THANH LỘC	21.06.04	27/08/1999	Kinh	Gia Lai	Nam	Ngữ văn	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
14	HOÀNG HỒNG NHUNG	21.06.05	20/10/2000	Kinh	Đắk Lắk	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	11	THPT Chuyên Hùng Vương
15	ĐẶNG THỊ LÊ THANH	21.07.05	04/11/1999	Kinh	Gia Lai	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
16	NGUYỄN NHẬT TÂM	21.09.04	18/10/1999	Kinh	Phú Yên	Nam	Tiếng Anh	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

21-TỈNH GIA LAI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 16 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

22-TỈNH HÀ GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	ĐOÀN HẢI NAM	22.01.04	14/05/1999	Kinh	Hà Giang	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT Chuyên
2	LÊ CHÍ BẰNG	22.04.01	07/04/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	37.25	Nhất	11	THCS&THPT Phương Tiến
3	PHẠM THỊ LÂM	22.04.03	05/09/1999	Kinh	Hà Giang	Nữ	Sinh học	22.30	K.Khích	12	THPT Chuyên
4	HOÀNG HỒNG NHUNG	22.06.04	06/10/2000	Kinh	Hà Giang	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên
5	SÙNG THỊ CHẤU	22.08.01	08/04/1999	H'Mông	Hà Giang	Nữ	Địa lí	15.25	Ba	12	PTDT Nội trú THCS&THPT Yên Minh

Danh sách này gồm 5 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

23-TỈNH HÀ NAM

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	PHẠM TIẾN	KHOA	23.01.04	22/09/1999	Kinh	Hà Nam	Nam	Toán	27.50	Nhất	12	Chuyên Biên Hòa
2	NGÔ NHẬT	LONG	23.01.05	29/03/1999	Kinh	Hà Nam	Nam	Toán	20.00	Ba	12	Chuyên Biên Hòa
3	ĐOÀN TUẤN	ANH	23.01.01	30/10/1999	Kinh	Hà Nam	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa
4	PHẠM QUỲNH	ANH	23.01.02	25/10/2000	Kinh	Hà Nam	Nữ	Toán	15.00	K.Khích	11	Chuyên Biên Hòa
5	NGUYỄN ĐỨC	TUẤN	23.01.07	18/09/2000	Kinh	Hà Nam	Nam	Toán	20.50	Ba	11	Chuyên Biên Hòa
6	NGUYỄN THÀNH	VIỆT	23.01.08	02/07/2000	Kinh	Hung Yên	Nam	Toán	14.00	K.Khích	11	Chuyên Biên Hòa
7	TRẦN TIẾN	ANH	23.02.01	09/09/1999	Kinh	Hà Nam	Nam	Vật lí	25.60	Ba	12	Chuyên Biên Hòa
8	TRẦN TUẤN	ANH	23.02.02	12/09/1999	Kinh	Hà Nam	Nam	Vật lí	29.90	Ba	12	Chuyên Biên Hòa
9	NGUYỄN BÁ	QUÂN	23.02.04	08/05/1999	Kinh	Hà Nam	Nam	Vật lí	27.95	Ba	12	Chuyên Biên Hòa
10	HOÀNG MINH	TÂN	23.02.06	12/11/1999	Kinh	Gia Lai	Nam	Vật lí	30.75	Nhì	12	Chuyên Biên Hòa
11	VŨ CÔNG	THÀNH	23.02.07	12/01/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Vật lí	21.55	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa
12	VŨ HẢI	ĐĂNG	23.02.03	16/12/2000	Kinh	Hà Nam	Nam	Vật lí	21.60	K.Khích	11	Chuyên Biên Hòa
13	TRẦN VĂN	TÌNH	23.02.08	16/08/2000	Kinh	Hà Nam	Nam	Vật lí	24.75	Ba	11	Chuyên Biên Hòa
14	NGUYỄN TUẤN	ANH	23.03.02	25/08/1999	Kinh	Hà Nam	Nam	Hoá học	20.95	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa
15	BÙI MINH	QUANG	23.03.04	13/07/1999	Kinh	Hà Nam	Nam	Hoá học	22.25	Ba	12	Chuyên Biên Hòa
16	CAO HOÀNG	ĐẠT	23.04.01	16/05/1999	Kinh	Hà Nam	Nam	Sinh học	22.85	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa
17	PHẠM THỊ THÚY	HỒNG	23.04.04	15/03/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Sinh học	24.40	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa
18	NGUYỄN HẰNG	GIANG	23.05.01	22/11/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Tin học	12.15	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

23-TỈNH HÀ NAM

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	CHU TUẤN	THÔNG	23.05.06	02/03/2000	Kinh	Hà Nam	Nam	Tin học	14.15	K.Khích	11	Chuyên Biên Hòa
20	MAI NGỌC	ÁNH	23.06.03	28/08/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	Chuyên Biên Hòa
21	ĐỖ NGUYỄN BẢO	PHƯƠNG	23.06.05	31/01/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa
22	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	23.06.06	01/02/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa
23	NGUYỄN LỆ	THU	23.06.08	24/05/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa
24	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	23.06.07	19/01/2000	Kinh	Hà Nam	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	Chuyên Biên Hòa
25	ỨNG HOÀNG	ANH	23.07.01	06/11/1999	Kinh	Hà Nam	Nam	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa
26	LÃ THỊ THU	HÀ	23.07.02	30/04/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa
27	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	THẢO	23.07.05	08/10/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa
28	NGUYỄN THỊ	TRANG	23.07.07	01/01/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa
29	NGUYỄN QUANG	MINH	23.07.04	01/01/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Lịch sử	13.50	K.Khích	11	Chuyên Biên Hòa
30	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	23.07.06	01/02/2000	Kinh	Hà Nam	Nữ	Lịch sử	15.75	Nhì	11	Chuyên Biên Hòa
31	PHẠM THANH	HUYỀN	23.07.03	16/06/2000	Kinh	Hà Nam	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	11	Chuyên Biên Hòa
32	CÙ PHƯƠNG	ANH	23.08.01	27/08/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	Chuyên Biên Hòa
33	NGUYỄN THỊ	NGỌC	23.08.04	23/02/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	Chuyên Biên Hòa
34	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	23.08.05	18/10/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa
35	PHẠM THỊ	HOÀI	23.08.02	01/05/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	12	Chuyên Biên Hòa
36	LÊ THỊ HỒNG	THƯƠNG	23.08.07	11/04/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

23-TỈNH HÀ NAM

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	ĐỖ THỊ MAI	23.08.03	02/01/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	Chuyên Biên Hòa
38	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	23.08.06	16/11/2000	Kinh	Hà Nam	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	11	Chuyên Biên Hòa
39	NGUYỄN THU TRANG	23.08.08	13/12/2000	Kinh	Thanh Hóa	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	11	Chuyên Biên Hòa
40	ĐẶNG TUYẾT TRINH	23.09.05	02/04/2000	Kinh	Hà Nam	Nữ	Tiếng Anh	13.50	K.Khích	11	Chuyên Biên Hòa
41	ĐOÀN THỊ VÂN	23.10.05	20/06/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Tiếng Nga	16.75	Ba	12	Chuyên Biên Hòa
42	TRẦN MINH NGỌC	23.10.03	27/11/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Tiếng Nga	15.75	K.Khích	12	Chuyên Biên Hòa

Danh sách này gồm 42 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	HOÀNG TÙNG	24.01.12	16/07/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	18.50	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
2	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	24.01.07	14/08/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	27.50	Nhất	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
3	NGUYỄN TUẤN ANH	24.01.03	11/02/2000	Kinh	Hà Tây	Nam	Toán	19.50	Ba	11	chuyên Nguyễn Huệ
4	MAI THIÊN AN	24.01.01	20/07/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	18.00	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
5	NGÔ THẾ ANH	24.01.06	07/12/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	15.50	K.Khích	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
6	NGUYỄN PHAN MINH	24.01.09	23/03/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	Chu Văn An
7	NGUYỄN HOÀNG TÙNG LÂM	24.01.08	28/08/2001	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	27.50	Nhất	10	chuyên Hà Nội - Amsterdam
8	MAI ĐẶNG QUÂN ANH	24.01.02	10/11/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Toán	24.00	Nhì	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
9	LÊ ANH THÀNH	24.01.10	09/02/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Toán	21.50	Ba	12	chuyên Nguyễn Huệ
10	PHẠM NAM KHÁNH	24.01.05	26/03/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	30.00	Nhất	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
11	NGUYỄN TRUNG HIẾU	24.01.04	10/02/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Toán	18.50	Ba	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
12	NGUYỄN DUY CƯỜNG	24.02.02	25/08/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Vật lí	23.75	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Huệ
13	VŨ MINH NGỌC	24.02.12	16/03/2000	Kinh	Hà Tây	Nam	Vật lí	24.80	Ba	11	chuyên Nguyễn Huệ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
14	NGUYỄN LÊ	HIẾU	24.02.06	10/03/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Vật lí	21.80	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Huệ
15	LÊ MINH	VIỆT	24.02.18	08/10/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	20.55	K.Khích	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
16	TRẦN ĐỨC	HUY	24.02.10	06/10/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	36.70	Nhất	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
17	NGUYỄN THU	HIỆU	24.02.08	17/03/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	19.40	K.Khích	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
18	ĐINH ANH	DŨNG	24.02.03	14/10/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	34.10	Nhì	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
19	BÙI TÚ	HÀ	24.02.05	13/12/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Vật lí	27.80	Ba	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
20	NGUYỄN ĐÌNH HỮU	ĐỨC	24.02.04	01/11/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	20.45	K.Khích	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
21	TRẦN SƠN	TÙNG	24.02.17	28/12/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	27.45	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
22	NGUYỄN TIẾN	NHÂN	24.02.13	04/12/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	23.30	K.Khích	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
23	NGUYỄN QUANG	THIỆN	24.02.16	18/05/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Vật lí	25.80	Ba	12	Đồng Quan
24	HOÀNG MINH	HIỆP	24.02.07	30/12/2000	Kinh	Hà Tây	Nam	Vật lí	23.85	K.Khích	11	chuyên Nguyễn Huệ
25	NGUYỄN TUẤN	MINH	24.02.11	19/01/2000	Kinh	Hà Tây	Nam	Vật lí	21.65	K.Khích	11	chuyên Nguyễn Huệ
26	LÊ VIỆT	HOÀNG	24.02.09	19/11/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	23.20	K.Khích	12	chuyên Hà Nội -

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
											Amsterdam
27	NGUYỄN ĐÌNH BÁCH	24.02.01	25/03/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	31.95	Nhì	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
28	NGUYỄN BẰNG THANH LÂM	24.03.08	06/08/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	33.95	Nhất	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
29	VƯƠNG PHƯƠNG ANH	24.03.01	25/09/2000	Kinh	Hà Tây	Nữ	Hoá học	19.20	K.Khích	11	chuyên Nguyễn Huệ
30	VŨ VÂN	24.03.12	08/02/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Hoá học	31.35	Nhất	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
31	ĐỖ THÀNH TRUNG	24.03.13	10/11/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	25.30	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
32	NGUYỄN XUÂN MINH	24.03.10	16/11/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Hoá học	23.50	Ba	12	chuyên Nguyễn Huệ
33	NGUYỄN THỊ KHÁNH VÂN	24.03.15	13/12/2000	Kinh	Hà Tây	Nữ	Hoá học	28.30	Nhì	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
34	NGUYỄN TRUNG KHOA	24.03.07	20/11/2000	Kinh	Hà Tây	Nam	Hoá học	18.55	K.Khích	11	chuyên Nguyễn Huệ
35	ĐỖ HOÀNG DUY	24.03.03	24/12/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	29.05	Nhì	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
36	VŨ DƯƠNG ANH	24.03.11	09/11/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	28.55	Nhì	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
37	BÙI THANH HỒNG GIANG	24.03.04	31/05/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Hoá học	21.30	K.Khích	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
38	NGUYỄN THU HẰNG	24.03.06	19/08/1999	Kinh	Hà Tây	Nữ	Hoá học	23.75	Ba	12	chuyên Nguyễn Huệ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
39	HÀ DUY TÙNG	24.03.14	07/10/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	31.70	Nhất	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
40	NGUYỄN VĂN CÔNG	24.03.02	21/03/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Hoá học	20.35	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Huệ
41	TRƯƠNG QUANG HÀ	24.03.05	08/06/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	29.15	Nhì	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
42	TRẦN QUANG PHI	24.04.16	04/04/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Sinh học	33.05	Nhì	12	chuyên Nguyễn Huệ
43	ĐÀO XUÂN HOÀNG	24.04.08	02/03/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	29.70	Nhì	12	Chu Văn An
44	NGUYỄN DANH TÙNG	24.04.04	04/01/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	27.65	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
45	CHU THỊ MINH PHƯƠNG	24.04.17	23/06/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	29.40	Nhì	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
46	BÙI QUANG DUY	24.04.03	28/04/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	27.15	Ba	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
47	NGUYỄN HOÀNG LONG	24.04.11	09/11/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	25.00	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
48	NGÔ HẢI HOÀNG LONG	24.04.10	13/09/2000	Kinh	Hà Tây	Nam	Sinh học	23.10	K.Khích	11	chuyên Nguyễn Huệ
49	TẠ ĐỨC TÙNG	24.04.19	01/10/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	23.30	K.Khích	11	Chu Văn An
50	NGUYỄN THỊ MỸ NHI	24.04.15	10/12/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	23.95	K.Khích	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
51	PHẠM THẢO NGUYỄN	24.04.14	22/10/2000	Kinh	Hà Tây	Nữ	Sinh học	24.75	K.Khích	11	chuyên Nguyễn Huệ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
52	LÊ TRUNG	HIẾU	24.04.06	09/11/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Sinh học	25.60	Ba	12	chuyên Nguyễn Huệ
53	ĐINH PHƯƠNG	ANH	24.04.01	20/05/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	24.80	K.Khích	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
54	ĐINH QUANG	MINH	24.04.13	13/07/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	27.50	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
55	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	24.04.18	11/08/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	24.20	K.Khích	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
56	NGUYỄN THÙY	LINH	24.04.09	18/10/1999	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Sinh học	22.65	K.Khích	12	Chu Văn An
57	NGUYỄN HÙNG MINH	HIẾU	24.04.07	16/10/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Sinh học	26.40	Ba	12	Sơn Tây
58	ĐINH HẢI	LƯƠNG	24.04.12	29/12/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	22.25	K.Khích	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
59	NGUYỄN MINH	TUẤN	24.05.13	27/08/2000	Kinh	Thanh Hóa	Nam	Tin học	26.80	Nhì	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
60	LÊ MINH HẢI	PHONG	24.05.09	28/01/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	29.40	Nhì	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
61	NGUYỄN MINH	TÂN	24.05.11	08/02/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	23.10	Nhì	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
62	PHÙNG NGỌC QUANG	HUY	24.05.04	29/10/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Tin học	15.38	K.Khích	12	Sơn Tây
63	TRẦN TRUNG	KIÊN	24.05.05	03/01/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	15.08	K.Khích	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
64	HOÀNG TUẤN ANH	VĂN	24.05.15	25/08/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	15.65	Ba	12	Chu Văn An

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
65	ĐỖ THỊ HỒNG	NGÁT	24.05.07	30/03/1999	Kinh	Hà nội	Nữ	Tin học	26.20	Nhì	12	chuyên Nguyễn Huệ
66	TRẦN THỦY	LỤC	24.05.06	12/05/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	19.00	Ba	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
67	PHÙNG TRỌNG	HOÀNG	24.05.03	13/12/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	21.40	Nhì	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
68	NGUYỄN DUY CHÍ	DŨNG	24.05.01	04/05/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	18.40	Ba	11	Chu Văn An
69	NGUYỄN VINH	THỊNH	24.05.12	04/12/1999	Kinh	Kon Tum	Nam	Tin học	16.85	Ba	12	chuyên Nguyễn Huệ
70	LÊ MINH	NGHĨA	24.05.08	08/10/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	24.20	Nhì	12	Chu Văn An
71	ĐÀO HOÀNG	ANH	24.06.02	28/09/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	Chu Văn An
72	CAO THỊ VÂN	ANH	24.06.01	15/08/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Kim Liên
73	HOÀNG NGỌC	BÍCH	24.06.05	19/08/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
74	NGUYỄN BỘI MINH	HÀ	24.06.06	11/06/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
75	NGUYỄN ĐĂNG HẢI	ANH	24.06.03	06/07/2000	Kinh	Hà Tây	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	Chu Văn An
76	NGUYỄN MINH	HIỀN	24.06.07	27/08/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	Đào Duy Từ
77	NGUYỄN THỊ THÚY	QUỲNH	24.06.13	02/08/2000	Kinh	Hà Tây	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	chuyên Nguyễn Huệ
78	NGUYỄN TRÀ	MY	24.06.11	15/08/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	Chu Văn An
79	NGUYỄN THỊ THẢO	LINH	24.07.09	16/11/1999	Kinh	Hung Yên	Nữ	Lịch sử	15.25	Nhì	12	Lê Quý Đôn - HĐ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
80	TRẦN BẢO SƠN	24.07.14	04/01/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Lịch sử	16.00	Nhì	12	Sơn Tây
81	LƯU THU HƯƠNG	24.07.05	22/11/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Lịch sử	15.75	Nhì	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
82	NGUYỄN MỸ LINH	24.07.08	07/08/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	Chu Văn An
83	ĐÀO BẢO KHÁNH	24.07.06	01/06/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Huệ
84	NGUYỄN QUANG ANH	24.07.03	09/01/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Lịch sử	17.25	Nhất	12	chuyên Nguyễn Huệ
85	VŨ QUANG MINH	24.07.11	19/07/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Lịch sử	13.00	K.Khích	11	Chu Văn An
86	TRẦN NGỌC ÁNH	24.07.04	27/02/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Huệ
87	TRẦN NGỌC MINH	24.07.10	08/09/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Lịch sử	13.50	K.Khích	11	chuyên Nguyễn Huệ
88	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG ANH	24.07.02	29/11/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Lịch sử	15.75	Nhì	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
89	NGUYỄN BẰNG ÂN QUANG	24.07.13	17/05/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Lịch sử	15.50	Nhì	12	chuyên Nguyễn Huệ
90	LÊ THỦY TRANG	24.07.15	30/07/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	11	Chu Văn An
91	NGUYỄN TRỌNG AN	24.07.01	10/12/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Lịch sử	16.50	Nhì	12	Chu Văn An
92	TRƯƠNG BÍCH NGỌC	24.08.06	30/03/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	16.25	Nhì	12	Chu Văn An
93	NGUYỄN YẾN TRANG	24.08.09	31/05/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
94	NGUYỄN LÊ HƯƠNG THẢO	24.08.07	16/08/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
95	NGUYỄN BÍCH NGỌC	24.08.05	05/01/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	17.00	Nhì	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
96	NGUYỄN QUỲNH DƯƠNG	24.08.01	14/07/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
97	HOÀNG THỊ HƯƠNG GIANG	24.08.02	02/06/1999	Kinh	Hà Tây	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Huệ
98	NGUYỄN KHÁNH VI	24.08.11	14/07/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
99	PHẠM PHƯƠNG HÀ	24.08.03	24/10/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
100	HOÀNG NGỌC TRÂM	24.08.10	16/08/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
101	NGUYỄN HÀ MY	24.08.04	08/07/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
102	LÊ MẠNH LINH	24.09.08	19/09/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	16.40	Nhì	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
103	VŨ HOÀNG TRUNG	24.09.19	21/07/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	14.70	Ba	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
104	LÊ HOÀNG NAM	24.09.12	11/11/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	15.25	Ba	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
105	TRẦN KHÁNH LINH	24.09.09	19/10/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	14.75	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
106	NGUYỄN MINH HƯƠNG	24.09.05	02/11/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.95	Nhì	12	chuyên Hà Nội -

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
											Amsterdam
107	VÕ THU GIANG	24.09.02	29/11/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.85	Nhì	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
108	VƯƠNG NGUYỄN THÙY LINH	24.09.10	06/05/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	14.50	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
109	LÊ MINH THỦY	24.09.15	11/01/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	16.25	Nhì	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
110	NGUYỄN HÀ UYÊN	24.09.20	16/01/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.80	Nhì	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
111	LÊ MINH TRANG	24.09.18	09/06/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.55	Nhì	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
112	NGUYỄN HÀ THU	24.09.14	23/05/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.15	Ba	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
113	NGUYỄN ĐÌNH TÔN NỮ	24.09.13	08/01/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	16.65	Nhất	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
114	PHẠM ĐỨC KIÊN	24.09.07	24/02/1998	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	17.20	Nhất	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
115	HỒ HIỀN TRANG	24.09.17	21/05/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	14.90	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
116	NGUYỄN HOÀNG NHƯ ANH	24.09.01	01/08/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	16.30	Nhì	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
117	NGUYỄN TUỆ THY	24.09.16	21/08/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.40	Ba	12	chuyên Hà Nội -

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												Amsterdam
118	NGUYỄN HOÀNG	HUNG	24.09.04	28/04/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	14.75	Ba	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
119	LÊ VŨ	LONG	24.09.11	31/10/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	14.95	Ba	12	chuyên Nguyễn Huệ
120	TRẦN NAM	KHÁNH	24.09.06	24/08/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	15.15	Ba	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
121	LÊ TỔ	UYÊN	24.10.11	01/11/1999	Kinh	Hà Tây	Nữ	Tiếng Nga	17.35	Ba	12	chuyên Nguyễn Huệ
122	TRIỆU PHƯƠNG	DUNG	24.10.02	29/12/1999	Kinh	Hà Tây	Nữ	Tiếng Nga	15.65	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Huệ
123	ĐỖ THANH	HƯƠNG	24.10.05	30/10/1999	Kinh	Hà Tây	Nữ	Tiếng Nga	16.90	Ba	12	chuyên Nguyễn Huệ
124	LÊ THỊ THU	HÀ	24.10.04	26/02/1999	Kinh	Hà Tây	Nữ	Tiếng Nga	18.30	Nhì	12	chuyên Nguyễn Huệ
125	NGUYỄN LÊ THÙY	DƯƠNG	24.10.03	19/03/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Nga	17.60	Nhì	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
126	NGUYỄN QUỲNH	MAI	24.10.08	09/11/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Nga	16.90	Ba	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
127	NGUYỄN CẨM	NGỌC	24.10.09	29/10/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Nga	17.55	Nhì	12	chuyên Nguyễn Huệ
128	KIỀU THỊ NGỌC	LINH	24.10.07	15/08/1998	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Nga	17.80	Nhì	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
129	NGUYỄN MINH	CHÂU	24.11.02	26/03/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	15.63	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
130	TRẦN NGUYỄN NGỌC	MAI	24.11.09	20/10/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	14.80	K.Khích	11	chuyên Hà Nội -

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												Amsterdam
131	BÙI MINH	HÀNG	24.11.06	12/08/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	15.60	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
132	TÔ QUỲNH	ANH	24.11.01	25/05/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	15.60	Ba	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
133	TRẦN TRIỆU HÀ	KHÁNH	24.11.07	10/09/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	17.70	Nhất	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
134	LƯƠNG THỊ THU	VÂN	24.11.15	15/09/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	15.90	Nhì	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
135	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	24.11.10	24/07/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Pháp	15.85	Nhì	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
136	VÕ THU	TRANG	24.11.13	23/10/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	15.68	Ba	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
137	NGUYỄN DUY THÁI	SƠN	24.11.11	02/12/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Pháp	15.00	K.Khích	12	Chu Văn An
138	NGUYỄN THANH	THẢO	24.11.12	02/09/1999	Kinh	Hà Tây	Nữ	Tiếng Pháp	15.35	Ba	12	chuyên Nguyễn Huệ
139	ĐỖ ANH	TRUNG	24.11.14	15/07/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Pháp	17.00	Nhì	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
140	BÙI MINH	KHUÊ	24.11.08	25/08/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	14.55	K.Khích	11	Chu Văn An
141	NGÔ NGÂN	HÀ	24.11.05	16/01/2000	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Pháp	15.70	Ba	11	chuyên Hà Nội - Amsterdam
142	PHẠM LINH	GIANG	24.11.04	03/03/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Pháp	15.30	Ba	12	chuyên Hà Nội -

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

24-TP. HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
											Amsterdam
143	TRẦN QUỲNH ANH	24.12.03	11/02/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Tiếng Trung	14.55	K.Khích	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
144	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	24.12.06	03/07/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Trung	14.60	K.Khích	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam
145	ĐỖ TUẤN KIẾT	24.12.05	17/10/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Trung	16.90	Nhì	10	Đại Mỗ
146	LÂM HÂN DĨNH	24.12.04	05/07/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Trung	16.30	Nhì	12	chuyên Hà Nội - Amsterdam

Danh sách này gồm 146 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

25-TỈNH HÀ TĨNH

SỐ TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN VĂN	DŨNG	25.01.02	29/06/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	21.50	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
2	TRẦN HỮU	HIẾU	25.01.03	23/11/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	23.00	Nhì	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
3	PHAN VĂN ĐỨC	NHẬT	25.01.07	01/07/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	17.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
4	TRẦN DANH	QUYẾT	25.01.08	29/10/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	22.00	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
5	TRẦN ĐÌNH	HÙNG	25.01.04	16/03/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	27.00	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
6	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	25.01.05	29/10/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	23.00	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
7	NGUYỄN THANH	NHÃ	25.01.06	18/09/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	25.00	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
8	LÊ MINH	TUẤN	25.01.09	12/10/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	18.50	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
9	PHAN ANH	TUẤN	25.01.10	17/12/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	21.00	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
10	PHAN NHẬT	DUY	25.01.01	12/05/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Toán	25.00	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
11	TRẦN QUỐC BẢO	AN	25.02.01	10/09/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Vật lí	28.75	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
12	ĐẶNG BÁ	LUÂN	25.02.06	18/08/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Vật lí	27.65	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
13	LÊ VĂN	QUỐC	25.02.07	17/09/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Vật lí	30.00	Nhì	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
14	NGUYỄN CHỈ	TÀI	25.02.08	17/04/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Vật lí	27.20	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
15	NGUYỄN VIẾT	THỊNH	25.02.09	14/09/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Vật lí	30.95	Nhì	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
16	NGUYỄN THỊ	LINH	25.02.05	07/02/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Vật lí	30.05	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
17	BÙI LÊ ANH	THƠ	25.02.10	24/04/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Vật lí	23.20	K.Khích	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
18	PHAN THỊ MỸ	DUYÊN	25.02.02	05/07/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Vật lí	27.35	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

25-TỈNH HÀ TĨNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	ĐOÀN BẢO HOÀI	DƯƠNG	25.02.03	23/08/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Vật lí	23.30	K.Khích	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
20	NGUYỄN TÙNG	DƯƠNG	25.02.04	26/10/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Vật lí	25.55	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
21	HỒ ANH	DỪNG	25.03.02	14/06/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Hoá học	25.80	Nhì	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
22	THÁI HỮU	TRƯỜNG	25.03.06	13/03/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Hoá học	22.95	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
23	NGUYỄN THỊ	NGẮN	25.03.04	16/07/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Hoá học	20.65	K.Khích	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
24	ĐẶNG XUÂN	HUY	25.03.03	12/07/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Hoá học	20.45	K.Khích	12	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
25	LÊ VIẾT	THỊNH	25.03.05	10/06/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Hoá học	21.20	K.Khích	12	THPT Nguyễn Văn Trỗi
26	VĂN HẢI	LONG	25.04.07	24/06/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Sinh học	26.30	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
27	NGUYỄN ĐÌNH	TRƯỜNG	25.04.10	19/07/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Sinh học	22.85	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
28	TRẦN THỊ NGỌC	LAN	25.04.06	21/10/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Sinh học	27.30	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
29	HỒ PHAN THỦY	ANH	25.04.01	14/07/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Sinh học	25.30	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
30	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	25.04.04	01/06/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Sinh học	24.80	K.Khích	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
31	HOÀNG THỊ NGỌC	LAN	25.04.05	01/01/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Sinh học	26.80	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
32	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	25.04.08	21/06/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Sinh học	24.80	K.Khích	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
33	ĐẶNG VĂN	SANG	25.04.09	22/03/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Sinh học	25.05	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
34	BÙI ĐỨC TUẤN	DỪNG	25.05.01	03/02/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tin học	27.75	Nhì	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
35	NGUYỄN ĐÌNH	ĐẠI	25.05.02	10/12/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tin học	27.60	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
36	NGUYỄN VĂN	HÙNG	25.05.05	04/04/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tin học	15.60	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

25-TỈNH HÀ TĨNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	BÙI THỨC NGUYỄN	TIẾN	25.05.10	14/03/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tin học	17.50	Ba	11	THPT Phan Đình Phùng
38	NGUYỄN TUẤN	THÀNH	25.05.09	29/03/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tin học	12.10	K.Khích	12	THPT Nguyễn Trung Thiên
39	NGUYỄN THANH	HÀNG	25.06.02	08/02/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
40	NGUYỄN TRẦN YẾN	NHI	25.06.04	18/07/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
41	PHẠM THỊ LINH	CHI	25.06.01	13/06/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Ngữ văn	16.50	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
42	HỒ THỊ THẢO	NGUYỄN	25.06.03	11/08/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
43	PHAN THỊ GIANG	THANH	25.06.05	03/08/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Ngữ văn	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
44	NGÔ THỊ HẢI	YẾN	25.06.06	28/12/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Ngữ văn	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
45	BÙI VĂN	DUY	25.07.01	21/03/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Lịch sử	13.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
46	NGUYỄN ĐĂNG ANH	TÀI	25.07.08	31/03/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Lịch sử	15.50	Nhì	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
47	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	25.07.09	10/08/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
48	LÊ THỊ	HÀNG	25.07.02	07/03/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
49	VÕ THỊ THANH	HUYỀN	25.07.03	03/11/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
50	NGUYỄN PHƯƠNG	OANH	25.07.06	02/03/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
51	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	25.07.07	20/03/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Lịch sử	16.25	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
52	TRỊNH THỊ THÙY	LINH	25.07.04	30/11/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
53	BÙI THỊ LINH	CHI	25.08.01	19/01/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
54	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYỄN	25.08.06	12/09/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

25-TỈNH HÀ TĨNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
55	NGUYỄN THỊ	TÂM	25.08.07	26/04/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	16.50	Nhì	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
56	NGUYỄN THỊ ĐÀI	TRANG	25.08.10	09/02/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
57	LÊ ĐỖ KHÁNH	LINH	25.08.03	25/02/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	18.25	Nhất	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
58	HOÀNG HÀ KHÁNH	LY	25.08.04	19/06/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
59	CHU THỊ	MAI	25.08.05	04/04/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	15.75	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
60	NGUYỄN HÀ	TRANG	25.08.09	30/03/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	18.25	Nhất	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
61	NGUYỄN THỊ NGỌC	KHÁNH	25.08.02	09/04/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	15.25	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
62	THÁI THỊ	THÚY	25.08.08	28/04/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	17.50	Nhì	11	THPT Lê Hữu Trác
63	HÀ VIỆT	DỪNG	25.09.02	23/08/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tiếng Anh	15.15	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
64	DƯƠNG TRÍ	NHẤT	25.09.08	29/02/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tiếng Anh	13.95	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
65	PHAN THỊ MINH	PHƯƠNG	25.09.09	03/10/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	14.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
66	PHAN THỊ HÀ	TRANG	25.09.10	25/04/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	14.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
67	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	25.09.04	19/07/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	16.00	Nhì	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
68	VÕ THỊ PHƯƠNG	ANH	25.09.01	26/11/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	15.85	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
69	NGUYỄN NHẬT	LINH	25.09.06	18/06/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	16.15	Nhì	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
70	HỒ THÚY	LINH	25.09.05	01/12/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	15.15	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
71	NGUYỄN KHÁNH	LY	25.09.07	08/12/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Anh	13.85	K.Khích	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
72	TRẦN THỊ KIM	CHI	25.11.01	20/02/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Pháp	14.55	K.Khích	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

25-TỈNH HÀ TĨNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
73	PHAN THỊ BẢO	YẾN	25.11.10	12/04/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Pháp	15.40	Ba	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh
74	TRẦN VĂN	ĐỒNG	25.11.02	16/11/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tiếng Pháp	15.30	Ba	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
75	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	25.11.03	22/12/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Pháp	14.35	K.Khích	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh
76	VÕ THỊ HẠNH	LOAN	25.11.04	07/12/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Tiếng Pháp	14.85	K.Khích	12	THPT Chuyên Hà Tĩnh

Danh sách này gồm 76 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

26-TỈNH HẢI DƯƠNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	PHẠM HẢI	CHÂU	26.01.02	17-09-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
2	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	26.01.03	07-02-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	18.50	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
3	NGUYỄN TUẤN	HIỆP	26.01.06	19-07-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	23.50	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
4	NGUYỄN MINH	HIẾU	26.01.05	07-09-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
5	TRƯƠNG MINH	QUANG	26.01.07	02-11-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	17.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
6	ĐÀO MINH	QUÂN	26.01.08	10-10-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	22.50	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
7	NGUYỄN ANH	TUẤN	26.01.10	30-07-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	19.50	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
8	NGUYỄN TRỌNG	BÌNH	26.01.01	27-02-2000	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	16.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
9	NGUYỄN QUANG	ĐỨC	26.01.04	02-01-2000	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	20.50	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
10	NGUYỄN ĐÌNH	SƠN	26.01.09	17-01-2000	Kinh	Hải Dương	Nam	Toán	14.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
11	VŨ QUANG	HUY	26.02.03	21-08-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Vật lí	25.45	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
12	VŨ ĐỨC	THẢO	26.02.04	01-01-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Vật lí	22.85	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
13	ĐOÀN VĂN	THẮNG	26.02.05	02-02-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Vật lí	19.35	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
14	TRẦN BÙI THU	THỦY	26.02.06	06-12-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Vật lí	22.80	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
15	PHẠM THỊ THU	TRANG	26.02.07	05-04-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Vật lí	21.85	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
16	PHẠM NGỌC LAM	TRƯỜNG	26.02.08	19-01-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Vật lí	24.50	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
17	BÙI VIỆT	ANH	26.02.01	12-12-2000	Kinh	Hải Dương	Nam	Vật lí	20.05	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
18	NGÔ VIỆT	CƯỜNG	26.02.02	09-07-2000	Kinh	Hải Dương	Nam	Vật lí	21.85	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

26-TỈNH HẢI DƯƠNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN THỊ HẠNH	26.03.02	26-06-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Hoá học	25.55	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
20	NGUYỄN PHÚC LỘC	26.03.03	06-05-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Hoá học	18.65	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
21	NGUYỄN ANH MINH	26.03.05	15-10-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Hoá học	26.15	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
22	ĐỒNG VIỆT THẮNG	26.03.07	26-01-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Hoá học	23.70	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
23	ĐỖ KIỀU TRANG	26.03.08	13-09-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Hoá học	20.05	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
24	NGUYỄN CHÍ TÂM	26.03.06	29-01-2000	Kinh	Hải Dương	Nam	Hoá học	22.75	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
25	NGUYỄN NGUYỄN XUÂN VŨ	26.03.10	01-08-2000	Kinh	Hải Dương	Nam	Hoá học	18.30	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
26	LÊ THỊ NGỌC KHÁNH	26.04.03	20-09-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Sinh học	25.80	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
27	NGUYỄN THỊ NGỌC	26.04.05	06-04-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Sinh học	25.05	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
28	NGUYỄN VĂN QUANG	26.04.08	04-11-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Sinh học	25.45	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
29	TẶNG XUÂN TÀI	26.04.09	09-04-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Sinh học	26.65	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
30	PHẠM VĂN THẮNG	26.04.10	14-05-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Sinh học	22.60	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
31	HOÀNG VĂN ĐÔNG	26.04.01	07-04-2000	Kinh	Hải Dương	Nam	Sinh học	28.80	Nhì	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
32	NGUYỄN THỊ NHI	26.04.06	11-03-2000	Kinh	Hải Dương	Nữ	Sinh học	25.30	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
33	DƯƠNG THỊ THU PHƯƠNG	26.04.07	03-07-2000	Kinh	Hải Dương	Nữ	Sinh học	24.65	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
34	LÊ MAI AN	26.05.01	03-04-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tin học	22.10	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
35	PHẠM QUANG ANH	26.05.02	25-12-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Tin học	18.95	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
36	TRẦN QUANG ANH	26.05.03	28-04-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Tin học	11.68	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

26-TỈNH HẢI DƯƠNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	26.05.08	25-08-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tin học	25.80	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
38	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	26.05.10	10-01-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tin học	28.50	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
39	CHU HẢI	DƯƠNG	26.05.04	11-01-2000	Kinh	Bắc Giang	Nam	Tin học	13.35	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
40	HOÀNG VĂN	NGUYỄN	26.05.09	01-01-2000	Kinh	Hải Dương	Nam	Tin học	16.68	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
41	TRẦN MINH	HẰNG	26.06.04	10-08-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
42	PHẠM MAI	HƯƠNG	26.06.06	16-05-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
43	PHÍ THỊ THÙY	LINH	26.06.07	20-01-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
44	LƯU PHƯƠNG	THẢO	26.06.08	12-12-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
45	ĐINH NGUYỆT	HÀ	26.06.02	29-10-2000	Kinh	Hải Dương	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
46	NGUYỄN HOÀNG	HIỆP	26.06.05	03-02-2000	Kinh	Hải Dương	Nam	Ngữ văn	15.00	Nhì	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
47	HOÀNG VĂN	ĐOÀN	26.07.02	16-12-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
48	ĐỒNG TÂM	HẢO	26.07.04	29-03-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Lịch sử	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
49	VƯƠNG THỊ	HOA	26.07.06	01-11-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
50	PHẠM PHƯƠNG	LINH	26.07.07	12-10-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
51	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	26.07.08	02-01-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
52	ĐẶNG THỊ THANH	TÂM	26.07.09	04-06-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
53	DƯƠNG TRUNG	HẢI	26.07.03	11-09-2000	Kinh	Hải Dương	Nam	Lịch sử	13.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
54	ĐẶNG THỊ	HẰNG	26.07.05	25-03-2000	Kinh	Hải Dương	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

26-TỈNH HẢI DƯƠNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
55	NGUYỄN TRỌNG	TẤN	26.07.10	14-09-2000	Kinh	Liên bang Nga	Nam	Lịch sử	13.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
56	ĐINH THỊ QUỲNH	ANH	26.08.02	30-04-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Địa lí	16.25	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
57	ĐẶNG VIỆT	ANH	26.08.01	10-05-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
58	PHAN THÙY	DƯƠNG	26.08.03	06-12-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Địa lí	17.00	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
59	ĐÀO ĐÌNH ANH	ĐỨC	26.08.04	15-03-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Địa lí	16.25	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
60	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	26.08.05	04-06-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Địa lí	17.00	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
61	PHẠM SỸ	HOÀNG	26.08.07	05-03-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
62	HOÀNG PHI	HÙNG	26.08.08	28-04-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
63	ĐINH THẾ	LONG	26.08.09	07-09-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
64	ĐINH HỮU	HOÀNG	26.08.06	28-06-2000	Kinh	Hải Dương	Nam	Địa lí	14.50	Ba	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
65	NGUYỄN MINH	TRANG	26.08.10	13-12-2000	Kinh	Hải Dương	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
66	PHẠM QUANG	HÙNG	26.09.03	27-10-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Tiếng Anh	15.45	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
67	NGUYỄN TRỌNG	NAM	26.09.04	24-10-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Tiếng Anh	14.05	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
68	NGUYỄN DIỄM	QUỲNH	26.09.05	09-05-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Anh	14.45	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
69	ĐẶNG THẾ	SƠN	26.09.06	24-04-1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Tiếng Anh	14.95	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
70	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	26.09.07	27-04-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Anh	15.50	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
71	HÀ THU	TRANG	26.09.08	29-04-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Anh	15.25	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
72	NGUYỄN HỒNG	ANH	26.09.01	06-09-2000	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Anh	13.65	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

26-TỈNH HẢI DƯƠNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
73	ĐẶNG THỊ MAI	ANH	26.10.01	13-05-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Nga	15.70	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
74	NGUYỄN THU	HÀ	26.10.02	24-05-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Nga	16.55	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
75	ĐỖ HỒNG	HUYỀN	26.10.03	14-04-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Nga	18.15	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
76	HOÀNG PHƯƠNG	LINH	26.10.04	14-11-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Nga	18.00	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
77	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	26.10.05	03-05-2000	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Nga	16.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
78	LƯƠNG THỊ HẢI	YẾN	26.10.06	17-06-2000	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Nga	15.85	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
79	PHẠM THÚY	HÀNG	26.11.04	07-05-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Pháp	14.48	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
80	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	26.11.06	10-01-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Pháp	14.38	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
81	VŨ THỊ DIỆU	LINH	26.11.07	19-04-1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Pháp	15.90	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
82	NGUYỄN THỤY TRÀ	MY	26.11.08	09-03-1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tiếng Pháp	14.85	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi

Danh sách này gồm 82 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

27-TP. HẢI PHÒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRẦN VIỆT	HOÀNG	27.01.05	24/01/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	24.50	Nhì	11	THPT chuyên Trần Phú
2	TRỊNH KHÁNH	HIỆP	27.01.03	08/07/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	18.00	Ba	11	THPT chuyên Trần Phú
3	HOÀNG	HIỆP	27.01.02	29/10/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
4	LẠI NGỌC	TÂN	27.01.08	05/09/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
5	ĐỖ TẤN	DỪNG	27.01.01	11/11/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
6	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	27.01.06	20/04/2000	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Toán	15.00	K.Khích	11	THPT chuyên Trần Phú
7	TRỊNH VĂN	HOÀN	27.01.04	21/05/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
8	TRỊNH QUANG	VŨ	27.02.08	06/09/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	23.85	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
9	PHẠM THỊ NGỌC	MAI	27.02.05	08/03/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Vật lí	33.55	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
10	BÙI HẢI	TRUNG	27.02.07	28/11/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	23.20	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
11	LƯU HOÀNG	ANH	27.02.01	22/02/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	24.05	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
12	LÊ NGỌC	ĐỨC	27.02.02	02/07/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	24.30	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
13	LƯƠNG DUY BẢO	LỘC	27.02.04	22/02/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	21.00	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
14	ĐÀM QUỐC	HUY	27.02.03	13/03/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	27.20	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
15	NGUYỄN TRẦN THÀNH	NAM	27.02.06	11/04/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	25.20	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
16	BÙI TRỌNG	TÍN	27.03.09	30/08/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Hoá học	22.05	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
17	NGUYỄN XUÂN	BÁCH	27.03.02	30/08/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Hoá học	30.15	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
18	LÃ TÙNG	LÂM	27.03.05	29/07/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Hoá học	24.10	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

27-TP. HẢI PHÒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN MINH	LONG	27.03.07	03/10/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Hoá học	25.90	Nhì	11	THPT chuyên Trần Phú
20	VŨ VĂN	DIỄN	27.03.03	01/01/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Hoá học	22.95	Ba	11	THPT chuyên Trần Phú
21	TRƯƠNG THỊ KIM	LƯƠNG	27.03.08	09/06/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Hoá học	23.75	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
22	ĐOÀN THỊ THÙY	TRANG	27.03.10	09/08/2000	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Hoá học	19.95	K.Khích	11	THPT chuyên Trần Phú
23	NGÔ HOÀNG	LÂN	27.03.06	12/10/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Hoá học	20.90	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
24	NGUYỄN HUYỀN	HƯƠNG	27.04.05	07/03/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Sinh học	34.20	Nhất	12	THPT chuyên Trần Phú
25	PHẠM THỊ HÀ	QUYÊN	27.04.08	07/02/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Sinh học	28.60	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
26	NGUYỄN VIỆT	ANH	27.04.02	22/08/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Sinh học	34.50	Nhất	12	THPT chuyên Trần Phú
27	NGUYỄN THỊ NGỌC	MINH	27.04.07	03/11/2000	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Sinh học	29.20	Nhì	11	THPT chuyên Trần Phú
28	TRẦN THỊ MINH	ANH	27.04.03	22/09/2000	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Sinh học	29.60	Nhì	11	THPT chuyên Trần Phú
29	NGUYỄN TẤT	ĐẠT	27.05.05	02/01/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tin học	14.80	K.Khích	11	THPT chuyên Trần Phú
30	NGUYỄN NHẬT	NAM	27.05.09	17/10/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tin học	16.35	Ba	12	THPT Quang Trung
31	TRẦN MẠNH	HIẾU	27.05.06	01/01/2000	Kinh	Hải Dương	Nam	Tin học	20.90	Ba	11	THPT Hồng Bàng
32	NGUYỄN THÁI	BÌNH	27.05.02	27/11/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tin học	16.10	Ba	11	THPT chuyên Trần Phú
33	NGUYỄN HẢI	LONG	27.05.08	17/07/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tin học	16.85	Ba	11	THPT chuyên Trần Phú
34	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	27.05.07	02/07/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tin học	22.45	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
35	ĐỖ XUÂN	BÁCH	27.05.01	10/01/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tin học	16.80	Ba	11	THPT chuyên Trần Phú
36	NGUYỄN TÙNG	DƯƠNG	27.05.04	19/06/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tin học	12.05	K.Khích	11	THPT chuyên Trần Phú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

27-TP. HẢI PHÒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	ĐỒNG XUÂN	DŨNG	27.05.03	28/05/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tin học	14.80	K.Khích	11	THPT chuyên Trần Phú
38	MAI THỊ NGỌC	PHƯỢNG	27.05.10	09/01/2000	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tin học	15.85	Ba	11	THPT chuyên Trần Phú
39	PHẠM MINH	HÀNG	27.06.02	21/01/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
40	BÙI THỊ PHƯƠNG	LINH	27.06.04	06/11/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
41	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	27.06.05	17/09/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	15.50	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
42	ĐÀO NGỌC DIỄM	LIÊN	27.06.03	03/08/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
43	ĐỖ MINH	PHƯƠNG	27.06.06	25/10/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	16.50	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
44	NGUYỄN THỊ HIỀN	THẢO	27.06.10	28/07/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
45	NGUYỄN THỊ THÁI	HÀ	27.06.01	08/06/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
46	PHAN THỊ TÚ	QUỲNH	27.06.08	26/04/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
47	HOÀNG HÀ	PHƯƠNG	27.06.07	25/10/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
48	PHẠM HƯƠNG	QUỲNH	27.06.09	20/05/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT Kiến An
49	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	27.07.02	30/10/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
50	ĐỖ VŨ KỲ	ANH	27.07.01	23/09/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Thái Phiên
51	PHẠM THỊ THÚY	NGA	27.07.03	11/12/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
52	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	27.07.07	01/03/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
53	LÊ ANH	THƯ	27.07.08	22/11/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
54	NGUYỄN QUANG	SƠN	27.08.08	19/08/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

27-TP. HẢI PHÒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
55	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	27.08.05	11/03/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
56	ĐỖ THỊ VIỆT	PHƯƠNG	27.08.06	16/08/2000	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
57	ĐÀO THÀNH	CHUNG	27.08.01	17/11/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Địa lí	16.50	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
58	HOÀNG QUỐC	CƯỜNG	27.08.02	10/03/2000	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
59	TRƯƠNG MỸ	HOA	27.08.03	22/03/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Địa lí	16.50	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
60	ĐẶNG KIM	NGÂN	27.08.04	03/06/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Địa lí	19.00	Nhất	12	THPT chuyên Trần Phú
61	TRẦN THỊ KIM	PHƯỢNG	27.08.07	05/04/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
62	BÙI MINH	THẮNG	27.09.06	20/03/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Anh	15.00	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
63	LÊ KHÁNH	NGỌC	27.09.04	30/12/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Anh	13.95	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
64	NGUYỄN TÚ	UYÊN	27.09.10	16/02/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Anh	14.75	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
65	NGUYỄN THỊ MAI	NGỌC	27.09.05	30/09/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Anh	15.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
66	ĐINH TUẤN	CƯỜNG	27.09.01	04/05/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Anh	16.25	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
67	BÙI MAI	THƯƠNG	27.09.07	17/12/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Anh	14.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
68	ĐỖ THỊ VÂN	HÀ	27.09.02	31/12/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Anh	14.15	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
69	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	27.09.08	04/10/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Anh	14.65	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
70	ĐỖ DUY	TÙNG	27.09.09	28/01/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Anh	15.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
71	ĐÀM THỊ PHƯƠNG	ANH	27.10.01	09/05/1998	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Nga	18.70	Nhất	12	THPT chuyên Trần Phú
72	TRẦN TRUNG	NGHĨA	27.10.04	01/10/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Nga	15.55	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

27-TP. HẢI PHÒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
73	ĐOÀN THỊ CHÂU	UYÊN	27.10.05	26/12/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Nga	15.85	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú
74	ĐỒNG QUỐC	ĐẠI	27.11.03	20/10/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Pháp	15.53	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
75	LÊ THỊ DIỆU	THI	27.11.08	04/04/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	17.00	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
76	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	27.11.07	21/09/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	17.10	Nhất	12	THPT chuyên Trần Phú
77	BÙI HẢI	LINH	27.11.04	28/04/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	16.95	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
78	NGÔ MINH	NGỌC	27.11.06	10/10/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	17.23	Nhất	12	THPT chuyên Trần Phú
79	BÙI THỦY	TIỀN	27.11.10	28/10/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	15.63	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
80	ĐỖ THÙY	DUNG	27.11.02	28/12/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	15.70	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
81	NGUYỄN THỊ ĐAN	LINH	27.11.05	30/07/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	15.68	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
82	HOÀNG DIỆU	THÚY	27.11.09	03/12/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	16.80	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
83	ĐẶNG MINH	ANH	27.12.01	29/11/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Trung	17.80	Nhất	12	THPT chuyên Trần Phú
84	ĐẶNG THÀNH	CHUNG	27.12.04	08/09/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Trung	16.75	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
85	TRẦN THU	TRANG	27.12.09	15/07/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Trung	15.85	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
86	TRẦN THÙY	DƯƠNG	27.12.05	27/08/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Trung	15.38	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
87	PHẠM LÊ THÙY	ANH	27.12.02	15/05/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Trung	16.20	Nhì	12	THPT chuyên Trần Phú
88	PHẠM THỊ THỦY	TIỀN	27.12.07	09/12/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Trung	15.90	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
89	TRẦN GIA	LINH	27.12.06	17/02/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Trung	15.25	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
90	VŨ QUẾ	ANH	27.12.03	18/09/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Trung	14.80	K.Khích	12	THPT chuyên Trần Phú

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

27-TP. HẢI PHÒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
91	NGUYỄN HOÀNG THU TRANG	27.12.08	12/01/1999	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Trung	15.65	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú
92	LÊ HOÀNG VIỆT	27.12.10	16/07/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tiếng Trung	15.50	Ba	12	THPT chuyên Trần Phú

Danh sách này gồm 92 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

28-TỈNH HẬU GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN CHÍ	NGUYỄN	28.03.02	01/03/1999	Kinh	Vị Thanh	Nam	Hoá học	18.90	K.Khích	12	Chuyên Vị Thanh
2	HUỖNH THỊ NHƯ	Ý	28.03.06	13/08/1999	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Hoá học	19.25	K.Khích	12	Chuyên Vị Thanh
3	TRẦN THỊ CẨM	QUYÊN	28.06.04	18/09/1998	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Chuyên Vị Thanh
4	NGÔ NGỌC	LẠC	28.08.04	16/09/1999	Kinh	Cần Thơ	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	Chuyên Vị Thanh

Danh sách này gồm 4 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

29-TỈNH HOÀ BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN HẢI LONG	29.01.03	12/12/1999	Kinh	Hoà Bình	Nam	Toán	18.00	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
2	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	29.01.01	08/08/1999	Kinh	Hoà Bình	Nữ	Toán	16.50	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
3	NGUYỄN VĂN TIẾN	29.01.05	01/10/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	15.50	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
4	NGUYỄN QUANG TRUNG	29.01.06	24/09/2000	Kinh	Hoà Bình	Nam	Toán	14.00	K.Khích	11	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
5	LÊ QUANG HUY	29.01.02	06/02/1999	Kinh	Gia Lai	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
6	NGUYỄN NGỌC LONG	29.01.04	30/05/1999	Kinh	Hoà Bình	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
7	ĐẶNG HOÀNG MAI	29.02.03	26/03/1999	Kinh	Hoà Bình	Nữ	Vật lí	26.85	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
8	GIANG MẠNH HÙNG	29.02.02	28/05/1999	Kinh	Hoà Bình	Nam	Vật lí	28.75	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
9	NGUYỄN QUÝ PHÚC	29.02.04	29/11/1999	Kinh	Hoà Bình	Nam	Vật lí	28.35	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
10	VŨ ĐỨC PHÚC	29.02.05	20/04/1999	Kinh	Hoà Bình	Nam	Vật lí	24.10	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
11	PHẠM TRỌNG TOÀN	29.02.06	30/07/2000	Kinh	Hoà Bình	Nam	Vật lí	22.05	K.Khích	11	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

29-TỈNH HOÀ BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	KIM NGỌC ĐỨC	29.03.02	17/06/1999	Kinh	Hoà Bình	Nam	Hoá học	24.60	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
13	PHẠM NHƯ HOA	29.03.03	14/10/1999	Kinh	Hoà Bình	Nữ	Hoá học	21.85	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
14	ĐẶNG NGỌC ÁNH	29.03.01	20/09/1999	Kinh	Hung Yên	Nữ	Hoá học	20.70	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
15	HÀ KIỀU OANH	29.03.05	01/09/1999	Kinh	Hoà Bình	Nữ	Hoá học	22.35	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
16	NGUYỄN MINH TUẤN	29.04.06	03/01/1999	Kinh	Hoà Bình	Nam	Sinh học	25.40	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
17	CHÂU QUỲNH ANH	29.04.01	29/10/1999	Kinh	Hoà Bình	Nữ	Sinh học	26.40	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
18	TRẦN QUANG LỘC	29.05.04	03/04/1999	Mường	Hoà Bình	Nam	Tin học	12.45	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
19	ĐẶNG DUY CƯỜNG	29.05.01	05/02/2000	Kinh	Hoà Bình	Nam	Tin học	12.80	K.Khích	11	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
20	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	29.05.03	12/11/2000	Kinh	Hoà Bình	Nam	Tin học	11.75	K.Khích	11	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
21	NGUYỄN TRẦN MINH	29.05.05	13/07/1999	Kinh	Hoà Bình	Nam	Tin học	13.80	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
22	CHU THỊ BÍCH NGỌC	29.06.05	17/04/1999	Nùng	Hoà Bình	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

29-TỈNH HOÀ BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	29.06.08	23/02/1999	Mường	Hoà Bình	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
24	NINH PHƯƠNG NGA	29.06.03	07/11/1999	Kinh	Hoà Bình	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
25	LÊ CẨM TÚ	29.06.06	28/11/1999	Kinh	Hoà Bình	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
26	TRẦN LÊ VY	29.06.07	18/05/1999	Kinh	Hoà Bình	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
27	NGUYỄN THỊ NGỌC VÂN	29.07.06	24/08/1999	Mường	Hoà Bình	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
28	NGUYỄN PHAN VÂN NGỌC	29.07.03	16/04/1999	Kinh	Hà Tây	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
29	ĐỖ HẢI SƠN	29.07.05	26/09/1999	Kinh	Hoà Bình	Nam	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
30	HÀ THUỶ LINH	29.07.02	09/06/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
31	PHẠM THỊ HIỀN	29.07.01	23/01/1999	Kinh	Hoà Bình	Nữ	Lịch sử	14.75	Nhì	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
32	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	29.08.03	20/05/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
33	ĐẶNG BẢO CHÂU	29.10.02	24/11/1999	Mường	Hoà Bình	Nữ	Tiếng Nga	17.15	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

29-TỈNH HOÀ BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
34	LÊ HÀ ANH	29.10.01	07/07/1999	Kinh	Hoà Bình	Nữ	Tiếng Nga	15.85	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
35	ĐỖ THU PHƯƠNG	29.10.05	23/05/1999	Kinh	Hoà Bình	Nữ	Tiếng Nga	15.80	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
36	ĐỖ HOÀI ANH	29.12.01	12/11/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Trung	14.70	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ

Danh sách này gồm 36 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

30-TỈNH HUNG YÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRƯƠNG QUANG	KHÁNH	30.01.05	25/06/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Toán	24.00	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên
2	HOÀNG THẾ	ANH	30.02.01	19/12/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Vật lí	20.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
3	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	30.02.05	11/04/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Vật lí	20.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
4	LÊ VIỆT	ANH	30.03.02	27/12/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Hoá học	26.50	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên
5	ĐOÀN MINH	HIẾU	30.03.03	22/06/2000	Kinh	Hung Yên	Nam	Hoá học	21.45	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
6	ĐOÀN VIỆT	HOÀNG	30.03.04	05/09/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Hoá học	18.55	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
7	NGUYỄN VĂN	KIÊN	30.03.05	26/08/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Hoá học	26.85	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên
8	TRẦN ĐỨC	LONG	30.03.06	19/10/2000	Kinh	Hung Yên	Nam	Hoá học	17.80	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
9	BÙI THỊ	PHƯƠNG	30.03.07	09/03/2000	Kinh	Hung Yên	Nữ	Hoá học	22.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
10	PHẠM THẾ	CƯỜNG	30.04.01	18/02/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Sinh học	24.80	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
11	TRẦN TẤT	ĐẠT	30.04.02	02/07/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Sinh học	29.35	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên
12	TẠ THÚY	HIỀN	30.04.03	08/03/1999	Kinh	Hung Yên	Nữ	Sinh học	29.35	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên
13	NGUYỄN HỮU	HÙNG	30.04.04	01/11/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Sinh học	23.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
14	ĐOÀN THỊ THANH	HƯƠNG	30.04.05	12/10/2000	Kinh	Hung Yên	Nữ	Sinh học	24.35	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
15	TRẦN LỆ	QUỲNH	30.04.06	21/08/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Sinh học	23.80	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
16	HOÀNG THỊ PHAN	THOA	30.04.07	24/12/2000	Kinh	Hung Yên	Nữ	Sinh học	23.60	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
17	NGUYỄN THỊ	XUYỀN	30.04.08	11/08/1999	Kinh	Hung Yên	Nữ	Sinh học	23.45	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
18	TRẦN MINH	HIẾU	30.05.05	02/03/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Tin học	22.25	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

30-TỈNH HUNG YÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	TRẦN TUẤN ĐẠT	30.05.03	13/11/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Tin học	24.05	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên
20	TRẦN QUỐC ĐẠT	30.05.02	17/08/2000	Kinh	Hung Yên	Nam	Tin học	16.40	Ba	11	THPT Chuyên Hưng Yên
21	NGUYỄN MINH QUÂN	30.05.08	30/08/2001	Kinh	Hung Yên	Nam	Tin học	13.95	K.Khích	10	THPT Chuyên Hưng Yên
22	ĐINH VIỆT ANH	30.05.01	06/12/2000	Kinh	Hung Yên	Nam	Tin học	13.80	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên
23	NGUYỄN THẾ ĐỨC	30.05.04	27/05/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Tin học	17.80	Ba	12	THPT Văn Lâm
24	BÙI THỊ HUỆ ANH	30.06.01	16/09/1999	Kinh	Hung Yên	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
25	NGUYỄN THỊ HÀ	30.06.03	16/05/1999	Kinh	Hung Yên	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
26	ĐÀO THỊ NGÀ	30.06.04	26/02/1999	Kinh	Hung Yên	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
27	ĐỖ THU TRANG	30.06.06	30/04/1999	Kinh	Hung Yên	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
28	NGUYỄN TRẦN TẤN HIỆP	30.07.03	13/02/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
29	VŨ THỊ HOA	30.07.04	22/03/1999	Kinh	Hung Yên	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
30	HOÀNG THỊ HƯƠNG	30.07.05	05/06/1999	Kinh	Hung Yên	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
31	VŨ THỊ MINH TRANG	30.07.08	30/03/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
32	TRẦN HẢI ANH	30.08.02	05/09/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Địa lí	14.75	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
33	CAO LAN ANH	30.08.01	31/07/1999	Kinh	Hung Yên	Nữ	Địa lí	18.50	Nhất	12	THPT Chuyên Hưng Yên
34	PHẠM THỊ THU HẰNG	30.08.03	01/11/1999	Kinh	Hung Yên	Nữ	Địa lí	18.25	Nhất	12	THPT Chuyên Hưng Yên
35	VŨ TUẤN HÙNG	30.08.05	06/07/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Địa lí	15.25	Ba	12	THPT Chuyên Hưng Yên
36	NGUYỄN QUỐC BẢO KHÔI	30.08.06	03/08/1999	Kinh	Hung Yên	Nam	Địa lí	17.00	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

30-TỈNH HƯNG YÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	ĐÀO THỊ HUẾ	30.08.04	02/09/1999	Kinh	Hung Yên	Nữ	Địa lí	16.50	Nhì	12	THPT Chuyên Hưng Yên
38	NGUYỄN THU NGÂN	30.09.04	04/12/1999	Kinh	Hung Yên	Nữ	Tiếng Anh	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Hưng Yên
39	NGUYỄN MINH LONG	30.09.03	20/09/2000	Kinh	Hải Dương	Nam	Tiếng Anh	14.35	K.Khích	11	THPT Chuyên Hưng Yên

Danh sách này gồm 39 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

31-TỈNH KHÁNH HOÀ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	31.02.04	17/09/2000	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Vật lí	23.60	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
2	ĐỖ MINH	HUÂN	31.02.02	23/08/1999	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Vật lí	27.90	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
3	ĐÀO NGUYỄN HÀ	MY	31.03.04	23/02/1999	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Hoá học	17.95	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
4	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	31.04.03	02/09/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Sinh học	22.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
5	NGUYỄN PHÚC	KHANG	31.05.01	25/08/1999	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Tin học	16.40	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
6	PHAN TRẦN LINH	SA	31.06.05	10/01/2000	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	THPT Hoàng Hoa Thám
7	BÙI HÀ	TRANG	31.07.04	09/09/2000	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
8	KIỀU THỊ KIM	DUNG	31.08.01	20/04/2000	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
9	PHẠM QUANG	DŨNG	31.09.02	16/10/1999	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Tiếng Anh	14.15	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
10	VŨ LÊ THUẬN	AN	31.09.01	01/09/2000	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Tiếng Anh	14.20	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
11	TRƯƠNG NGUYỄN HOÀI	MINH	31.09.04	11/02/2000	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Tiếng Anh	14.75	Ba	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
12	TRẦN HẢI	YẾN	31.09.08	28/12/1999	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Tiếng Anh	13.90	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
13	TRẦN PHẠM HOÀI	TIẾN	31.09.07	07/06/1999	Kinh	Khánh Hòa	Nam	Tiếng Anh	13.75	K.Khích	12	THPT Hoàng Hoa Thám
14	HOÀNG QUỲNH	ANH	31.11.02	20/12/1999	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Tiếng Pháp	14.80	K.Khích	12	THPT Nguyễn Văn Trỗi
15	LÊ THẨM LIÊN	HƯƠNG	31.11.04	22/01/1999	Kinh	Khánh Hòa	Nữ	Tiếng Pháp	15.40	Ba	12	THPT Nguyễn Văn Trỗi

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

31-TỈNH KHÁNH HOÀ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 15 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

32-TỈNH KIÊN GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	ĐẶNG THẾ HÙNG	32.01.01	10/07/1999	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
2	NGUYỄN PHƯỚC TOÀN	32.01.04	02/11/1999	Kinh	Kiên Giang	Nam	Toán	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
3	TRẦN KỲ VĨ	32.02.06	29/03/1999	Kinh	Kiên Giang	Nam	Vật lí	21.55	K.Khích	12	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
4	BÀNH VŨ LONG	32.03.02	19/04/1999	Hoa	Kiên Giang	Nam	Hoá học	25.90	Nhì	12	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
5	DIỆP THANH PHƯƠNG	32.03.04	07/04/2000	Kinh	Kiên Giang	Nam	Hoá học	25.50	Nhì	11	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
6	NGUYỄN QUỐC BẢO	32.04.01	31/01/1999	Kinh	Kiên Giang	Nam	Sinh học	24.35	K.Khích	12	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
7	CHƯƠNG VIỆT HOÀNG	32.05.03	13/11/2000	Kinh	Kiên Giang	Nam	Tin học	19.00	Ba	11	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
8	NGUYỄN HUỲNH TỔ MI	32.06.02	14/07/1999	Kinh	Kiên Giang	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Nguyễn Trung Trực
9	NGUYỄN NGỌC THIÊN NHI	32.06.04	08/11/1999	Kinh	Kiên Giang	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT Nguyễn Trung Trực
10	TRẦN DƯƠNG NGỌC PHƯỢNG	32.06.05	13/11/1999	Hoa	Kiên Giang	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT Nguyễn Trung Trực
11	LÝ MỘNG XUÂN	32.06.06	12/08/1999	Hoa	Kiên Giang	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
12	THIỀU THỊ BÍCH TUYẾN	32.07.05	20/02/1999	Kinh	Kiên Giang	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Vĩnh Thắng
13	LAI DUY LONG	32.08.04	06/06/2000	Hoa	Kiên Giang	Nam	Địa lí	13.25	K.Khích	11	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

32-TỈNH KIÊN GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
											Đạt
14	VÕ TRƯỜNG HUY	32.09.01	23/06/2000	Kinh	Kiên Giang	Nam	Tiếng Anh	14.40	K.Khích	11	THPT Nguyễn Trung Trực

Danh sách này gồm 14 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

33-TỈNH KON TUM

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÊ CẢNH	HOÀNG	33.02.01	22/05/1999	Kinh	Kon Tum	Nam	Vật lí	26.70	Ba	12	chuyên Nguyễn Tất Thành
2	NGUYỄN AN	GIANG	33.03.01	05/03/1999	Kinh	Kon Tum	Nữ	Hoá học	19.90	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Tất Thành
3	TRẦN MINH	HÒA	33.03.03	23/04/1999	Kinh	Kon Tum	Nữ	Hoá học	21.05	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Tất Thành
4	NGUYỄN THỊ THANH	TRANG	33.03.06	21/05/2000	Kinh	Kon Tum	Nữ	Hoá học	17.65	K.Khích	11	chuyên Nguyễn Tất Thành
5	ĐINH HỮU	DUY	33.04.02	28/06/1999	Kinh	Kon Tum	Nam	Sinh học	25.85	Ba	12	chuyên Nguyễn Tất Thành
6	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	33.04.03	15/05/2000	Kinh	Kon Tum	Nam	Sinh học	26.70	Ba	11	chuyên Nguyễn Tất Thành
7	LÊ THỊ BÍCH	HỒNG	33.04.05	22/03/2000	Kinh	Kon Tum	Nữ	Sinh học	22.40	K.Khích	11	chuyên Nguyễn Tất Thành
8	NGUYỄN HOÀNG HUYỀN	TRANG	33.04.06	06/08/1999	Kinh	Kon Tum	Nữ	Sinh học	25.40	Ba	12	chuyên Nguyễn Tất Thành
9	LÊ QUANG	VŨ	33.05.03	03/06/2000	Kinh	Kon Tum	Nam	Tin học	12.05	K.Khích	11	chuyên Nguyễn Tất Thành
10	LƯƠNG VŨ TRƯỜNG	SƠN	33.06.05	07/09/1999	Thái	Kon Tum	Nam	Ngữ văn	13.50	Ba	12	chuyên Nguyễn Tất Thành
11	TRƯƠNG THỊ MỸ	HUỆ	33.07.02	02/12/1999	Kinh	Bình Dương	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Tất Thành
12	NGÔ UYÊN	NHIÊN	33.07.04	08/01/1999	Kinh	Kon Tum	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Tất Thành
13	BÙI NGỌC	PHÚC	33.07.05	12/04/1999	Kinh	Thanh Hóa	Nam	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	Kon Tum
14	LÊ THẢO	VY	33.07.06	03/09/1999	Kinh	Kon Tum	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	Kon Tum
15	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	NGÂN	33.08.01	30/01/1999	Kinh	Kon Tum	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	Kon Tum
16	NGUYỄN TRUNG	NGUYỄN	33.08.02	07/05/2000	Kinh	Kon Tum	Nam	Địa lí	16.50	Nhì	11	chuyên Nguyễn Tất Thành
17	NGUYỄN THỊ ÁI	UYÊN	33.08.06	07/08/1999	Kinh	Kon Tum	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Tất Thành
18	LÊ MINH	SÁNG	33.08.05	25/11/1999	Kinh	Kon Tum	Nam	Địa lí	14.00	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Tất Thành

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

33-TỈNH KON TUM

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGÔ PHƯƠNG THẢO	33.09.02	11/05/1999	Kinh	Kon Tum	Nữ	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	12	chuyên Nguyễn Tất Thành

Danh sách này gồm 19 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

34-TỈNH LAI CHÂU

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÊ THỊ NGA	34.06.05	01/03/1999	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
2	NGUYỄN PHƯƠNG NGA	34.06.06	10/04/1999	Kinh	Lào Cai	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
3	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	34.07.02	06/09/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
4	VŨ HUYỀN TRANG	34.07.05	02/10/2000	Kinh	Lai Châu	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
5	LƯU QUỲNH ĐAN	34.08.01	09/03/2000	Thái	Lai Châu	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
6	ĐỖ THỊ HỒNG NGỌC	34.08.05	06/01/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
7	VŨ HỒNG NGỌC	34.08.06	23/05/1999	Kinh	Lào Cai	Nữ	Địa lí	15.25	Ba	12	THPT Than Uyên

Danh sách này gồm 7 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

35-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	PHẠM LAM	KHÊ	35.02.02	30/04/1999	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	27.20	Ba	12	THPT Chuyên Thăng Long
2	VŨ LÊ KHÔI	NGUYỄN	35.02.04	06/07/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	20.15	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
3	PHẠM AN	THÁI	35.02.06	29/01/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Vật lí	20.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
4	ĐINH LÊ TUẤN	KHẢI	35.03.03	16/05/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	24.10	Ba	12	THPT Chuyên Thăng Long
5	NGUYỄN PHAN AN	KHANG	35.03.02	24/08/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	24.90	Ba	12	THPT Chuyên Thăng Long
6	BÙI TRUNG	KIÊN	35.03.04	17/10/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Hoá học	25.05	Ba	12	THPT Chuyên Thăng Long
7	NGUYỄN VŨ	NHÂN	35.03.05	12/08/1999	Kinh	Quảng Nam	Nam	Hoá học	20.05	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
8	HUỲNH NGUYỄN TRÚC	PHƯƠNG	35.03.06	30/05/2000	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Hoá học	18.90	K.Khích	11	THPT Chuyên Thăng Long
9	NGUYỄN HỮU HƯƠNG	THẢO	35.04.06	10/01/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	32.05	Nhì	12	THPT Chuyên Thăng Long
10	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	THẢO	35.04.05	18/05/2000	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	27.85	Ba	11	THPT Chuyên Bảo Lộc
11	HOÀNG VŨ UYÊN	THANH	35.04.04	18/10/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	25.00	Ba	12	THPT Chuyên Thăng Long
12	NGUYỄN HOÀNG MINH	ANH	35.04.01	19/11/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	24.80	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
13	LƯƠNG THÚY	HÀ	35.04.03	05/07/2000	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	22.80	K.Khích	11	THPT Chuyên Bảo Lộc
14	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	35.04.02	14/10/2000	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Sinh học	23.75	K.Khích	11	THPT Chuyên Thăng Long
15	TRẦN CHÍ	HÀO	35.05.02	25/07/2000	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	19.35	Ba	11	THPT Chuyên Thăng Long
16	DƯƠNG QUỐC	HUNG	35.05.03	30/11/2000	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	26.95	Nhì	11	THPT Chuyên Thăng Long
17	TRẦN NGUYỄN KHÁNH	NINH	35.05.04	09/10/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	24.25	Nhì	12	THPT Chuyên Thăng Long
18	TRẦN VIỆT	DỰ	35.05.01	27/02/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	11.78	K.Khích	12	THPT Chuyên Bảo Lộc

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

35-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	TRẦN QUỐC	THẮNG	35.05.05	17/10/2000	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	14.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Bảo Lộc
20	LÊ ĐỨC	THỊNH	35.05.06	04/09/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tin học	16.30	Ba	12	THPT Chuyên Thăng Long
21	VÕ THỤY THÙY	DUNG	35.06.05	03/03/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
22	NGUYỄN NGỌC	VŨ	35.07.04	22/08/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Thăng Long
23	HỒ BẢO	LÂM	35.07.02	14/05/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
24	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	UYÊN	35.07.03	15/11/2000	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	11	THPT Đức Trọng
25	NGUYỄN KHÁNH	VY	35.07.05	09/10/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
26	PHẠM HƯỚNG LAN	VY	35.07.06	03/05/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
27	BÙI THỊ UYÊN	PHƯƠNG	35.08.05	29/12/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT Chuyên Thăng Long
28	ĐOÀN VĨNH	PHONG	35.09.04	05/01/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tiếng Anh	14.30	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
29	ĐÀO NGUYỄN HỒNG	NGỌC	35.09.03	26/10/1999	Kinh	Lạng Sơn	Nữ	Tiếng Anh	14.45	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
30	PHẠM TRƯƠNG BẢO	UYÊN	35.09.06	28/07/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Tiếng Anh	13.55	K.Khích	12	THPT Chuyên Thăng Long
31	NGUYỄN QUỐC HẠNH	NGUYỄN	35.11.03	30/10/2000	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Tiếng Pháp	15.25	Ba	11	THPT Chuyên Thăng Long

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

35-TỈNH LÂM ĐỒNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 31 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

36-TỈNH LẠNG SƠN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NÔNG NGỌC	QUÂN	36.01.05	07.11.1999	Tày	Lạng Sơn	Nam	Toán	18.00	Ba	12	THPT chuyên Chu Văn An
2	HOÀNG QUANG	LỤC	36.02.05	02.10.1999	Tày	Hung Yên	Nam	Vật lí	20.30	K.Khích	12	THPT chuyên Chu Văn An
3	HOÀNG THANH	TÂM	36.04.04	27.03.1999	Tày	Lạng Sơn	Nữ	Sinh học	22.80	K.Khích	12	THPT chuyên Chu Văn An
4	TRẦN HÙNG	TRƯỜNG	36.04.06	05.05.1999	Kinh	Lạng Sơn	Nam	Sinh học	24.75	K.Khích	12	THPT chuyên Chu Văn An
5	NGUYỄN DIỆP	ANH	36.04.01	27.12.2000	Kinh	Lạng Sơn	Nữ	Sinh học	22.85	K.Khích	11	THPT chuyên Chu Văn An
6	NGUYỄN TỔ	THƯƠNG	36.07.05	24.03.1999	Tày	Lạng Sơn	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT chuyên Chu Văn An
7	TRẦN LINH	CHI	36.07.01	12.11.1999	Nùng	Lạng Sơn	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Chu Văn An
8	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	36.07.06	24.10.2000	Kinh	Lạng Sơn	Nam	Lịch sử	14.50	Ba	11	THPT chuyên Chu Văn An
9	NGUYỄN THU	HUYỀN	36.07.03	27.01.1999	Tày	Lạng Sơn	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT chuyên Chu Văn An
10	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	36.07.04	12.03.1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Lịch sử	17.00	Nhất	12	THPT chuyên Chu Văn An
11	TÔ THỊ	LOAN	36.08.02	11.09.2000	Nùng	Lạng Sơn	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	THPT chuyên Chu Văn An
12	VY THỊ HỒNG	THẢO	36.08.06	16.12.1999	Tày	Lạng Sơn	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	THPT chuyên Chu Văn An
13	VY THỊ HƯƠNG	LY	36.08.03	24.09.2000	Nùng	Lạng Sơn	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	11	THPT chuyên Chu Văn An
14	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	36.09.01	20.06.1999	Kinh	Lạng Sơn	Nữ	Tiếng Anh	13.55	K.Khích	12	THPT chuyên Chu Văn An

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

36-TỈNH LẠNG SƠN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 14 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

37-TỈNH LÀO CAI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRẦN VIỆT	HUY	37.01.03	10/11/1999	Kinh	Bệnh Viện Bảo	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT Chuyên
2	PHẠM NHẬT	HUY	37.01.02	22/12/1999	Kinh	Lào Cai	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT Chuyên
3	ĐINH TIỀN	KIÊN	37.01.04	02/01/1999	Kinh	Lào Cai	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	THPT Chuyên
4	PHẠM DUY	TÂN	37.02.06	16/09/1999	Kinh	Lào Cai	Nam	Vật lí	19.70	K.Khích	12	THPT Chuyên
5	VŨ TIẾN	ANH	37.03.01	09/03/1999	Kinh	Bệnh Viện Thị	Nam	Hoá học	23.75	Ba	12	THPT Chuyên
6	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	37.03.03	04/03/2000	Kinh	Lào Cai	Nam	Hoá học	23.20	Ba	11	THPT Chuyên
7	TRẦN NGỌC	LAN	37.04.02	23/02/1999	Kinh	P. Bắc Lệnh -	Nữ	Sinh học	27.25	Ba	12	THPT Chuyên
8	PHẠM HOÀI	THƯƠNG	37.04.04	09/01/1999	Kinh	Lào Cai	Nữ	Sinh học	29.40	Nhì	12	THPT Chuyên
9	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	37.04.03	06/04/1999	Kinh	Bệnh Viện Đa	Nam	Sinh học	28.25	Nhì	12	THPT Chuyên
10	BÙI BÍCH	HƯƠNG	37.04.01	20/07/1999	Kinh	Lào Cai	Nữ	Sinh học	26.90	Ba	12	THPT Chuyên
11	TẠ HỒ	TRANG	37.04.05	02/02/2000	Kinh	Lào Cai	Nữ	Sinh học	23.65	K.Khích	11	THPT Chuyên
12	VŨ CẨM	VÂN	37.04.06	15/12/2000	Kinh	Lào Cai	Nữ	Sinh học	22.90	K.Khích	11	THPT Chuyên
13	NGÔ MINH	HOÀNG	37.05.03	05/05/1999	Kinh	Lào Cai	Nam	Tin học	21.10	Nhì	12	THPT Chuyên
14	NGUYỄN VIỆT	ĐỨC	37.05.02	21/03/1999	Kinh	Bệnh Viện Đa	Nam	Tin học	14.55	K.Khích	12	THPT Chuyên
15	LÊ TUẤN	KHANG	37.05.04	27/08/2000	Kinh	Trung Tâm Y Tế	Nam	Tin học	12.55	K.Khích	11	THPT Chuyên
16	BÙI MINH	TUẤN	37.05.06	11/02/1999	Kinh	Lào Cai	Nam	Tin học	16.20	Ba	12	THPT Chuyên
17	NGUYỄN HOÀNG	ANH	37.05.01	14/06/2000	Kinh	Tỉnh Lào Cai -	Nam	Tin học	15.35	K.Khích	11	THPT Chuyên
18	NGUYỄN TẤN	THÀNH	37.05.05	17/09/1999	Kinh	Lào Cai	Nam	Tin học	13.40	K.Khích	12	THPT Chuyên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

37-TỈNH LÀO CAI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	HÀ THỊ HẢI	YẾN	37.06.06	24/08/1999	Kinh	Tx Lào Cai -	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên
20	VŨ HOÀNG QUỲNH	ANH	37.06.01	30/09/1999	Kinh	Lào Cai	Nữ	Ngữ văn	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên
21	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THÚY	37.06.04	02/12/2000	Tày	Lào Cai	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	11	THPT Chuyên
22	NGUYỄN THANH	LAM	37.06.02	13/07/2000	Kinh	Lào Cai	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT Chuyên
23	PHAN THỊ THANH	XUÂN	37.06.05	01/01/1999	Kinh	Điện Bàn QN	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên
24	LƯƠNG THỊ	HIỀN	37.07.04	25/03/1999	Nùng	Lào Cai	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT Chuyên
25	LÊ THỊ THANH	THẢO	37.07.06	26/01/1999	Kinh	Lào Cai	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên
26	HOÀNG NGỌC	ÁNH	37.07.02	08/12/1999	Kinh	Lào Cai	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên
27	LÊ HOÀNG	ĐẠT	37.07.03	17/05/2000	Kinh	Lào Cai	Nam	Lịch sử	14.75	Nhì	11	THPT Chuyên
28	NGUYỄN TÚ	ANH	37.07.01	24/06/1999	Kinh	Lào Cai	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT số 1 Lào Cai
29	NGUYỄN THU	THỦY	37.08.07	05/02/2000	Kinh	Lào Cai	Nữ	Địa lí	16.50	Nhì	11	THPT Chuyên
30	NÔNG THỊ HỒNG	NGỌC	37.08.04	04/04/1999	Thái	Lào Cai	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên
31	LÊ NGỌC	MAI	37.08.03	24/05/2000	Kinh	Lào Cai	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	11	THPT Chuyên
32	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	37.08.06	01/10/1999	Kinh	Trạm Y Tế - Xã	Nữ	Địa lí	17.00	Nhì	12	THPT Chuyên
33	NGUYỄN LÊ HOÀI	ANH	37.09.02	02/08/1999	Kinh	Yên Bái	Nữ	Tiếng Anh	16.10	Nhì	12	THPT Chuyên
34	NGUYỄN NHẬT	ĐỨC	37.09.03	16/12/1999	Kinh	Lào Cai	Nam	Tiếng Anh	16.15	Nhì	12	THPT Chuyên
35	ĐINH THÚY	HẰNG	37.09.05	14/01/1999	Kinh	Bệnh Viện	Nữ	Tiếng Anh	14.10	K.Khích	12	THPT Chuyên
36	BÙI TRUNG	HIẾU	37.09.06	28/02/1999	Kinh	Lào Cai	Nam	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	12	THPT Chuyên

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

37-TỈNH LÀO CAI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	37.09.01	26/10/1999	Kinh	Lào Cai	Nữ	Tiếng Anh	15.35	Ba	12	THPT Chuyên
38	LƯU THỊ BÍCH HẰNG	37.12.02	13/12/1999	Kinh	Lào Cai	Nữ	Tiếng Trung	15.25	Ba	12	THPT Chuyên

Danh sách này gồm 38 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017
CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

38-TỈNH LONG AN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN THỊ MINH THẢO	38.06.09	01/01/1999	Kinh	Long An	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Đức Hoà

Danh sách này gồm 1 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	BÙI TUẤN ANH	39.01.01	09/01/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Toán	18.50	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
2	TRẦN HOÀNG CHUẨN	39.01.02	08/03/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Toán	19.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
3	TRẦN THỊ HÀ	39.01.03	28/02/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Toán	27.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
4	ĐINH VĂN HIẾU	39.01.04	18/06/1999	Kinh	Hà Nam	Nam	Toán	22.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
5	NGUYỄN HOÀNG HUY	39.01.05	01/07/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Toán	23.50	Nhì	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
6	PHẠM QUANG HUY	39.01.06	29/08/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Toán	19.50	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
7	ĐOÀN NGỌC KHÁNH	39.01.07	04/05/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Toán	20.00	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
8	ĐOÀN THỊ NHÀI	39.01.08	13/10/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Toán	20.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
9	NGUYỄN KIÊN ANH	39.02.01	24/03/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Vật lí	22.75	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
10	CHU ĐÌNH DƯƠNG	39.02.02	27/08/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Vật lí	26.10	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
11	LÊ ĐẮC DƯƠNG	39.02.03	01/01/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Vật lí	20.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	PHẠM XUÂN ĐẠT	39.02.04	27/11/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Vật lí	27.90	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
13	NGUYỄN NGỌC THẾ	39.02.06	10/01/1999	Kinh	Hà Nam	Nam	Vật lí	23.65	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
14	TRẦN THỊ TRANG	39.02.07	06/05/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Vật lí	30.20	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
15	HỒ ANH TÙNG	39.02.09	21/01/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Vật lí	24.05	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
16	HOÀNG MINH TÙNG	39.02.08	14/09/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Vật lí	20.55	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
17	TRẦN XUÂN VŨ	39.02.10	13/09/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Vật lí	20.25	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
18	TRẦN VÂN ANH	39.03.02	07/11/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Hoá học	20.30	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
19	NGÔ THU HIỀN	39.03.03	14/04/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Hoá học	25.60	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
20	LÊ ĐĂNG HUY	39.03.04	05/08/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Hoá học	22.60	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
21	NGUYỄN THỊ LINH	39.03.05	20/11/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Hoá học	21.30	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
22	ĐÀM ĐỨC LƯƠNG	39.03.06	14/09/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Hoá học	23.95	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	VŨ TRUNG NAM	39.03.07	05/02/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Hoá học	28.80	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
24	LÊ HUỖNH TIẾN	39.03.08	10/04/2000	Kinh	Hungary	Nam	Hoá học	22.55	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
25	HOÀNG THANH TÙNG	39.03.09	29/08/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Hoá học	26.05	Nhì	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
26	LÊ THU UYÊN	39.03.10	09/03/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Hoá học	20.65	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
27	NGUYỄN THẾ ANH	39.04.01	06/04/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Sinh học	27.90	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
28	TRẦN DIỆU ÁNH	39.04.02	18/01/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Sinh học	22.80	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
29	TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	39.04.07	08/11/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Sinh học	22.95	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
30	TRẦN THANH TÙNG	39.04.08	29/01/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Sinh học	25.60	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
31	ĐỖ THU UYÊN	39.04.09	21/07/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Sinh học	23.95	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
32	ĐINH VIỆT ANH	39.05.01	05/06/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Tin học	17.45	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
33	ĐẶNG THÀNH CÔNG	39.05.02	22/08/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Tin học	21.90	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
34	LÊ TUẤN DŨNG	39.05.03	29/07/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Tin học	27.05	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
35	TRẦN VĂN ĐẠO	39.05.04	17/01/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Tin học	21.05	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
36	ĐỖ QUANG ĐIỆN	39.05.05	01/05/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Tin học	19.90	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
37	PHẠM TUẤN NGHĨA	39.05.06	22/11/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Tin học	33.20	Nhất	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
38	TRẦN THỊ UYÊN	39.05.07	03/02/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Tin học	23.20	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
39	HOÀNG QUỐC VIỆT	39.05.08	14/01/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Tin học	12.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
40	HOÀNG HÀ ANH	39.06.01	11/08/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
41	TRẦN THU GIANG	39.06.02	18/01/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Ngữ văn	16.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
42	LÃ VIỆT HUY	39.06.03	08/08/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Ngữ văn	16.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
43	VŨ THỊ THU HƯƠNG	39.06.04	07/08/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
44	BÙI THỊ KIM NGÂN	39.06.05	29/10/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
45	HOÀNG THỊ THẢO	39.06.06	22/04/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	14.50	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
46	TRỊNH THỊ THU	39.06.07	02/01/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
47	VŨ THỊ HẢI YẾN	39.06.08	29/10/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
48	TRẦN PHƯƠNG ANH	39.07.01	22/07/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
49	TRẦN VĂN DIỆN	39.07.02	09/10/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
50	NGUYỄN ĐỨC THÁI	39.07.08	20/09/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
51	TRẦN TRUNG THÀNH	39.07.07	03/08/1998	Kinh	Nam Định	Nam	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
52	TRẦN MINH TIẾN	39.07.09	31/08/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
53	ĐINH THỊ YẾN	39.07.10	01/01/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
54	TRẦN THỊ NGỌC ANH	39.08.01	09/12/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	16.50	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
55	TRẦN THỊ THU HIỀN	39.08.02	10/10/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
56	ĐẶNG HUY HÙNG	39.08.03	03/04/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
57	PHẠM THỊ NHUNG	39.08.04	16/07/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
58	BÙI THỊ THUỶ	39.08.05	08/05/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
59	VŨ THỊ THU	39.08.06	01/01/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	17.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
60	NGUYỄN THỊ THU TRANG	39.08.07	14/05/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
61	LƯƠNG THỰC TRINH	39.08.08	30/08/1999	Kinh	Hà Nam	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
62	TRẦN THỊ HỒNG VÂN	39.08.09	14/05/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
63	NGUYỄN NHẬT VY	39.08.10	06/10/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
64	NGUYỄN THẢO ANH	39.09.01	14/05/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Tiếng Anh	15.30	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
65	NGUYỄN MAI LINH	39.09.03	01/08/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Tiếng Anh	13.55	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
66	NGUYỄN DIỆU LOAN	39.09.04	07/02/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Tiếng Anh	14.95	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
67	VŨ KHÁNH NGỌC	39.09.05	11/07/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Tiếng Anh	14.85	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
68	KHÚC THÁI SƠN	39.09.06	21/10/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Tiếng Anh	13.95	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
69	TRẦN SƠN TÙNG	39.09.08	24/01/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Tiếng Anh	14.75	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
70	PHẠM HOÀNG ANH	39.10.02	29/07/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Tiếng Nga	16.25	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
71	BÙI VƯƠNG ANH	39.10.01	27/06/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Tiếng Nga	15.50	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
72	NGUYỄN THỊ THUỖ DƯƠNG	39.10.04	06/05/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Tiếng Nga	15.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
73	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	39.10.06	18/12/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Tiếng Nga	17.05	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
74	TRẦN THANH HUYỀN	39.11.01	27/10/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Tiếng Pháp	15.15	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
75	TRẦN ĐỨC NHẬT	39.11.02	10/09/1999	Kinh	Nam Định	Nam	Tiếng Pháp	15.80	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
76	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	39.11.04	07/12/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Tiếng Pháp	16.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
77	PHAN THỊ THU THẢO	39.11.05	01/11/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Tiếng Pháp	14.95	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 77 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	CAO HỮU ĐẠT	40.01.02	09/06/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	25.00	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
2	NGUYỄN HỒNG QUỐC KHÁNH	40.01.06	27/04/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	24.00	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
3	NGUYỄN VĂN HUY	40.01.05	13/07/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	26.50	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
4	TRẦN NGUYỄN LÂN	40.01.07	11/07/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	26.50	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
5	NGUYỄN CẢNH HOÀNG	40.01.03	30/01/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	27.00	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
6	NGUYỄN ĐỨC BẢO	40.01.01	24/02/2001	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	26.00	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
7	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	40.01.04	04/02/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	23.50	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
8	NGUYỄN TRUNG PHÚC	40.01.09	26/04/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	22.50	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
9	PHAN ĐỨC TIẾN	40.01.10	15/08/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	23.50	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
10	HOÀNG VĂN NAM	40.01.08	16/01/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Toán	23.00	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
11	LÊ NHẬT MINH	40.02.08	14/09/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	36.95	Nhất	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	PHAN TUẤN LINH	40.02.06	23/03/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	33.85	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
13	PHAN TIẾN ĐẠT	40.02.02	01/01/1999	Thổ	Nghệ An	Nam	Vật lí	32.45	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
14	TRẦN HỮU BÌNH MINH	40.02.09	04/04/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	36.00	Nhất	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
15	NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	40.02.03	06/06/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Vật lí	34.20	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
16	ĐẶNG HOÀNG LONG	40.02.07	08/05/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	35.70	Nhất	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
17	ĐÀO HUY HOÀNG	40.02.04	18/01/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	27.70	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
18	NGUYỄN THANH BÌNH	40.02.01	24/07/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	36.10	Nhất	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
19	HOÀNG ANH QUÂN	40.02.10	16/06/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	25.55	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
20	PHẠM TUẤN HUY	40.02.05	13/04/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Vật lí	29.15	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
21	PHAN QUỐC HÙNG	40.03.04	03/06/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Hoá học	27.05	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
22	THÁI NGỌC ANH	40.03.01	22/11/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Hoá học	31.55	Nhất	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	HOÀNG NGHĨA TUYẾN	40.03.10	04/04/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Hoá học	32.45	Nhất	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
24	TRỊNH THỊ MINH NGỌC	40.03.05	21/09/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Hoá học	28.85	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
25	PHAN MINH QUYẾT	40.03.07	29/03/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Hoá học	21.45	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
26	ĐẶNG QUỲNH TRANG	40.03.08	25/05/2000	Kinh	Nghệ An	Nữ	Hoá học	24.40	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
27	NGUYỄN TRỌNG HÀO	40.03.02	18/04/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Hoá học	24.15	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
28	NGUYỄN MINH HẢI	40.03.03	02/07/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Hoá học	18.65	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
29	ÔNG THỊ AN TRINH	40.03.09	28/01/2000	Kinh	Nghệ An	Nữ	Hoá học	22.50	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
30	NGUYỄN TRỌNG THỰC QUYÊN	40.03.06	08/12/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Hoá học	24.70	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
31	VŨ THỊ DUY LY	40.04.05	25/04/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Sinh học	27.90	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
32	NGUYỄN THỊ NHỊ THANH	40.04.08	30/01/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Sinh học	29.95	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
33	NGUYỄN THỊ LINH CHI	40.04.02	01/06/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Sinh học	28.55	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
34	TĂNG ĐÌNH ĐỨC	40.04.03	21/02/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Sinh học	24.20	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
35	NGUYỄN VĂN QUANG	40.04.06	24/03/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Sinh học	25.25	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
36	CHU VĂN TÂN	40.04.07	09/03/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Sinh học	26.15	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
37	TRƯƠNG VĂN VŨ	40.04.09	18/09/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Sinh học	23.55	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
38	CAO TUẤN KIẾT	40.04.04	08/08/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Sinh học	23.45	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
39	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	40.04.01	07/02/2000	Kinh	Nghệ An	Nữ	Sinh học	23.55	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
40	THÁI THỊ XUÂN	40.04.10	16/01/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Sinh học	23.90	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
41	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	40.05.06	10/08/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tin học	20.10	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
42	THÁI VĂN CHIẾN	40.05.02	29/11/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	17.45	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
43	NGÔ HOÀNG ANH	40.05.01	30/03/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	12.45	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
44	TRẦN ANH QUÂN	40.05.08	15/10/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	18.55	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
45	LÊ TRỌNG ĐẠT	40.05.05	24/09/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	26.70	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
46	PHAN HỮU DUY	40.05.04	16/10/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	14.45	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
47	PHẠM QUỐC CHUNG	40.05.03	10/01/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	15.60	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
48	TẠ ĐÌNH QUÝ	40.05.09	15/03/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	21.80	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
49	NGUYỄN XUÂN THẮNG	40.05.10	15/11/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Tin học	15.20	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
50	THÁI THỊ THẢO HOA	40.06.04	24/11/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
51	PHAN MINH TRÂM	40.06.10	26/07/2000	Kinh	Nghệ An	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
52	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	40.06.09	23/09/2000	Kinh	Nghệ An	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
53	CAO NGUYỄN QUỲNH TRANG	40.06.08	18/09/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
54	CHU THỊ TIỂU TIỆP	40.06.07	04/03/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
55	HỒ NGÂN HẠNH	40.06.02	11/07/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
56	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	40.06.06	06/09/2000	Kinh	Nghệ An	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
57	LÊ THẢO ANH	40.06.01	05/07/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
58	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	40.06.05	25/12/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
59	LÊ THỊ TRÀ MY	40.07.05	24/03/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
60	VŨ THỊ NGÂN	40.07.06	28/08/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
61	NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	40.07.08	12/10/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
62	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	40.07.09	14/02/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
63	NGŨ THỊ HÀ TRANG	40.07.10	08/12/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Lịch sử	17.00	Nhất	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
64	TRẦN THỊ HẠNH DIỆP	40.08.01	21/02/1999	Kinh	Hà Tĩnh	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
65	VŨ THỊ GIANG	40.08.03	27/12/1998	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
66	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	40.08.09	16/12/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
67	NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	40.08.05	13/01/2000	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
68	TRƯƠNG THỊ QUỲNH TRANG	40.08.10	04/05/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	15.75	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
69	NGUYỄN TRANG NHUNG	40.08.08	04/05/2000	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
70	NGÔ THỊ THU HÀ	40.08.04	12/07/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
71	TRẦN THỊ DIỆU HƯƠNG	40.08.07	26/02/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
72	LƯƠNG THỊ THẢO DUNG	40.08.02	08/09/2000	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
73	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	40.08.06	02/02/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Địa lí	16.25	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
74	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VÂN	40.09.10	24/03/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Anh	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
75	NGUYỄN THỊ THẢO NGÂN	40.09.05	27/09/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Anh	15.35	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
76	NGUYỄN THỊ BẢO TRÂN	40.09.08	10/09/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Anh	14.85	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
77	NGUYỄN HỮU QUÂN	40.09.06	16/04/1999	Kinh	Nghệ An	Nam	Tiếng Anh	15.35	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
78	NGUYỄN HOÀNG KIM	NGÂN	40.09.04	18/10/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Anh	15.65	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
79	NGUYỄN TÚ	ANH	40.09.01	08/08/2000	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Anh	15.55	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
80	PHAN QUỲNH	NGA	40.09.03	26/03/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Anh	15.90	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
81	NGUYỄN LÊ	TÂM	40.09.07	25/09/2000	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Anh	15.60	Nhì	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
82	HỒ NGUYỄN	TRUNG	40.09.09	11/10/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Tiếng Anh	14.30	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
83	NGUYỄN THỊ KHÁNH	GIANG	40.09.02	16/03/2000	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Anh	15.20	Ba	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
84	PHẠM THỊ HỒNG	AN	40.11.01	27/05/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Pháp	16.33	Nhì	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
85	NGUYỄN THỊ TÀI	LINH	40.11.04	04/09/2000	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Pháp	14.90	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
86	NGUYỄN THỊ NGỌC	KHÁNH	40.11.03	05/09/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Pháp	15.55	Ba	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu
87	TRỊNH ĐỨC	TUẤN	40.11.05	06/04/2000	Kinh	Nghệ An	Nam	Tiếng Pháp	15.13	K.Khích	11	THPT Chuyên Phan Bội Châu
88	TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	40.11.06	09/09/1999	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Pháp	14.65	K.Khích	12	THPT Chuyên Phan Bội Châu

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

40-TỈNH NGHỆ AN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 88 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

41-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN ĐỨC MINH	41.01.05	05/08/1999	Kinh	Ninh Bình	Nam	Toán	15.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
2	HOÀNG TRUNG HIẾU	41.01.04	07/05/2000	Mường	Ninh Bình	Nam	Toán	14.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
3	NGÔ VIỆT HÙNG	41.02.02	09/07/1999	Kinh	Ninh Bình	Nam	Vật lí	31.60	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
4	NGUYỄN TRỌNG KHÁNH	41.02.03	31/10/1999	Kinh	Ninh Bình	Nam	Vật lí	23.80	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
5	HOÀNG MINH TÂN	41.02.06	12/03/1999	Kinh	Ninh Bình	Nam	Vật lí	28.50	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
6	PHẠM BẢO NGỌC	41.02.04	20/01/2000	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Vật lí	21.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
7	NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	41.02.01	19/12/2000	Kinh	Ninh Bình	Nam	Vật lí	23.05	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
8	LÃ VĂN QUY	41.02.05	19/04/1999	Kinh	Ninh Bình	Nam	Vật lí	21.05	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
9	HÀ THU UYÊN	41.03.06	18/10/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Hoá học	19.70	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
10	BÙI ĐỨC DUY	41.03.01	02/08/2000	Kinh	Ninh Bình	Nam	Hoá học	20.15	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
11	NGUYỄN THÙY LINH	41.03.03	22/09/2000	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Hoá học	17.80	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

41-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	NGUYỄN NGỌC ÁNH	41.04.02	24/10/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Sinh học	32.40	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
13	NGUYỄN THỊ HOÀI NGỌC	41.04.06	01/11/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Sinh học	30.70	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
14	BÙI QUỐC ĐẠT	41.04.03	03/07/1999	Kinh	Ninh Bình	Nam	Sinh học	25.15	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
15	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	41.04.01	16/06/2000	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Sinh học	28.90	Nhì	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
16	NGUYỄN THỊ HOÀN	41.04.04	25/04/2000	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Sinh học	25.85	Ba	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
17	ĐINH HỒNG NGỌC	41.04.05	07/09/2000	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Sinh học	25.60	Ba	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
18	NGUYỄN NGỌC ANH	41.05.01	24/10/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Tin học	19.60	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
19	PHẠM MINH KHIÊM	41.05.06	24/07/1999	Kinh	Ninh Bình	Nam	Tin học	13.55	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
20	PHẠM VĂN ĐẠT	41.05.02	12/12/2000	Kinh	Ninh Bình	Nam	Tin học	11.93	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
21	PHẠM KHÁNH LY	41.05.08	18/08/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Tin học	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
22	PHẠM TRUNG KIÊN	41.05.07	08/06/2000	Kinh	Ninh Bình	Nam	Tin học	13.18	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

41-TỈNH NINH BÌNH

SỐ TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	ĐINH THỊ THU HUYỀN	41.06.03	25/08/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
24	NGUYỄN THỊ THU HÀ	41.06.02	20/10/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
25	ĐẶNG LINH CHI	41.06.01	13/08/2000	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
26	PHẠM VĂN PHAN	41.07.06	07/07/1999	Kinh	Ninh Bình	Nam	Lịch sử	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
27	PHẠM VĂN THỨC	41.07.08	09/10/1999	Kinh	Ninh Bình	Nam	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT Ngô Thì Nhậm
28	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	41.07.05	18/04/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
29	DƯƠNG THỊ CÔNG LƯƠNG	41.07.03	11/10/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
30	AN THỊ HỒNG NHUNG	41.07.04	17/03/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
31	ĐỒNG BẢO LÂM	41.07.01	02/02/1999	Kinh	Ninh Bình	Nam	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
32	TẠ THỊ HOÀI THU	41.07.07	23/04/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
33	NINH THỊ THÙY LINH	41.07.02	02/10/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Lịch sử	15.25	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
34	ĐỖ THỊ HỒNG LÝ	41.08.05	13/03/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

41-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
											Tự
35	PHẠM THÀNH AN	41.08.01	18/12/1999	Kinh	Ninh Bình	Nam	Địa lí	15.50	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
36	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	41.08.03	22/06/1999	Kinh	Ninh Bình	Nam	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
37	ĐINH THỊ HUYỀN	41.08.04	26/08/2000	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
38	NGUYỄN QUỲNH MAI	41.08.06	11/10/2000	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
39	NGUYỄN THỊ DIỄM	41.08.02	20/07/2000	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
40	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	41.09.04	11/02/2000	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Tiếng Anh	14.25	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Tụy
41	LÊ THỊ XUÂN	41.09.06	03/01/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Tiếng Anh	13.55	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
42	ĐÀO PHƯƠNG LOAN	41.11.03	05/05/1999	Kinh	Nam Định	Nữ	Tiếng Pháp	16.38	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
43	HÀ THỊ HỒNG NHUNG	41.11.04	20/03/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Tiếng Pháp	15.90	Nhì	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
44	ĐINH VĂN ANH	41.11.01	06/07/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Tiếng Pháp	15.05	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy
45	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	41.11.05	06/10/1999	Kinh	Ninh Bình	Nữ	Tiếng Pháp	14.85	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Tụy

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

41-TỈNH NINH BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
											Tự

Danh sách này gồm 45 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

42-TỈNH NINH THUẬN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN HUỲNH THỦY TIÊN	42.06.05	06/09/1999	Kinh	Ninh Thuận	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	Nguyễn Trãi

Danh sách này gồm 1 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

43-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TẠ ANH DŨNG	43.01.01	04/02/2000	Kinh	Phú Thọ	Nam	Toán	19.50	Ba	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
2	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	43.01.02	17/10/1999	Kinh	Phú Thọ	Nam	Toán	24.00	Nhì	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
3	NGUYỄN HOÀNG HẢI	43.01.03	15/05/2000	Kinh	Phú Thọ	Nam	Toán	18.00	Ba	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
4	DƯƠNG GIA HUY	43.01.04	16/10/2000	Kinh	Phú Thọ	Nam	Toán	16.00	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
5	HỒ QUANG HUY	43.01.05	21/06/2000	Kinh	Phú Thọ	Nam	Toán	17.50	Ba	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
6	NGUYỄN TIẾN LONG	43.01.07	02/03/2000	Kinh	Phú Thọ	Nam	Toán	24.50	Nhì	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
7	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	43.01.08	04/01/1999	Kinh	Phú Thọ	Nam	Toán	22.50	Nhì	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
8	NGÔ HOÀNG ANH	43.02.01	26/10/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Vật lí	22.15	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
9	NGUYỄN VĂN CHÚC	43.02.02	09/07/1999	Kinh	Phú Thọ	Nam	Vật lí	34.75	Nhì	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
10	NGUYỄN PHÚC ĐẠT	43.02.03	27/04/1999	Kinh	Phú Thọ	Nam	Vật lí	20.20	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
11	VŨ GIA HƯNG	43.02.04	07/02/2000	Kinh	Phú Thọ	Nam	Vật lí	19.30	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

43-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	NGÔ NHẬT MINH	43.02.05	11/04/1999	Kinh	Phú Thọ	Nam	Vật lí	30.20	Nhì	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
13	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	43.02.06	16/11/2000	Kinh	Phú Thọ	Nam	Vật lí	21.50	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
14	NGUYỄN THÚY NGA	43.03.03	23/02/2000	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Hoá học	20.95	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
15	VŨ ĐỨC NGỌC	43.03.04	31/10/1999	Kinh	Phú Thọ	Nam	Hoá học	22.20	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
16	PHAN TRẦN QUÂN	43.03.06	10/09/1999	Kinh	Phú Thọ	Nam	Hoá học	21.05	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
17	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	43.03.08	13/08/1999	Kinh	Phú Thọ	Nam	Hoá học	24.00	Ba	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
18	NGUYỄN LINH CHI	43.04.01	07/02/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Sinh học	22.50	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
19	CHU QUỲNH HOA	43.04.03	21/03/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Sinh học	27.45	Ba	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
20	TRẦN THỊ THU THẢO	43.04.04	08/04/2000	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Sinh học	23.85	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
21	LÊ THỊ THÙY TRANG	43.04.05	09/10/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Sinh học	23.95	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
22	NGÔ VIỆT TÙNG	43.04.07	01/10/2000	Kinh	Phú Thọ	Nam	Sinh học	23.30	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

43-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	QUÁCH THỊ HỒNG VÂN	43.04.08	16/04/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Sinh học	25.75	Ba	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
24	TRẦN TUẤN ANH	43.05.01	20/02/1999	Kinh	Phú Thọ	Nam	Tin học	11.60	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
25	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	43.05.04	19/10/1999	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Tin học	30.70	Nhất	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
26	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	43.05.05	28/06/2000	Kinh	Liên Bang Nga	Nam	Tin học	15.68	Ba	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
27	ĐINH QUANG VŨ	43.05.06	16/10/1999	Kinh	Phú Thọ	Nam	Tin học	20.05	Ba	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
28	LÊ THỊ THU HƯỜNG	43.06.04	18/02/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
29	HOÀNG VĂN SAN	43.06.07	10/10/2000	Kinh	Phú Thọ	Nam	Ngữ văn	13.50	Ba	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
30	TRẦN THỊ CẨM TÚ	43.06.08	12/03/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
31	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	43.07.01	19/07/1999	Kinh	Hà Tây	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
32	NGUYỄN LÊ HOÀNG LAM	43.07.02	17/02/2000	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
33	LƯƠNG THÙY LINH	43.07.03	05/01/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

43-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
34	NGUYỄN KHÁNH LINH	43.07.04	20/08/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
35	NGUYỄN NGỌC SÁNG	43.07.05	26/10/1999	Kinh	Thành phố	Nam	Lịch sử	16.50	Nhì	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
36	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	43.07.06	21/03/2000	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Lịch sử	15.25	Nhì	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
37	LÊ KIỀU TRANG	43.07.07	10/10/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Lịch sử	17.00	Nhất	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
38	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	43.07.08	30/01/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Lịch sử	16.75	Nhì	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
39	DƯƠNG VŨ HỒNG ANH	43.08.01	14/10/2000	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
40	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	43.08.02	27/08/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
41	NGUYỄN THỊ THANH HIẾU	43.08.04	07/05/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
42	NGUYỄN BÍCH NGỌC	43.08.05	16/03/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
43	ĐINH HỮU THỌ	43.08.06	23/09/1999	Mường	Phú Thọ	Nam	Địa lí	13.75	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
44	TRỊNH KIỀU TRANG	43.08.07	15/10/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

43-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
45	TRẦN TUẤN VŨ	43.08.08	03/04/2000	Kinh	Phú Thọ	Nam	Địa lí	14.50	Ba	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
46	LÊ DUY HIỂN	43.09.02	03/11/2000	Kinh	Phú Thọ	Nam	Tiếng Anh	14.75	Ba	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
47	HOÀNG THU HƯƠNG	43.09.03	17/05/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Tiếng Anh	15.50	Ba	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
48	NGUYỄN LÊ THÙY LINH	43.09.04	11/04/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Tiếng Anh	16.00	Nhì	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
49	ĐẶNG THỊ TỐ NGA	43.09.05	24/03/2000	Kinh	Liên Bang Nga	Nữ	Tiếng Anh	14.95	Ba	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
50	NGUYỄN ÁNH NGỌC	43.09.06	13/09/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Tiếng Anh	15.90	Nhì	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
51	HOÀNG LINH TRANG	43.09.07	17/03/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Tiếng Anh	15.05	Ba	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
52	NGUYỄN PHƯƠNG TRINH	43.09.08	08/09/2000	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Tiếng Anh	15.55	Nhì	11	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
53	PHẠM THỊ MINH HÒA	43.11.02	28/05/1999	Kinh	Phú Thọ	Nữ	Tiếng Pháp	14.60	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Hùng Vương

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

43-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 53 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

44-TỈNH PHÚ YÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN HƯNG QUANG KHẢI	44.01.03	06/12/2000	Kinh	Phú Yên	Nam	Toán	18.00	Ba	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
2	LÊ THÀNH LÂM	44.01.04	15/12/2000	Kinh	Phú Yên	Nam	Toán	14.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
3	TRƯƠNG CÔNG TÂY	44.02.06	16/04/1999	Kinh	Phú Yên	Nam	Vật lí	19.90	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
4	ĐẶNG NGỌC THIỆN	44.03.06	26/03/2000	Kinh	Phú Yên	Nam	Hoá học	27.75	Nhì	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
5	KIỀU NHẬT PHƯƠNG	44.03.05	02/03/1999	Kinh	Phú Yên	Nam	Hoá học	21.75	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
6	NGUYỄN LÊ THẢO VI	44.06.05	20/03/1999	Kinh	Phú Yên	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
7	LÊ DUY BẢO	44.06.01	24/03/1999	Kinh	Phú Yên	Nam	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT Nguyễn Huệ
8	NGUYỄN THỊ HỒNG THIỆN	44.06.04	22/10/2000	Kinh	Phú Yên	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh
9	LƯU HUỲNH XUÂN VY	44.06.06	04/03/1999	Kinh	Phú Yên	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
10	DƯƠNG THẨM QUỲNH NHƯ	44.07.04	10/02/1999	Kinh	Phú Yên	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
11	VÕ THỊ KIM THOA	44.07.05	20/06/1999	Kinh	Phú Yên	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT Phan Chu Trinh
12	NGUYỄN ĐẶNG QUANG HUY	44.09.03	12/10/1999	Kinh	Phú Yên	Nam	Tiếng Anh	13.85	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

44-TỈNH PHÚ YÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
13	TRẦN BẢO BẢO	44.09.01	24/05/1999	Kinh	Phú Yên	Nữ	Tiếng Anh	14.30	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
14	LÂM TIÊN KHẢI	44.09.04	13/12/1999	Kinh	Phú Yên	Nam	Tiếng Anh	14.20	K.Khích	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh
15	NGUYỄN HOÀNG NHI	44.09.05	08/01/2000	Kinh	Phú Yên	Nữ	Tiếng Anh	14.05	K.Khích	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh

Danh sách này gồm 15 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

45-TỈNH QUẢNG BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN THANH NHÃ	45.01.04	29/03/1999	Kinh	Quảng Bình	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
2	BÙI VĂN TUẤN	45.01.05	13/07/1999	Kinh	Quảng Bình	Nam	Toán	22.50	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
3	BÙI QUANG DŨNG	45.01.01	18/09/1999	Kinh	Quảng Bình	Nam	Toán	21.50	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
4	TRẦN KHÁNH LINH	45.01.02	10/01/1999	Kinh	Quảng Bình	Nam	Toán	22.50	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
5	HOÀNG NHẬT TUẤN	45.01.06	12/09/2000	Kinh	Quảng Bình	Nam	Toán	20.50	Ba	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
6	LÊ HOÀNG LONG	45.01.03	30/10/2000	Kinh	Quảng Bình	Nam	Toán	18.00	Ba	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
7	ĐẶNG KHÁNH PHƯƠNG	45.02.03	02/02/1999	Kinh	Quảng Bình	Nam	Vật lí	26.00	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
8	NGUYỄN THANH THỊNH	45.02.05	07/07/1999	Kinh	Quảng Bình	Nam	Vật lí	22.35	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
9	NGUYỄN TUẤN KIẾT	45.02.01	28/08/2000	Kinh	Quảng Bình	Nam	Vật lí	19.85	K.Khích	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
10	NGUYỄN THẾ QUỲNH	45.02.04	10/11/1999	Kinh	Quảng Bình	Nam	Vật lí	33.95	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
11	ĐẶNG NGỌC TUẤN	45.03.06	04/05/1999	Kinh	Quảng Bình	Nam	Hoá học	24.90	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

45-TỈNH QUẢNG BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	ĐÀO HỮU TRƯỜNG AN	45.04.01	05/09/1999	Kinh	Quảng Bình	Nam	Sinh học	26.95	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
13	HẦU HẢI PHONG	45.04.06	26/03/1999	Kinh	Quảng Bình	Nam	Sinh học	33.55	Nhất	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
14	LÊ THANH LOAN	45.04.04	17/10/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Sinh học	26.70	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
15	NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG	45.04.03	05/05/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Sinh học	26.20	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
16	NGUYỄN HOÀNG HIẾU MAI	45.04.05	20/08/2000	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Sinh học	23.20	K.Khích	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
17	LƯƠNG DIỆU HƯƠNG	45.06.03	01/01/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
18	PHẠM THỊ THUỶ LINH	45.06.04	26/06/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
19	LÊ THỊ THANH HOA	45.06.02	22/10/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
20	NGUYỄN THỊ MAI NGỌC	45.06.06	04/01/2000	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
21	PHẠM NGỌC THUỶ DUNG	45.06.01	11/05/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
22	PHÙNG TRUNG HIẾU	45.07.02	01/02/1999	Kinh	Quảng Bình	Nam	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

45-TỈNH QUẢNG BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	PHẠM THỊ CẨM	NHUNG	45.07.06	31/07/2000	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Lịch sử	14.75	Nhì	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
24	NGUYỄN LINH	NHI	45.07.05	21/11/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
25	PHẠM THỊ HỒNG	NGỌC	45.07.04	02/03/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
26	HOÀNG THỊ MỸ	HẠNH	45.07.01	06/11/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
27	LÊ ĐOÀN KIỀU	TRINH	45.07.08	21/11/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
28	PHẠM THỊ HÀ	VI	45.08.08	11/02/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT Lệ Thủy
29	TRẦN THỊ KIM	ANH	45.08.02	20/01/2000	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
30	TRẦN THUÝ	QUYÊN	45.08.06	26/12/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Địa lí	15.25	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
31	HÀ THỊ PHƯƠNG	LAN	45.08.04	05/02/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
32	ĐẶNG MINH	QUÂN	45.08.05	03/08/1999	Kinh	Quảng Bình	Nam	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
33	HOÀNG THỊ NHƯ	QUỲNH	45.08.07	19/11/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Địa lí	18.00	Nhất	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
34	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	45.08.01	28/03/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Địa lí	16.50	Nhì	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

45-TỈNH QUẢNG BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
											Giáp
35	PHẠM THỊ THU HÀ	45.08.03	24/09/2000	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Địa lí	15.75	Ba	11	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
36	LÊ PHÙNG ĐAN THANH	45.09.03	15/08/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Tiếng Anh	14.05	K.Khích	12	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp

Danh sách này gồm 36 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

46-TỈNH QUẢNG NAM

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRƯƠNG NHẬT NGUYÊN BẢO	46.01.01	23/01/2000	Kinh	Quảng Nam	Nam	Toán	17.50	Ba	11	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
2	TRƯƠNG CÔNG CƯỜNG	46.01.03	20/11/1999	Kinh	Quảng Nam	Nam	Toán	24.50	Nhì	12	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
3	NGUYỄN LÊ ANH NGUYÊN	46.01.04	22/10/2000	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Toán	15.00	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên Lê Thánh Tông
4	LÊ TẤN ĐĂNG TÂM	46.01.06	12/11/1999	Kinh	Quảng Nam	Nam	Toán	14.00	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Lê Thánh Tông
5	VÕ THỜI NAY	46.02.03	10/07/1999	Kinh	Quảng Nam	Nam	Vật lí	30.95	Nhì	12	Trường THPT Chuyên Lê Thánh Tông
6	NGUYỄN VĂN LINH	46.02.02	05/07/1999	Kinh	Quảng Nam	Nam	Vật lí	24.00	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
7	TRƯƠNG ĐÌNH THỊNH	46.02.05	26/06/1999	Kinh	Quảng Nam	Nam	Vật lí	24.30	Ba	12	Trường THPT Chuyên Lê Thánh Tông
8	LÊ LẠI HOÀNG SƠN	46.03.03	27/01/2000	Kinh	Quảng Nam	Nam	Hoá học	22.55	Ba	11	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
9	ĐÀO QUỐC MẠNH	46.03.02	24/02/1999	Kinh	Quảng Nam	Nam	Hoá học	24.55	Ba	12	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
10	VÕ NHƯ ĐẠT	46.04.01	04/11/1999	Kinh	Quảng Nam	Nam	Sinh học	27.10	Ba	12	Trường THPT Chuyên Lê Thánh Tông
11	LÊ MINH KHÔI	46.04.03	26/09/2000	Kinh	Quảng Nam	Nam	Sinh học	23.70	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

46-TỈNH QUẢNG NAM

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	TRẦN LÊ QUẾ TRÂN	46.04.05	10/04/1999	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Sinh học	26.50	Ba	12	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
13	TRẦN VĂN TUẤN	46.04.06	01/01/2000	Kinh	Quảng Nam	Nam	Sinh học	22.75	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên Lê Thánh Tông
14	VĂN THỊ THẢO VY	46.06.06	08/12/2000	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	Trường THPT Chuyên Lê Thánh Tông
15	VÔ THỊ THÚY QUỲNH	46.06.02	15/12/1999	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
16	LÊ LAM TUYỀN	46.07.07	11/07/1999	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
17	VÔ ĐÌNH TIẾN	46.07.06	12/03/1999	Kinh	Quảng Nam	Nam	Lịch sử	16.25	Nhì	12	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
18	TRƯƠNG THU GIANG	46.07.01	28/10/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Lịch sử	15.25	Nhì	12	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
19	NGUYỄN THỊ HỒNG THẢO	46.07.04	26/11/1999	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
20	NGUYỄN THỊ KIM NHUNG	46.07.02	21/10/1999	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Lê Thánh Tông
21	TRƯƠNG THỊ THƯƠNG	46.07.05	06/06/2000	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Lịch sử	14.75	Nhì	11	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
22	NGUYỄN THỊ NHUNG	46.07.03	26/01/1999	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

46-TỈNH QUẢNG NAM

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	CAO THỊ KIM VUI	46.08.06	05/04/2000	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
24	MAI THỦY TIỀN	46.08.04	07/01/1999	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Lê Thánh Tông
25	TRƯƠNG THỊ HỒNG NHỊ	46.08.02	01/05/2000	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	11	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
26	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	46.08.01	03/05/2000	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
27	NGÔ THỊ TIẾP	46.08.05	07/01/1999	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Địa lí	15.25	Ba	12	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
28	ĐỖ THỊ Á TIỀN	46.08.03	09/09/1999	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	12	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
29	VÕ THÁI THU GIANG	46.09.03	22/10/1999	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Tiếng Anh	15.00	Ba	12	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
30	VÕ THÁI KỲ GIANG	46.09.02	22/10/1999	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Tiếng Anh	14.35	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
31	LÊ NGUYỄN TƯỜNG LAM	46.09.04	15/10/2000	Kinh	Quảng Nam	Nữ	Tiếng Anh	14.85	Ba	11	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

46-TỈNH QUẢNG NAM

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 31 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

47-TỈNH QUẢNG NGÃI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	ĐOÀN CAO	KHẢ	47.01.02	09/09/1999	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Toán	23.50	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Khiết
2	LÊ NGUYỄN TRƯỜNG	PHƯỚC	47.01.04	14/08/1999	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Khiết
3	PHAN ĐÌNH	KHA	47.01.01	01/03/2000	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Toán	14.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Khiết
4	HỒ VĂN	DUY	47.02.01	14/11/1999	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Vật lí	21.20	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Khiết
5	DƯƠNG CHÍ	CƯỜNG	47.03.02	14/08/1999	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Hoá học	22.85	Ba	12	THPT Chuyên Lê Khiết
6	VÕ PHẠM NGUYỄN	HUNG	47.03.03	17/05/1999	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Hoá học	25.15	Ba	12	THPT Chuyên Lê Khiết
7	NGUYỄN ĐÌNH	KHẢI	47.05.03	15/08/1999	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Tin học	18.40	Ba	12	THPT Chuyên Lê Khiết
8	LÊ HOÀNG	VŨ	47.05.06	11/07/1999	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Tin học	21.35	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Khiết
9	LƯƠNG HOÀNG THẢO	MY	47.06.02	28/10/1999	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Khiết
10	ĐOÀN THÙY MINH	NGUYỆT	47.06.03	10/02/1999	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Lê Khiết
11	NGUYỄN VĂN	ÂN	47.07.01	20/08/1999	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Lê Khiết
12	PHAN THỊ MINH	NGUYỄN	47.07.05	04/10/1999	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Khiết
13	PHẠM THANH	TRÚC	47.07.06	23/11/2000	Kinh	Đăk Lăk	Nam	Lịch sử	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Khiết
14	TRẦN BÙI ANH	TUẤN	47.08.06	16/10/1999	Kinh	Quảng Ngãi	Nam	Địa lí	15.25	Ba	12	THPT Chuyên Lê Khiết
15	NGUYỄN ĐẶNG TRÀ	MY	47.08.01	17/11/2000	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	11	THPT Chuyên Lê Khiết
16	PHẠM THỊ KIM	PHUỘNG	47.08.03	20/08/2000	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Khiết
17	TẠ THỊ MỸ	THANH	47.08.04	24/05/2000	Kinh	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Khiết
18	NGUYỄN THU	THẨM	47.08.05	25/07/2000	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	11	THPT Chuyên Lê Khiết

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

47-TỈNH QUẢNG NGÃI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	TRẦN ĐỨC HÒA	47.09.02	11/04/1999	Kinh	Quảng Nam	Nam	Tiếng Anh	15.00	Ba	12	THPT Chuyên Lê Khiết
20	NGUYỄN THẢO UYÊN	47.09.05	24/07/1999	Kinh	Quảng Ngãi	Nữ	Tiếng Anh	14.35	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Khiết

Danh sách này gồm 20 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

48-TỈNH QUẢNG NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRỊNH MINH	NHẬT	48.01.05	03/12/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
2	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	48.01.03	10/12/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Toán	25.50	Nhì	11	Chuyên Hạ Long
3	HOÀNG HUY	PHAN	48.01.06	26/11/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Toán	15.50	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
4	TRẦN HOÀNG	ANH	48.01.01	05/03/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Toán	22.00	Ba	12	Chuyên Hạ Long
5	NGUYỄN TIẾN	MẠNH	48.01.04	20/08/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Toán	16.50	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
6	LÊ BÙI MINH	CHIẾN	48.01.02	15/11/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
7	VŨ MINH	TUẤN	48.01.08	23/09/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
8	TRẦN LƯU THÁI	PHONG	48.01.07	07/08/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Toán	17.50	Ba	12	Chuyên Hạ Long
9	LÊ KỲ	NAM	48.02.07	18/11/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Vật lí	33.90	Nhì	11	Chuyên Hạ Long
10	ĐỖ HOÀNG	AN	48.02.01	18/01/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Vật lí	27.60	Ba	12	Chuyên Hạ Long
11	PHẠM MINH	CHIẾN	48.02.03	15/11/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Vật lí	31.45	Nhì	12	Chuyên Hạ Long
12	VƯƠNG HOÀNG	ANH	48.02.02	25/11/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Vật lí	21.50	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
13	HOÀNG TRUNG	HIẾU	48.03.04	04/11/1999	Kinh	Hải Dương	Nam	Hoá học	24.25	Ba	12	Chuyên Hạ Long
14	ÂN THỊ THUỶ	NGÂN	48.03.06	10/11/1999	Sán Diu	Quảng Ninh	Nữ	Hoá học	23.25	Ba	12	Chuyên Hạ Long
15	NGUYỄN VIỆT	HUNG	48.03.05	07/08/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Hoá học	25.55	Nhì	12	Chuyên Hạ Long
16	VŨ THÙY	TRANG	48.03.07	20/08/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Hoá học	21.90	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
17	ĐOÀN HOÀNG	VIỆT	48.03.08	18/09/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Hoá học	25.15	Ba	11	Chuyên Hạ Long
18	NGUYỄN DUY	ĐẠT	48.03.03	14/09/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Hoá học	21.65	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

48-TỈNH QUẢNG NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	ĐINH NGUYỄN	ANH	48.03.01	03/04/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Hoá học	27.65	Nhì	12	Chuyên Hạ Long
20	NGUYỄN THỊ NGÂN	ANH	48.03.02	27/05/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Hoá học	23.20	Ba	12	Chuyên Hạ Long
21	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	ANH	48.04.01	16/06/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Sinh học	25.90	Ba	12	Chuyên Hạ Long
22	PHẠM THỦY	SƠN	48.04.05	06/06/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Sinh học	24.60	K.Khích	11	Cẩm Phả
23	NGUYỄN VÂN	PHÚC	48.04.04	19/12/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Sinh học	22.70	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
24	NGUYỄN HUY	THUẬN	48.04.06	20/10/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Sinh học	22.65	K.Khích	11	Cẩm Phả
25	VƯƠNG NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	48.04.08	08/12/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Sinh học	23.15	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
26	NGUYỄN THỊ THU	TRÀ	48.04.07	08/07/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Sinh học	24.05	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
27	DƯƠNG MẠNH	ĐỨC	48.05.03	16/06/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tin học	21.60	Nhì	12	Chuyên Hạ Long
28	HOÀNG TUẤN	HUY	48.05.07	27/12/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tin học	16.85	Ba	11	Chuyên Hạ Long
29	NGUYỄN THANH	ĐỨC	48.05.04	20/07/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tin học	19.93	Ba	12	Chuyên Hạ Long
30	TRẦN MINH	CÔNG	48.05.01	19/02/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tin học	13.75	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
31	PHẠM THANH	TÙNG	48.05.10	09/12/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tin học	15.93	Ba	12	Chuyên Hạ Long
32	NGÔ NAM	DƯƠNG	48.05.02	13/11/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tin học	16.55	Ba	11	Chuyên Hạ Long
33	PHẠM BẢO	THU	48.06.08	03/08/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	Chuyên Hạ Long
34	ĐÀO NGỌC KHÁNH	AN	48.06.01	10/10/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	Chuyên Hạ Long
35	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	48.06.02	10/02/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
36	BÙI ĐÀO QUỲNH	HƯƠNG	48.06.04	28/08/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	Chuyên Hạ Long

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

48-TỈNH QUẢNG NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	TRẦN THỊ THU	THẢO	48.06.06	17/02/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	Chuyên Hạ Long
38	VŨ HỒNG	LINH	48.07.06	12/03/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
39	PHẠM THỊ MỸ	LINH	48.07.05	12/12/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Lịch sử	17.50	Nhất	12	Chuyên Hạ Long
40	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	48.07.08	30/05/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
41	BÙI MAI	LINH	48.08.05	28/09/1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Địa lí	16.50	Nhì	12	Chuyên Hạ Long
42	VŨ ĐỨC	HIỀN	48.08.04	08/11/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Địa lí	17.50	Nhì	12	Chuyên Hạ Long
43	NGUYỄN THÚY	QUỲNH	48.08.08	10/02/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Địa lí	16.50	Nhì	12	Chuyên Hạ Long
44	HOÀNG VÂN	ANH	48.08.01	26/01/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Địa lí	16.50	Nhì	12	Chuyên Hạ Long
45	LÃ THỊ THU	HẰNG	48.08.03	19/01/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Địa lí	17.00	Nhì	11	Chuyên Hạ Long
46	HOÀNG VIỆT	CHINH	48.08.02	15/03/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
47	ĐÀO THỊ	VÂN	48.08.09	04/12/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long
48	BÙI HƯƠNG	MAI	48.09.05	18/10/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Anh	16.60	Nhất	12	Chuyên Hạ Long
49	ĐỖ THỊ NGỌC	THÚY	48.09.06	06/09/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Anh	14.95	Ba	12	Chuyên Hạ Long
50	PHẠM THỊ THU	HẰNG	48.09.03	12/12/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Anh	13.80	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
51	NGUYỄN MINH	HẰNG	48.09.02	16/11/2001	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Anh	14.80	Ba	10	Chuyên Hạ Long
52	TRƯƠNG THỊ	THỦY	48.09.07	02/06/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Anh	14.05	K.Khích	11	Chuyên Hạ Long
53	BÙI THỊ HẢI	ANH	48.09.01	04/06/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Anh	13.65	K.Khích	12	Hoàng Quốc Việt
54	VŨ THỊ THANH	XUÂN	48.11.06	04/06/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Pháp	16.85	Nhì	12	Hòn Gai

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

48-TỈNH QUẢNG NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
55	TẠ MAI	AN	48.11.01	11/02/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Pháp	15.30	Ba	12	Hòn Gai
56	PHẠM THU	HÀ	48.11.03	31/10/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Pháp	18.08	Nhất	12	Hòn Gai
57	LÊ THỊ NGỌC	LINH	48.11.04	12/06/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Pháp	16.35	Nhì	12	Hòn Gai
58	TỪ QUANG	TÙNG	48.11.05	10/08/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Tiếng Pháp	15.48	Ba	12	Hòn Gai
59	BÙI THU	TRANG	48.12.06	23/09/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Tiếng Trung	15.00	K.Khích	12	Chuyên Hạ Long

Danh sách này gồm 59 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

49-TỈNH QUẢNG TRỊ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	49.01.04	10/04/2000	Kinh	Bệnh viện tỉnh	Nam	Toán	21.50	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
2	NGUYỄN VĂN HOÀNG	49.03.02	06/02/1999	Kinh	Gio Linh -	Nam	Hoá học	25.75	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
3	NGUYỄN ĐÌNH SÁNG	49.03.04	20/07/2000	Kinh	Gio Linh -	Nam	Hoá học	25.80	Nhì	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
4	NGUYỄN HỮU HIẾU	49.05.02	07/01/2000	Kinh	Hướng Hóa -	Nam	Tin học	12.35	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
5	NGUYỄN HỮU PHONG	49.05.04	14/01/1999	Kinh	Triệu Phong -	Nam	Tin học	19.35	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
6	NGUYỄN E RÔ	49.05.05	19/05/2000	Kinh	Hải Lăng,	Nam	Tin học	18.80	Ba	11	THPT Hải Lăng
7	TRẦN KHÁNH HÀ	49.06.01	25/01/1999	Kinh	Đông Hà -	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
8	NGUYỄN TƯỜNG LANH	49.06.02	17/09/1999	Kinh	Gio Linh -	Nam	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
9	PHẠM LÂM PHƯƠNG QUỲNH	49.06.04	02/01/1999	Kinh	Hướng Hóa -	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
10	LÊ VĂN ĐỨC	49.07.02	25/08/1999	Kinh	Gio Linh,	Nam	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT Đakrông
11	PHAN MINH PHU	49.08.05	26/08/1999	Kinh	Cam Lộ -	Nam	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
12	ĐẶNG QUỲNH GIAO	49.09.01	01/12/1999	Kinh	Bệnh viện khu	Nữ	Tiếng Anh	14.95	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
13	TRẦN LÊ ANH QUÂN	49.09.04	06/01/1999	Kinh	Bệnh viện tỉnh	Nam	Tiếng Anh	13.75	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
14	HỒ THU THỦY	49.09.06	18/03/2000	Kinh	Bệnh viện ĐK	Nữ	Tiếng Anh	15.50	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

49-TỈNH QUẢNG TRỊ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 14 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

50-TỈNH SÓC TRĂNG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRỊNH ÍCH MINH	50.04.04	15/11/1999	Hoa	Sóc Trăng	Nam	Sinh học	23.95	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
2	PHẠM HOÀNG NHẬT ANH	50.05.01	27/07/1999	Kinh	Cần Thơ	Nam	Tin học	17.50	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
3	PHẠM DƯƠNG HOÀNG KHẢI	50.07.04	13/09/2000	Kinh	Sóc Trăng	Nam	Lịch sử	13.50	K.Khích	11	THPT An Lạc Thôn

Danh sách này gồm 3 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

51-TỈNH SƠN LA

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÃ THỊ HÀ THU	51.06.03	04/10/1999	Kinh	Mai Sơn - Sơn	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên
2	TRẦN THẢO ANH	51.06.01	17/10/1999	Kinh	Mường La - Sơn	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên
3	NGÔ DIỆU LINH	51.06.02	27/10/2000	Kinh	Thị xã Sơn La,	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT Chuyên
4	TRẦN HUYỀN TRANG	51.06.05	14/07/1999	Kinh	Thị xã Sơn La,	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên
5	VŨ THỊ THƯƠNG	51.07.04	16/07/1999	Kinh	Mai Sơn - Sơn	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên
6	QUÁCH XUÂN TRƯỜNG	51.07.06	29/11/2000	Kinh	Thị xã Sơn La,	Nam	Lịch sử	14.50	Ba	11	THPT Chuyên
7	HÀ THỊ BÌNH DƯƠNG	51.07.02	18/07/1999	Thái	Mai Sơn - Sơn	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên
8	QUÀNG THỊ TRANG	51.07.05	01/08/1999	Thái	Thị xã Sơn La,	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	12	THPT Chuyên

Danh sách này gồm 8 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017
CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

52-TỈNH TÂY NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN HÀ NHẤT PHƯƠNG	52.01.05	27/10/2000	Kinh	Tây Ninh	Nam	Toán	15.00	K.Khích	11	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
2	LÊ THÀNH ĐẠT	52.01.02	11/09/1999	Kinh	Tây Ninh	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
3	THÁI PHÁT TRIỂN	52.02.06	01/10/1999	Kinh	Tây Ninh	Nam	Vật lí	24.25	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
4	PHAN THANH NHÃ	52.02.04	17/01/2000	Kinh	Tiền Giang	Nam	Vật lí	22.15	K.Khích	11	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
5	ĐỖ THÀNH CÔNG	52.03.01	13/05/1999	Kinh	Tây Ninh	Nam	Hoá học	22.80	Ba	12	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
6	TRẦN VƯƠNG GIAO QUỲNH	52.06.05	24/01/1999	Kinh	Tây Ninh	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
7	NGUYỄN THỊ DUYÊN	52.06.02	28/02/1999	Kinh	Tây Ninh	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
8	NGUYỄN LÊ NHƯ QUỲNH	52.07.05	12/07/2000	Kinh	Tây Ninh	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	11	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
9	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	52.07.06	02/01/1999	Kinh	Tây Ninh	Nữ	Lịch sử	13.25	K.Khích	12	THPT Tây Ninh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

52-TỈNH TÂY NINH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 9 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

53-TỈNH THÁI BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	VŨ ĐÌNH	CƯỜNG	53.01.01	25/03/1999	Kinh	Thái Bình	Nam	Toán	19.00	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
2	ĐOÀN NHẬT	DƯƠNG	53.01.02	26/02/1999	Kinh	Thái Bình	Nam	Toán	16.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
3	HÀ THỊ LINH	GIANG	53.01.03	09/08/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Toán	21.00	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
4	ĐOÀN NGỌC	PHÚ	53.01.06	18/01/2000	Kinh	Thái Bình	Nam	Toán	15.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Bình
5	NGUYỄN ĐỨC	DIN	53.02.01	14/06/1999	Kinh	Thái Bình	Nam	Vật lí	27.50	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
6	ĐỖ TIẾN	DŨNG	53.02.02	19/07/1999	Kinh	Thái Bình	Nam	Vật lí	33.80	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Bình
7	MAI TÙNG	DƯƠNG	53.02.03	27/02/1999	Kinh	Thái Bình	Nam	Vật lí	26.55	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
8	PHÍ MINH	HẢI	53.02.04	28/05/1999	Kinh	Thái Bình	Nam	Vật lí	19.45	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
9	PHẠM HÙNG	MẠNH	53.02.05	22/11/2000	Kinh	Thái Bình	Nam	Vật lí	21.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Bình
10	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	53.02.06	16/09/1999	Kinh	Thái Bình	Nam	Vật lí	19.70	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
11	DƯƠNG VĂN	DŨNG	53.03.02	01/04/1999	Kinh	Thái Bình	Nam	Hoá học	26.75	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Bình
12	VŨ TIẾN	HÙNG	53.03.03	05/08/1999	Kinh	Thái Bình	Nam	Hoá học	25.00	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
13	TRƯƠNG ĐỨC	HỮU	53.03.04	18/09/1999	Kinh	Thái Bình	Nam	Hoá học	22.95	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
14	DOÃN THỊ THANH	PHƯƠNG	53.03.05	12/09/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Hoá học	20.90	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
15	NGUYỄN THỊ	SÁU	53.04.07	01/02/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Sinh học	22.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
16	HÀ THÚY	VÂN	53.04.10	01/09/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Sinh học	22.45	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
17	PHẠM THỊ	GIANG	53.06.01	02/10/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
18	ĐẶNG THỊ NGỌC	HUYỀN	53.06.02	19/03/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

53-TỈNH THÁI BÌNH

SỐ TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LY	53.06.03	30/01/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
20	VŨ THỊ THẢO	53.06.05	31/07/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
21	PHÍ THỊ HÀ	53.06.06	19/10/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
22	PHẠM THỊ HẢI YẾN	53.06.08	28/08/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
23	PHẠM NAM HẢI	53.07.03	31/08/1999	Kinh	Thái Bình	Nam	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
24	NGUYỄN CHÍ THÀNH	53.07.05	31/05/1999	Kinh	Thái Bình	Nam	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
25	THÁI DIỆU THU	53.07.06	17/08/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
26	LẠI THỊ THỦY	53.07.07	28/12/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
27	ĐÀO THỊ NGỌC ANH	53.08.01	15/10/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Địa lí	18.00	Nhất	12	THPT Chuyên Thái Bình
28	NGUYỄN THẾ HUY	53.08.02	29/10/1999	Kinh	Thái Bình	Nam	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
29	NGUYỄN VÂN KHANH	53.08.04	04/09/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
30	BÙI THỊ LỰA	53.08.05	08/01/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Địa lí	15.50	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
31	PHẠM NGỌC MAI	53.08.06	09/08/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Địa lí	15.50	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
32	VŨ DUY PHÚ	53.08.07	10/11/2000	Kinh	Thái Bình	Nam	Địa lí	14.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Bình
33	TRẦN THỊ YẾN	53.08.08	06/09/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Địa lí	16.50	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Bình
34	LÊ ĐỨC ĐÀM	53.09.02	27/05/1999	Kinh	Nga	Nam	Tiếng Anh	13.95	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình
35	MAI THỊ THANH HƯƠNG	53.09.03	22/12/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Tiếng Anh	15.10	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình
36	HOÀNG KHÁNH LINH	53.09.04	24/04/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Tiếng Anh	14.80	Ba	12	THPT Chuyên Thái Bình

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

53-TỈNH THÁI BÌNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	NGUYỄN HOÀNG LONG	53.09.05	07/11/1999	Kinh	Thái Bình	Nam	Tiếng Anh	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Bình

Danh sách này gồm 37 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

54-TỈNH THÁI NGUYÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN THANH	BÌNH	54.02.01	21/09/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Vật lí	25.75	Ba	12	THPT Chuyên
2	NGUYỄN TẤN	HOÀ	54.02.02	23/06/1999	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	19.50	K.Khích	12	THPT Chuyên
3	TRẦN QUANG	LINH	54.02.03	29/05/2000	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Vật lí	23.30	K.Khích	11	THPT Chuyên
4	LÊ ĐỨC	LỘC	54.02.04	23/12/2000	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Vật lí	25.55	Ba	11	THPT Chuyên
5	NGUYỄN MINH	HIẾU	54.03.04	05/01/2000	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Hoá học	18.95	K.Khích	11	THPT Chuyên
6	LÊ PHƯƠNG	THẢO	54.03.07	24/05/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Hoá học	21.10	K.Khích	12	THPT Chuyên
7	ĐẶNG QUỐC	VŨ	54.03.08	17/08/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Hoá học	18.35	K.Khích	12	THPT Chuyên
8	LÊ THỊ HUỆ	CHI	54.04.01	27/04/1999	Nùng	Thái Nguyên	Nữ	Sinh học	28.90	Nhì	12	THPT Chuyên
9	DƯƠNG VĂN	DŨNG	54.04.03	25/06/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Sinh học	29.25	Nhì	12	THPT Chuyên
10	LÊ HÀ QUỐC	DŨNG	54.04.04	22/06/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Sinh học	31.75	Nhì	12	THPT Chuyên
11	HÒA HỒNG	PHÚC	54.04.08	14/04/1999	Nùng	Thái Nguyên	Nữ	Sinh học	24.40	K.Khích	12	THPT Chuyên
12	HÀ THỊ MINH	TÂM	54.04.09	24/02/2000	Tày	Thái Nguyên	Nữ	Sinh học	26.70	Ba	11	THPT Chuyên
13	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	54.04.10	09/04/2000	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Sinh học	23.80	K.Khích	11	THPT Chuyên
14	PHẠM TRUNG	KIÊN	54.05.03	11/09/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Tin học	22.60	Nhì	12	THPT Chuyên
15	LÊ VIỆT	THÀNH	54.05.05	18/04/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Tin học	12.00	K.Khích	12	THPT Chuyên
16	VŨ THÙY	DƯƠNG	54.06.01	26/11/2000	Tày	Thái Nguyên	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	11	THPT Chuyên
17	VŨ THỊ MỸ	HẠNH	54.06.02	27/09/2000	Tày	Thái Nguyên	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT Chuyên
18	NGUYỄN THỊ	HOA	54.06.03	04/08/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

54-TỈNH THÁI NGUYÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	PHẠM NGUYỄN HÀ LY	54.06.04	17/04/2000	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	11	THPT Chuyên
20	NGÔ THU THẢO	54.06.05	27/03/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên
21	TRẦN THANH THỦY	54.06.06	10/06/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên
22	PHẠM THỊ HỒNG TRÀ	54.06.07	12/11/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên
23	NGÔ TUẤN ANH	54.07.02	06/04/2000	Kinh	Bắc Giang	Nam	Lịch sử	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên
24	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	54.07.03	25/01/1999	Tây	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	12	THPT Chuyên
25	TRẦN VŨ THU HOÀI	54.07.04	06/08/2000	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	12.75	K.Khích	11	THPT Chuyên
26	HOÀNG THUỶ LINH	54.07.06	20/07/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	15.75	Nhì	12	THPT Chuyên
27	NGUYỄN THỊ NGUYỆT LINH	54.07.07	08/11/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	12	THPT Chuyên
28	NGUYỄN THỊ THUỶ NGÂN	54.07.08	05/02/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên
29	NGUYỄN HOÀNG LINH TRANG	54.07.09	08/09/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên
30	NGUYỄN THU TRANG	54.07.10	03/09/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên
31	PHẠM VĂN HIẾU	54.08.02	04/10/1999	Kinh	Bắc Giang	Nam	Địa lí	14.50	Ba	12	THPT Chuyên
32	NGUYỄN KIỀU TRINH	54.08.06	07/09/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên
33	TRẦN THỊ THU UYÊN	54.08.07	21/02/2000	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	11	THPT Chuyên
34	LÊ HỒNG ĐĂNG	54.09.02	18/11/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Tiếng Anh	14.40	K.Khích	12	THPT Chuyên
35	NGUYỄN TUẤN HƯNG	54.09.04	24/06/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Tiếng Anh	15.00	Ba	12	THPT Chuyên
36	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	54.09.05	13/04/2000	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Anh	14.15	K.Khích	11	THPT Chuyên

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

54-TỈNH THÁI NGUYÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	PHẠM KIM	NGÂN	54.09.06	29/07/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Anh	14.05	K.Khích	12	THPT Chuyên
38	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	54.10.01	13/07/1998	Kinh	Liên Bang Nga	Nữ	Tiếng Nga	16.00	K.Khích	12	THPT Chuyên
39	BÙI LINH	CHI	54.10.02	20/11/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Nga	17.80	Nhì	12	THPT Chuyên
40	CAO THỊ HỒNG	DUYÊN	54.10.03	13/04/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Nga	16.00	K.Khích	12	THPT Chuyên
41	TRẦN THỊ THẢO	HIỀN	54.10.04	23/11/2000	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Nga	16.10	Ba	11	THPT Chuyên
42	PHẠM THỊ THANH	THUẬN	54.10.07	23/06/2000	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Nga	17.40	Nhì	11	THPT Chuyên
43	NGÔ LÂM	ANH	54.11.01	03/11/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Pháp	16.05	Nhì	12	THPT Chuyên
44	NGUYỄN LÊ	MINH	54.11.04	22/07/2000	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Tiếng Pháp	14.55	K.Khích	11	THPT Chuyên
45	VŨ HẢI	NGÂN	54.11.05	25/04/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nữ	Tiếng Pháp	14.50	K.Khích	12	THPT Chuyên
46	PHẠM THÙY	CHI	54.12.01	26/10/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Trung	15.90	Ba	12	THPT Chuyên
47	PHAN THỊ KIM	NGÂN	54.12.04	20/09/1999	Tày	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Trung	14.85	K.Khích	12	THPT Chuyên
48	TRẦN ANH	PHƯƠNG	54.12.05	14/07/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Trung	15.10	K.Khích	12	THPT Chuyên
49	PHẠM THỊ THU	TRANG	54.12.06	14/04/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Tiếng Trung	14.80	K.Khích	12	THPT Chuyên

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

54-TỈNH THÁI NGUYÊN

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 49 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

55-TỈNH THANH HOÁ

SỐ TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÊ QUANG	DŨNG	55.01.03	01/10/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Toán	32.00	Nhất	12	THPT Chuyên Lam Sơn
2	ĐỖ ĐÌNH	ĐẮC	55.01.04	29/11/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Toán	17.50	Ba	12	THPT Chuyên Lam Sơn
3	VŨ DUY	MẠNH	55.01.07	13/11/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Toán	17.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lam Sơn
4	NGUYỄN TRẦN ĐỨC	TÀI	55.01.09	20/02/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Toán	15.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Lam Sơn
5	ĐỖ MINH	THẮNG	55.01.10	01/03/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Toán	21.00	Ba	12	THPT Chuyên Lam Sơn
6	LÊ CAO	ANH	55.02.01	23/02/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Vật lí	32.25	Nhì	11	THPT Chuyên Lam Sơn
7	LÊ NGỌC	ANH	55.02.02	26/02/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Vật lí	25.30	Ba	11	THPT Chuyên Lam Sơn
8	NGUYỄN NGỌC	LONG	55.02.06	07/10/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Vật lí	33.20	Nhì	11	THPT Chuyên Lam Sơn
9	NGUYỄN ĐÌNH	MINH	55.02.08	18/02/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Vật lí	35.20	Nhì	12	THPT Chuyên Lam Sơn
10	TRẦN QUỐC	TOẢN	55.02.09	03/09/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Vật lí	28.40	Ba	11	THPT Chuyên Lam Sơn
11	MAI ĐÌNH	TUẤN	55.02.10	23/06/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Vật lí	21.15	K.Khích	11	THPT Chuyên Lam Sơn
12	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	55.03.01	12/05/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Hoá học	25.65	Nhì	12	THPT Chuyên Lam Sơn
13	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	55.03.02	19/03/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Hoá học	28.65	Nhì	12	THPT Chuyên Lam Sơn
14	LÊ YẾN	NHI	55.03.05	14/03/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Hoá học	18.80	K.Khích	11	THPT Chuyên Lam Sơn
15	LÊ ANH	VĂN	55.03.07	12/10/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Hoá học	23.45	Ba	12	THPT Chuyên Lam Sơn
16	LÊ THÀNH	VINH	55.03.08	17/11/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Hoá học	24.20	Ba	12	THPT Chuyên Lam Sơn
17	DƯƠNG TIẾN QUANG	HUY	55.04.01	03/04/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Sinh học	31.35	Nhì	12	THPT Chuyên Lam Sơn
18	PHẠM VĂN	MINH	55.04.02	15/04/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Sinh học	27.10	Ba	12	THPT Chuyên Lam Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

55-TỈNH THANH HOÁ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	LÊ HÀ	PHƯƠNG	55.04.03	18/12/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Sinh học	28.60	Nhì	12	THPT Chuyên Lam Sơn
20	HOÀNG THÁI	SƠN	55.04.04	03/04/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Sinh học	26.10	Ba	11	THPT Chuyên Lam Sơn
21	HOÀNG KHẮC	TOÀN	55.04.05	29/02/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Sinh học	27.85	Ba	11	THPT Chuyên Lam Sơn
22	PHẠM ĐÌNH KHÁNH	TRANG	55.04.06	15/06/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Sinh học	24.85	K.Khích	12	THPT Chuyên Lam Sơn
23	LÊ BÁ	TÙNG	55.04.07	21/12/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Sinh học	27.10	Ba	12	THPT Chuyên Lam Sơn
24	LÊ HỒNG	VÂN	55.04.08	06/10/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Sinh học	28.10	Nhì	11	THPT Chuyên Lam Sơn
25	HOÀNG SĨ	KIÊN	55.05.02	16/06/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Tin học	13.68	K.Khích	11	THPT Chuyên Lam Sơn
26	HOÀNG BẢO	LONG	55.05.04	08/11/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Tin học	30.75	Nhất	12	THPT Chuyên Lam Sơn
27	TRỊNH HỮU GIA	PHÚC	55.05.05	13/01/2001	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Tin học	19.15	Ba	10	THPT Chuyên Lam Sơn
28	HOÀNG XUÂN	TRƯỜNG	55.05.06	27/03/1999	Nùng	Thanh Hoá	Nam	Tin học	23.20	Nhì	12	THPT Chuyên Lam Sơn
29	LÊ ĐỨC	TÙNG	55.05.07	31/08/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Tin học	23.00	Nhì	11	THPT Chuyên Lam Sơn
30	LÊ NGỌC	ANH	55.06.01	30/04/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Lam Sơn
31	ĐẶNG THỊ TRÀ	MY	55.06.04	01/10/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Lam Sơn
32	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	55.06.06	16/09/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Lam Sơn
33	NGUYỄN THỊ	TRANG	55.06.07	23/03/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Lam Sơn
34	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG	UYÊN	55.06.08	07/07/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Lam Sơn
35	LƯƠNG THỊ LAN	ANH	55.07.01	02/08/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	11	THPT Chuyên Lam Sơn
36	VĂN THỊ NGỌC	ÁNH	55.07.02	19/10/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Lam Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

55-TỈNH THANH HOÁ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	LÊ THỊ THẢO	55.07.07	21/06/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	11	THPT Chuyên Lam Sơn
38	NGUYỄN THỊ MINH THẢO	55.07.08	16/04/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	11	THPT Chuyên Lam Sơn
39	PHẠM HẢI ANH	55.08.01	11/09/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	11	THPT Chuyên Lam Sơn
40	NGUYỄN THỊ THU HÀ	55.08.02	16/12/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lam Sơn
41	NGUYỄN THỊ NGỌC HỒNG	55.08.03	09/09/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Địa lí	14.75	Ba	12	THPT Chuyên Lam Sơn
42	LÊ HUYỀN THU	55.08.05	29/11/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Lam Sơn
43	THÁI THỊ XUÂN THU	55.08.06	10/10/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lam Sơn
44	TRỊNH THU TRANG	55.08.08	26/10/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	11	THPT Chuyên Lam Sơn
45	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	55.09.01	12/04/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Tiếng Anh	14.05	K.Khích	12	THPT Chuyên Lam Sơn
46	HOÀNG HẢI DƯƠNG	55.09.02	17/03/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Tiếng Anh	13.65	K.Khích	12	THPT Bỉm Sơn
47	LÊ NGÂN HÀ	55.09.03	04/06/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Tiếng Anh	14.10	K.Khích	11	THPT Chuyên Lam Sơn
48	TỔNG NGUYỄN HÀ MY	55.09.06	25/06/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Tiếng Anh	15.40	Ba	12	THPT Chuyên Lam Sơn
49	LÊ BÁ NINH	55.09.07	20/02/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nam	Tiếng Anh	14.20	K.Khích	11	THPT Chuyên Lam Sơn
50	PHẠM THỊ THẢO	55.09.08	18/10/1999	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Tiếng Anh	14.30	K.Khích	12	THPT Chuyên Lam Sơn
51	PHẠM HUYỀN MINH	55.11.02	13/11/2000	Kinh	Thanh Hoá	Nữ	Tiếng Pháp	15.20	K.Khích	11	THPT Chuyên Lam Sơn

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

55-TỈNH THANH HOÁ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 51 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

56-TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN MINH HẢI	56.01.06	07/01/2000	Kinh	Quảng Bình	Nam	Toán	19.00	Ba	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
2	TỔNG NGỌC CHUNG	56.01.01	25/08/2000	Kinh	Quảng Bình	Nam	Toán	15.50	K.Khích	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
3	HUỶNH HỮU NHẬT	56.01.08	26/02/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Toán	16.00	K.Khích	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
4	HỒ ĐẮC THANH CHUÔNG	56.01.02	28/03/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Toán	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
5	ĐOÀN QUANG BẢO PHÚC	56.02.03	23/01/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Vật lí	30.50	Nhì	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
6	PHAN NHẬT TÂN	56.02.06	16/02/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Vật lí	33.55	Nhì	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
7	NGUYỄN HẢI VỸ	56.02.08	08/03/1999	Kinh	Quảng Trị	Nam	Vật lí	35.30	Nhất	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
8	LÊ NHƯ QUANG	56.02.04	13/01/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Vật lí	24.55	Ba	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
9	HUỶNH THIỆN TÀI	56.02.05	06/11/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Vật lí	26.60	Ba	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
10	LÊ QUỐC BẢO	56.02.01	11/03/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Vật lí	27.90	Ba	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
11	LƯƠNG QUANG DŨNG	56.02.02	10/08/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Vật lí	21.95	K.Khích	11	THPT chuyên Quốc Học Huế

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

56-TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	56.03.02	12/03/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Hoá học	25.70	Nhì	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
13	CAO HỮU	MINH	56.03.03	03/07/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Hoá học	22.15	K.Khích	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
14	VÕ NGỌC ANH	THU	56.03.06	28/07/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Hoá học	21.75	K.Khích	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
15	LÊ KỲ	ANH	56.03.01	07/03/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Hoá học	29.50	Nhì	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
16	TRẦN ĐỨC NGUYỄN	PHÚC	56.03.04	05/02/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Hoá học	21.50	K.Khích	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
17	TRƯƠNG ĐÔNG	HÙNG	56.04.04	10/11/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Sinh học	33.50	Nhất	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
18	PHẠM NGUYỄN TUYÊN	HOÀNG	56.04.03	09/03/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Sinh học	29.90	Nhì	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
19	TRƯƠNG TRẦN GIAO	LINH	56.04.06	25/02/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Sinh học	31.75	Nhì	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
20	NGUYỄN HOÀNG MINH	HIẾU	56.04.02	07/03/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Sinh học	27.10	Ba	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
21	NGUYỄN VĂN MINH	KHOA	56.04.05	01/11/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Sinh học	27.25	Ba	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
22	NGUYỄN KIỀU	OANH	56.04.07	28/10/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Sinh học	25.75	Ba	11	THPT chuyên Quốc Học Huế

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

56-TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG THẢO	56.04.08	21/06/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Sinh học	29.60	Nhì	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
24	TRẦN THỊ THANH XUÂN	56.04.10	07/02/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Sinh học	25.85	Ba	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
25	HOÀNG NGUYỄN NHẬT TRINH	56.04.09	12/02/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Sinh học	27.30	Ba	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
26	HỒ NGUYỄN HẢI TUẤN	56.05.06	08/11/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Tin học	20.95	Ba	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
27	ĐOÀN PHÚ ĐỨC	56.05.02	07/03/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Tin học	16.55	Ba	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
28	TRẦN HUNG QUỐC KHẢI	56.05.04	25/08/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Tin học	12.25	K.Khích	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
29	HOÀNG THỊ UYÊN THI	56.06.12	15/03/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
30	NGUYỄN HOÀNG ANH THU	56.06.13	20/10/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
31	HOÀNG THỊ MỸ PHƯỚC	56.06.11	18/05/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
32	NGUYỄN THỊ HOÀNG AN	56.06.01	07/08/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
33	HOÀNG THỊ THANH THỦY	56.07.07	24/01/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	11	THPT chuyên Quốc Học Huế

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

56-TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
34	NGUYỄN QUỐC HẢI HÙNG	56.07.02	31/07/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
35	NGUYỄN THỊ BẢO	56.08.01	10/08/1999	Kinh	Quảng Bình	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
36	TRẦN THỊ MINH TÂM	56.08.07	08/06/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Địa lí	15.50	Ba	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
37	NGUYỄN HUYỀN MINH THU	56.08.08	06/08/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
38	PHÙNG TRẦN HỒNG NHẬT	56.09.06	03/11/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Anh	16.20	Nhì	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
39	PHẠM NHƯ HUY	56.09.03	29/04/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Tiếng Anh	16.85	Nhất	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
40	LÊ ĐÌNH QUÝ TRÂN	56.09.09	23/05/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Anh	16.55	Nhì	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
41	TRẦN MINH CHÂU	56.09.01	17/08/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Anh	15.45	Ba	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
42	HUYỀN TÔN NỮ QUÝ TIỀN	56.09.08	27/05/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Anh	15.00	Ba	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
43	TRẦN NGUYỄN KHÁNH NGỌC	56.09.04	10/12/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Anh	16.05	Nhì	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
44	NGUYỄN ĐĂNG HƯƠNG NGUYỄN	56.09.05	02/07/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Anh	16.45	Nhì	12	THPT chuyên Quốc Học Huế

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

56-TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
45	LÊ DIỆU NGÂN HÀ	56.09.02	10/05/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Anh	14.65	Ba	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
46	NGUYỄN KHÁNH TRƯỜNG	56.09.10	05/12/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nam	Tiếng Anh	14.50	Ba	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
47	NGUYỄN ĐẶNG UYÊN NHI	56.09.07	13/05/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Anh	14.40	K.Khích	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
48	LÊ HỒNG HOÀI DIỆU	56.11.01	23/01/2001	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Pháp	14.60	K.Khích	10	THPT chuyên Quốc Học Huế
49	ĐỖ THỊ MỸ PHƯỚC	56.11.03	14/10/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Pháp	16.75	Nhì	11	THPT chuyên Quốc Học Huế
50	LƯƠNG QUỲNH TRÂN	56.11.04	15/01/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Tiếng Pháp	14.38	K.Khích	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
51	NGUYỄN THỊ CÁT TƯỜNG	56.11.05	13/07/1999	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Pháp	15.38	Ba	12	THPT chuyên Quốc Học Huế
52	NGUYỄN THỊ KIỀU VI	56.11.06	11/07/2000	Kinh	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tiếng Pháp	14.45	K.Khích	11	THPT chuyên Quốc Học Huế

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

56-TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 52 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

57-TỈNH TIỀN GIANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÊ BẢO	TRÂN	57.04.05	27.03.2000	Kinh	Tiền Giang	Nữ	Sinh học	26.35	Ba	11	Chuyên
2	DƯ THỊ THANH	THƯƠNG	57.06.06	14.12.1999	Kinh	Tiền Giang	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Chuyên
3	ĐẶNG MINH	KHANG	57.08.02	07.12.1999	Kinh	Tiền Giang	Nam	Địa lí	13.25	K.Khích	12	Thiên Hộ Dương
4	TRỊNH GIA	HÂN	57.09.03	29.07.1999	Kinh	Tiền Giang	Nữ	Tiếng Anh	14.80	Ba	12	Chuyên
5	THỊ THANH	THƠ	57.09.06	22.06.2000	Kinh	Tiền Giang	Nữ	Tiếng Anh	13.55	K.Khích	11	Chuyên

Danh sách này gồm 5 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

58-TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	BÙI MẠNH KHANG	58.01.02	11/05/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Toán	15.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
2	NGUYỄN DOÃN HOÀNG LÂM	58.01.03	21/08/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Toán	25.50	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
3	THÁI HOÀNG MINH	58.01.04	18/06/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Toán	16.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
4	ĐẶNG VŨ QUANG THỊNH	58.01.06	06/10/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Toán	22.00	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
5	TRƯƠNG QUÂN HÀO	58.02.03	08/12/2000	Hoa	TPHCM	Nam	Vật lí	22.25	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
6	PHẠM NGUYỄN HUÂN	58.02.05	10/02/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Vật lí	30.40	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
7	ĐINH CÔNG KHÁNH	58.02.06	07/10/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Vật lí	32.70	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
8	NGUYỄN MINH THIỆN	58.02.07	06/09/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Vật lí	30.55	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
9	NGUYỄN VIỆT DŨNG	58.02.02	04/05/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Vật lí	28.40	Ba	12	THPT Gia Định
10	TRẦN TIỂU BÌNH	58.02.01	13/01/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Vật lí	26.20	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
11	PHẠM NGUYỄN MINH THƯ	58.02.08	06/02/2000	Kinh	TPHCM	Nữ	Vật lí	23.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
12	VŨ TUẤN HUY	58.03.03	13/09/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Hoá học	26.85	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

58-TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
											Phong
13	NGUYỄN PHƯỚC BẢO HUY	58.03.02	28/09/2000	Kinh	TPHCM	Nam	Hoá học	24.80	Ba	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
14	LƯƠNG KỶ LINH	58.03.04	10/06/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Hoá học	26.10	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
15	HỒ PHƯỚC LỘC	58.03.05	21/10/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Hoá học	26.40	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
16	NGUYỄN MINH PHONG	58.03.08	17/09/2000	Kinh	TPHCM	Nam	Hoá học	22.80	Ba	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
17	LƯU QUAN SÂM	58.03.09	29/09/2000	Hoa	TPHCM	Nam	Hoá học	19.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
18	ĐÀO TIẾN PHÁT	58.03.06	05/03/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Hoá học	20.90	K.Khích	12	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
19	NGUYỄN BÙI TUẤN PHÁT	58.03.07	17/04/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Hoá học	24.40	Ba	12	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
20	DƯƠNG BẰNG VŨ	58.03.10	22/12/1999	Hoa	TPHCM	Nam	Hoá học	20.60	K.Khích	12	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
21	LÝ ĐỨC	58.03.01	15/11/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Hoá học	29.45	Nhì	12	THPT Mạc Đĩnh Chi
22	HUỲNH BẢO AN	58.04.01	16/10/1999	Kinh	Phú Yên	Nam	Sinh học	25.10	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
23	TRẦN HOÀNG ANH	58.04.02	31/01/1999	Kinh	TPHCM	Nữ	Sinh học	24.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

58-TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
24	NGUYỄN VĂN DŨNG	58.04.03	01/06/1999	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Sinh học	26.25	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
25	TRẦN NGỌC THỤY	58.04.05	01/01/2000	Kinh	TPHCM	Nữ	Sinh học	25.65	Ba	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
26	HỒ HOÀNG THANH	58.04.10	13/12/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Sinh học	23.55	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
27	LÊ MINH TRÍ	58.04.09	30/08/1999	Kinh	Cà Mau	Nam	Sinh học	26.15	Ba	12	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
28	LƯU ANH KHOA	58.05.03	30/08/2000	Hoa	TPHCM	Nam	Tin học	14.58	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
29	NGUYỄN LÊ MINH	58.05.06	08/09/2000	Kinh	TPHCM	Nam	Tin học	14.53	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
30	TRẦN ĐỨC HUY	58.05.01	29/11/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Tin học	12.70	K.Khích	12	THPT Nguyễn Thượng Hiền
31	LÔ NGUYỄN TUẤN	58.05.02	08/11/2000	Nùng	TPHCM	Nam	Tin học	22.08	Nhì	11	THPT Trần Phú
32	CAO LÊ NGỌC ANH	58.06.01	03/07/1999	Kinh	TPHCM	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
33	HÀ TUẤN KIẾN	58.06.03	01/06/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
34	NGUYỄN HỮU PHÚC	58.06.04	14/12/2000	Kinh	TPHCM	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
35	ĐỖ THẾ THUỶ	58.06.05	08/03/2000	Hoa	Tây Ninh	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

58-TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
36	HOÀNG NGUYỆT LAN	TRINH	58.06.06	26/05/1999	Kinh	TPHCM	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT Gia Định
37	VƯƠNG KIM HOÀNG	CHÂU	58.07.01	18/08/2000	Kinh	TPHCM	Nữ	Lịch sử	13.00	K.Khích	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
38	ĐÀO THỊ	QUYÊN	58.07.04	29/03/2000	Kinh	TPHCM	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	11	THPT Gia Định
39	TÔN NGUYỄN CÁT	ĐẰNG	58.09.02	06/04/1999	Kinh	TPHCM	Nữ	Tiếng Anh	16.95	Nhất	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
40	VÕ KHANG	DI	58.09.01	02/05/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Tiếng Anh	14.85	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
41	TRẦN ĐAN	KHANH	58.09.05	11/01/1999	Kinh	TPHCM	Nữ	Tiếng Anh	15.85	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
42	NGUYỄN THÀNH	NAM	58.09.07	25/09/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Tiếng Anh	16.20	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
43	BÙI HOÀNG MINH	THU	58.09.08	26/02/1999	Kinh	TPHCM	Nữ	Tiếng Anh	15.65	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
44	LÊ ĐẶNG MINH	THU	58.09.09	15/11/1999	Kinh	TPHCM	Nữ	Tiếng Anh	15.75	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
45	LÊ QUANG	TRÀ	58.09.10	01/09/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Tiếng Anh	14.45	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
46	PHẠM THANH	HIỀN	58.09.03	08/03/2000	Kinh	TPHCM	Nữ	Tiếng Anh	15.55	Nhì	11	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
47	ĐẶNG	KHÔI	58.09.06	08/11/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Tiếng Anh	16.60	Nhất	12	THPT Lê Quý Đôn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

58-TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
48	NGUYỄN NGỌC DUY	HÙNG	58.09.04	31/12/1999	Kinh	TPHCM	Nam	Tiếng Anh	14.95	Ba	12	THPT Mạc Đĩnh Chi
49	ĐỖ XUÂN	HƯƠNG	58.11.01	17/05/2000	Kinh	TPHCM	Nữ	Tiếng Pháp	16.20	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
50	PHẠM HỒNG THIÊN	PHÚC	58.11.05	24/10/2000	Kinh	TPHCM	Nam	Tiếng Pháp	16.25	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
51	LÊ THỊ DIỆU	THANH	58.11.06	04/03/1999	Kinh	TPHCM	Nữ	Tiếng Pháp	15.40	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
52	MAI HIỀN	THẢO	58.11.07	29/04/1999	Kinh	TPHCM	Nữ	Tiếng Pháp	14.45	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
53	LÊ NGUYỄN LAM	TRINH	58.11.09	15/11/1999	Kinh	TPHCM	Nữ	Tiếng Pháp	15.25	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
54	NGUYỄN CAO THANH	UY	58.11.10	15/01/2000	Kinh	TPHCM	Nam	Tiếng Pháp	15.70	Ba	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
55	TRỊNH TÚ	ANH	58.12.01	18/11/2000	Hoa	TPHCM	Nữ	Tiếng Trung	16.25	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
56	LƯU NGỌC	HÂN	58.12.02	18/03/1999	Hoa	TPHCM	Nữ	Tiếng Trung	17.55	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
57	LÝ TRIỆU LIÊN	HƯƠNG	58.12.03	21/06/1999	Hoa	TPHCM	Nữ	Tiếng Trung	16.80	Nhì	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
58	TỪ HUY	NAM	58.12.04	20/03/2000	Hoa	TPHCM	Nam	Tiếng Trung	16.20	Nhì	11	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
59	LIU TIỂU	NGHI	58.12.06	14/11/1999	Hoa	TPHCM	Nữ	Tiếng Trung	14.65	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

58-TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
											Phong
60	HUỖNH ĐÌNH NGỌC	58.12.07	03/12/1999	Hoa	TPHCM	Nữ	Tiếng Trung	14.90	K.Khích	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
61	LÝ QUẾ THUYỀN	58.12.09	04/09/1999	Hoa	TPHCM	Nữ	Tiếng Trung	15.90	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
62	LÝ HIỀN TÍN	58.12.10	14/11/1998	Hoa	TPHCM	Nam	Tiếng Trung	15.50	Ba	12	THPT Chuyên Lê Hồng Phong

Danh sách này gồm 62 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

59-TỈNH TRÀ VINH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	HỒ HOÀNG LONG	59.09.05	25/12/2000	Kinh	TP Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	13.65	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành

Danh sách này gồm 1 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

60-TỈNH TUYỀN QUANG

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	PHAN HUYỀN	MY	60.01.06	12/07/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Toán	22.00	Ba	12	Trường THPT Chuyên
2	PHẠM VIỆT	HOÀNG	60.01.04	07/12/2000	Kinh	Tuyên Quang	Nam	Toán	15.00	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên
3	TRẦN QUANG	HUY	60.02.05	12/11/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nam	Vật lí	23.15	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên
4	LÝ THỊ THÙY	NGA	60.03.06	13/09/1999	Tày	Tuyên Quang	Nữ	Hoá học	24.10	Ba	12	Trường THPT Chuyên
5	HOÀNG HUYỀN	TRANG	60.04.04	13/04/1999	Tày	Tuyên Quang	Nữ	Sinh học	26.05	Ba	12	Trường THPT Chuyên
6	NGUYỄN KIM	TUYÊN	60.04.05	02/09/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Sinh học	26.75	Ba	12	Trường THPT Chuyên
7	VŨ QUYẾT	THẮNG	60.05.05	27/06/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nam	Tin học	16.30	Ba	12	Trường THPT Chuyên
8	NGUYỄN ANH	TÚ	60.05.06	09/10/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nam	Tin học	11.85	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên
9	TẠ KHÁNH	LINH	60.06.02	26/08/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	Trường THPT Chuyên
10	TẠ THÙY	LINH	60.06.03	28/01/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên
11	ĐỖ THỊ LAN	NHI	60.06.04	13/03/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	Trường THPT Chuyên
12	LÊ THẢO	PHƯƠNG	60.06.05	11/07/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	Trường THPT Chuyên
13	PHÙNG THỊ THÙY	TRANG	60.06.06	04/03/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên
14	ĐỖ MINH	HUYỀN	60.07.04	27/02/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên
15	NGUYỄN THÙY	LINH	60.07.05	25/09/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	12	Trường THPT Chuyên
16	LÊ HÀ	UYÊN	60.07.06	06/03/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	Trường THPT Chuyên
17	ĐỖ NGỌC	ANH	60.07.01	10/06/1999	Kinh	Thái Nguyên	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên
18	NGUYỄN THỊ LAN	CHI	60.07.02	09/05/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	Trường THPT Chuyên

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

60-TỈNH TUYỀN QUANG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN THÙY DUNG	60.07.03	18/08/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Lịch sử	14.25	Ba	12	Trường THPT Chuyên
20	BÙI THÙY LINH	60.08.05	11/04/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên
21	VƯƠNG NGỌC MAI LINH	60.08.06	08/02/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Địa lí	15.75	Ba	12	Trường THPT Chuyên
22	HOÀNG THỊ THANH BÌNH	60.08.01	15/02/2000	Tày	Tuyên Quang	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	11	Trường THPT Chuyên
23	NGUYỄN THU HÀ	60.08.02	08/01/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Địa lí	17.25	Nhì	12	Trường THPT Chuyên
24	PHẠM THANH HƯƠNG	60.08.04	07/01/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	Trường THPT Chuyên
25	LƯƠNG THỊ THÚY	60.08.07	24/07/2000	Tày	Tuyên Quang	Nữ	Địa lí	15.25	Ba	11	Trường THPT Chuyên
26	QUÁCH THỊ HUYỀN	60.08.03	01/07/1999	Kinh	Tuyên Quang	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	Trường THPT Chuyên

Danh sách này gồm 26 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

61-TỈNH VĨNH LONG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	TRẦN NGUYỄN TUẤN VỸ	61.01.06	24.11.1999	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
2	ĐOÀN HOÀNG GIA BẢO	61.01.03	12.12.1999	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Toán	16.50	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
3	PHAN GIA ANH	61.01.02	07.12.1999	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
4	NGUYỄN MINH THỨC	61.01.05	25.11.1999	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Toán	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
5	HUỖNH HOÀNG HUY	61.01.04	20.09.1999	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
6	NGUYỄN HIẾU ÂN	61.04.02	04.10.1999	Kinh	Vĩnh Long	Nữ	Sinh học	25.40	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
7	HỒ THÁI AN	61.04.01	31.12.1999	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Sinh học	24.05	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
8	PHẠM HOÀI PHÚ THỊNH	61.05.06	25.10.2000	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Tin học	21.75	Nhì	11	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
9	MẠC TRÚC LAN TƯỜNG	61.06.06	11.03.1999	Kinh	Vĩnh Long	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
10	LÊ HOÀNG NAM	61.07.02	02.07.1999	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THCS-THPT Long Phú
11	NGUYỄN HOÀNG HIÊN	61.07.01	04.05.1999	Kinh	Vĩnh Long	Nam	Lịch sử	14.25	Ba	12	THPT Vĩnh Xuân

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

61-TỈNH VĨNH LONG

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 11 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

62-TỈNH VINH PHÚC

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	ĐỖ VĂN	QUYẾT	62.01.08	17/08/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Toán	26.00	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
2	ĐỖ TRUNG	PHƯƠNG	62.01.07	28/09/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Toán	22.50	Nhì	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
3	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	62.01.06	21/02/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Toán	17.50	Ba	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
4	NGUYỄN KHẮC VIỆT	ANH	62.01.01	23/03/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Toán	16.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
5	CAO PHƯƠNG	NAM	62.01.05	03/09/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Toán	23.00	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
6	LÊ TƯỜNG	KHANH	62.01.04	12/10/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Toán	19.00	Ba	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
7	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	62.01.03	01/05/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Toán	18.50	Ba	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
8	NGUYỄN ANH	VŨ	62.02.10	09/08/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Vật lí	24.85	Ba	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
9	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	62.02.05	02/11/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Vật lí	31.15	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
10	LÊ VĂN	QUỲNH	62.02.08	13/11/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Vật lí	30.65	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
11	NGUYỄN HOÀNG	PHÚ	62.02.07	17/10/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Vật lí	25.60	Ba	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
12	NGUYỄN THỊ THÚY	QUỲNH	62.02.09	17/10/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Vật lí	25.75	Ba	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
13	NGUYỄN TẮT	CHUNG	62.02.02	20/09/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Vật lí	31.70	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
14	ĐÀO VIỆT	DŨNG	62.02.04	16/10/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Vật lí	27.10	Ba	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
15	LƯƠNG THỊ QUỲNH	ANH	62.03.01	15/04/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Hoá học	29.95	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
16	TRẦN QUẢNG	HẢI	62.03.06	16/11/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Hoá học	29.70	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
17	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	62.03.07	13/02/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Hoá học	28.70	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
18	LÊ ANH	TÙNG	62.03.10	17/09/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Hoá học	26.65	Nhì	11	THPT Chuyên Vinh Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

62-TỈNH VĨNH PHÚC

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN VĂN	ANH	62.03.02	09/05/1999	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Hoá học	25.80	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
20	TẠ QUỐC	CÔNG	62.03.05	26/09/1999	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Hoá học	24.05	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
21	CAO ĐẮC	KHOA	62.03.09	26/10/2000	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Hoá học	26.20	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
22	ĐỖ THỊ NGỌC	ÁNH	62.03.04	01/12/1999	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Hoá học	26.40	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
23	TRẦN TUẤN	ANH	62.03.03	20/11/2000	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Hoá học	19.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
24	ĐỖ THỊ THANH	HUYỀN	62.04.03	17/02/1999	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Sinh học	29.20	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
25	NGUYỄN THỊ	TRANG	62.04.10	05/11/1999	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Sinh học	29.30	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
26	CHU THỊ THU	AN	62.04.01	22/10/1999	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Sinh học	29.95	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
27	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	62.04.09	25/11/1999	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Sinh học	29.80	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
28	NGUYỄN TIẾN	PHÚC	62.04.06	20/10/1999	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Sinh học	26.15	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
29	LÊ NGÂN	HÀ	62.04.02	20/10/2000	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Sinh học	28.20	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
30	PHÙNG VĂN	THỨC	62.04.08	15/08/2000	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Sinh học	24.30	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
31	HOÀNG THỊ KIM	LAN	62.04.04	28/10/2000	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Sinh học	32.15	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
32	VŨ THỊ THÙY	LINH	62.04.05	15/07/2000	Kinh	Vĩnh Phúc	Nữ	Sinh học	23.20	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
33	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	62.04.07	04/12/2000	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Sinh học	22.45	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
34	ĐỖ THÀNH	LONG	62.05.04	22/02/2000	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Tin học	17.15	Ba	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
35	VŨ ĐỨC	NHỊ	62.05.08	23/03/1999	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Tin học	21.20	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
36	HOÀNG VŨ DUY	ANH	62.05.01	12/12/2000	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Tin học	22.60	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

62-TỈNH VINH PHÚC

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	NGUYỄN THÀNH	LONG	62.05.05	15/11/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Tin học	14.90	K.Khích	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
38	CAO DUY	MẠNH	62.05.06	19/12/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Tin học	18.00	Ba	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
39	NGUYỄN HẢI	HUY	62.05.03	28/12/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Tin học	11.93	K.Khích	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
40	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	62.06.03	23/08/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
41	PHẠM THỊ	CHINH	62.06.02	30/01/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
42	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	62.06.07	21/12/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Ngữ văn	15.50	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
43	PHÙNG THỊ	XUÂN	62.06.08	11/01/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
44	LÊ THỊ DIỆU	LINH	62.06.06	03/03/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
45	VŨ THỊ	ÁNH	62.06.01	16/02/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
46	PHÙNG THỊ THU	HIỀN	62.06.04	12/03/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
47	NGUYỄN THỊ NGỌC	KHÁNH	62.06.05	25/10/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Ngữ văn	14.50	Ba	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
48	PHÙNG THỊ THU	HÀ	62.07.04	16/10/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Lịch sử	16.75	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
49	DƯƠNG THỊ VÂN	ANH	62.07.01	24/08/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
50	NGUYỄN MẠNH	CẨM	62.07.03	28/06/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
51	BÙI HỒNG	NGỌC	62.07.09	17/07/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
52	TRẦN TIẾN	ANH	62.07.02	10/03/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Lịch sử	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
53	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	62.07.05	02/10/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Lịch sử	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
54	BÙI ĐỨC	HỮU	62.07.07	09/09/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Lịch sử	17.25	Nhất	11	THPT Chuyên Vinh Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

62-TỈNH VINH PHÚC

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
55	DƯƠNG NGUYỄN MINH	HIẾU	62.07.06	02/10/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Lịch sử	14.00	Ba	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
56	VŨ PHÚC	KHANG	62.07.08	15/12/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Lịch sử	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
57	KIM THỊ HỒNG	NHUNG	62.07.10	13/07/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Lịch sử	15.00	Nhì	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
58	NGUYỄN BẢO	HÀ	62.08.02	20/08/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
59	NGUYỄN VIỆT	HÀ	62.08.03	07/03/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Địa lí	13.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
60	BÙI ĐỨC	DUY	62.08.01	27/02/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Địa lí	13.25	K.Khích	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
61	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	62.08.06	25/09/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
62	TẶNG THỊ THU	PHƯƠNG	62.08.07	16/05/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
63	ĐỖ BẢO	YẾN	62.08.10	27/06/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
64	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	62.08.05	04/01/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
65	TẠ QUANG	TRƯỜNG	62.08.08	08/11/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Địa lí	13.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
66	LÊ THỊ THANH	HIỀN	62.08.04	15/02/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Địa lí	15.00	Ba	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
67	TÔ BẢO	NGỌC	62.09.08	15/10/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Tiếng Anh	16.15	Nhì	11	THPT Chuyên Vinh Phúc
68	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	62.09.07	17/09/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Tiếng Anh	15.85	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
69	NGUYỄN NGỌC BẢO	LÂM	62.09.04	02/10/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Tiếng Anh	14.85	Ba	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
70	DƯƠNG PHƯƠNG	LINH	62.09.05	22/06/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	13.75	K.Khích	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
71	PHẠM VIỆT	BÁCH	62.09.01	25/08/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nam	Tiếng Anh	16.10	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
72	LÊ THỊ	QUỲNH	62.11.05	14/04/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Tiếng Pháp	14.35	K.Khích	11	THPT Chuyên Vinh Phúc

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

62-TỈNH VINH PHÚC

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
73	NGUYỄN THỊ HUYỀN	62.11.02	28/12/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Tiếng Pháp	15.70	Ba	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
74	NGUYỄN THỊ THU YÊN	62.11.06	11/12/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Tiếng Pháp	16.10	Nhì	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
75	DƯƠNG KHÁNH LY	62.11.03	20/09/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Tiếng Pháp	15.38	Ba	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
76	HOÀNG TUYẾT NHUNG	62.11.04	14/11/1999	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Tiếng Pháp	15.20	K.Khích	12	THPT Chuyên Vinh Phúc
77	NGUYỄN MAI ANH	62.11.01	20/09/2000	Kinh	Vinh Phúc	Nữ	Tiếng Pháp	14.60	K.Khích	11	THPT Chuyên Vinh Phúc

Danh sách này gồm 77 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

63-TỈNH YÊN BÁI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LƯƠNG MINH	HOÀNG	63.02.02	28/08/1999	Kinh	Yên Bái	Nam	Vật lí	33.25	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
2	PHẠM THỊ THU	HIỀN	63.02.01	28/02/1999	Kinh	Yên Bái	Nữ	Vật lí	19.45	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
3	TRỊNH QUỐC	HUY	63.02.04	24/06/2000	Kinh	Yên Bái	Nam	Vật lí	20.75	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
4	NGUYỄN TRỊNH QUỲNH	ANH	63.03.01	22/03/1999	Kinh	Yên Bái	Nữ	Hoá học	24.60	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
5	NGUYỄN ĐÌNH	HOÀNG	63.03.02	23/11/2001	Kinh	Yên Bái	Nam	Hoá học	21.75	K.Khích	10	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
6	NGUYỄN HÀ THU	HƯƠNG	63.03.03	07/11/1999	Kinh	Yên Bái	Nữ	Hoá học	25.20	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
7	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	63.04.04	21/09/1999	Tày	Yên Bái	Nữ	Sinh học	23.20	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
8	BÙI VIỆT	HÒA	63.04.02	29/10/1999	Kinh	Yên Bái	Nam	Sinh học	22.95	K.Khích	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
9	NGUYỄN YẾN	NHI	63.06.03	15/04/2000	Kinh	Yên Bái	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
10	ĐÀO THỊ THU	HÀ	63.06.01	10/03/1999	Kinh	Yên Bái	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
11	PHẠM HUYỀN MAI	LAN	63.07.05	20/10/1999	Kinh	Yên Bái	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

63-TỈNH YÊN BÁI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	LÊ PHƯƠNG HÀ	63.07.01	09/02/1999	Kinh	Yên Bái	Nữ	Lịch sử	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
13	TRƯƠNG THỊ KHÁNH HUYỀN	63.07.04	05/06/1999	Kinh	Văn Yên - Yên	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	12	THPT Chu Văn An
14	LÊ NGỌC HIẾU	63.07.02	26/11/1999	Kinh	Bệnh Viện	Nam	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	THPT TX Nghĩa Lộ
15	PHẠM LÊ DIỄM QUỲNH	63.07.06	15/03/2000	Kinh	Yên Bái	Nữ	Lịch sử	13.75	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
16	HOÀNG THỊ THANH NGA	63.08.03	01/03/1999	Tày	Lục Yên - Yên	Nữ	Địa lí	14.00	K.Khích	12	THPT Hồng Quang
17	TẶNG THỊ PHƯƠNG	63.08.04	04/06/2000	Kinh	Yên Bái	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
18	NGUYỄN TRÀ GIANG	63.09.03	13/05/2000	Kinh	Yên Bái	Nữ	Tiếng Anh	14.20	K.Khích	11	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành

Danh sách này gồm 18 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

65-ĐẠI HỌC QG HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN QUANG	BIN	65.01.01	17/11/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	22.50	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
2	HOÀNG TRUNG	DŨNG	65.01.03	18/06/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	24.50	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
3	ĐINH CÔNG	DUY	65.01.02	13/12/2000	Kinh	Bắc Giang	Nam	Toán	24.00	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
4	TRẦN MINH	KHOA	65.01.04	15/06/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	19.50	Ba	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
5	NGUYỄN HẢI	NAM	65.01.05	02/11/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	16.50	K.Khích	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
6	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	65.01.06	22/07/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nam	Toán	32.00	Nhất	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
7	LÊ VIỆT LƯU	THANH	65.01.07	30/03/2000	Kinh	Kon Tum	Nam	Toán	22.00	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
8	CAO TIẾN	THÀNH	65.01.08	03/01/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Toán	25.50	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
9	TRẦN MINH	TIẾN	65.01.09	12/10/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	20.50	Ba	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
10	TRƯƠNG MẠNH	TUẤN	65.01.10	15/04/2000	Kinh	Thanh Hóa	Nam	Toán	21.50	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
11	HÁN VINH	BÌNH	65.02.01	16/12/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	22.90	K.Khích	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
12	TẠ BÁ	DŨNG	65.02.02	16/07/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	33.25	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
13	ĐÀM TRUYỀN	ĐỨC	65.02.03	07/04/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	34.20	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
14	NGUYỄN HOÀNG	HIỆP	65.02.06	01/04/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	28.50	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
15	NGÔ VINH	KHANG	65.02.07	05/12/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	33.75	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
16	LÊ ĐĂNG	HIỂN	65.02.05	28/11/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	24.25	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
17	NGUYỄN KHẮC	HIẾU	65.02.04	21/01/2000	Kinh	Phú Thọ	Nam	Vật lí	22.10	K.Khích	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
18	TRỊNH TUẤN	LONG	65.02.08	16/09/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	27.60	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

65-ĐẠI HỌC QG HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	NGUYỄN MINH	QUANG	65.02.09	14/02/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	26.55	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
20	LƯU ĐỨC	TÂN	65.02.10	19/03/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	23.45	K.Khích	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
21	PHẠM ĐỨC	ANH	65.03.01	12/10/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	37.90	Nhất	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
22	VŨ DIỆP	CẨM	65.03.02	05/03/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Hoá học	28.45	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
23	DƯƠNG KIM	CHI	65.03.03	01/11/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Hoá học	21.70	K.Khích	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
24	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	65.03.04	26/02/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	33.10	Nhất	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
25	PHẠM THẾ	DŨNG	65.03.05	01/03/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	28.40	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
26	NGÔ TRỌNG	ĐẠT	65.03.06	14/10/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	34.10	Nhất	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
27	NGUYỄN ANH	ĐỨC	65.03.07	14/07/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	24.85	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
28	TRIỆU HOÀNG	HẢI	65.03.08	13/08/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	29.95	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
29	LA THỊ PHƯƠNG	LOAN	65.03.09	02/08/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Hoá học	18.05	K.Khích	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
30	NGUYỄN ĐỨC	QUANG	65.03.10	18/11/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	26.60	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
31	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	65.04.01	26/09/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	32.65	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
32	NGUYỄN NGỌC	HÀ	65.04.02	18/12/2000	Kinh	Hà Tây	Nữ	Sinh học	38.20	Nhất	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
33	NGUYỄN QUANG	HUY	65.04.03	23/01/1999	Kinh	Lào Cai	Nam	Sinh học	31.45	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
34	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	65.04.04	27/10/2000	Kinh	Thái Bình	Nữ	Sinh học	28.65	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
35	CAO THỊ KHÁNH	LINH	65.04.05	04/11/2000	Kinh	Quảng Ninh	Nữ	Sinh học	25.25	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
36	CHỦ TIẾN	MẠNH	65.04.06	12/01/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	33.15	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

65-ĐẠI HỌC QG HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
37	NGUYỄN VŨ SƠN	65.04.07	08/03/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	24.35	K.Khích	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
38	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	65.04.08	25/08/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	32.65	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
39	NGUYỄN THU THẢO	65.04.09	12/06/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	27.60	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
40	NGUYỄN THÀNH TRUNG	65.04.10	23/06/1999	Kinh	Hải Phòng	Nam	Sinh học	30.10	Nhì	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
41	ĐẮC TÙNG DƯƠNG	65.05.01	07/01/2000	Kinh	Hung Yên	Nam	Tin học	27.50	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
42	PHẠM TÙNG DƯƠNG	65.05.02	21/11/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Tin học	33.00	Nhất	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
43	NGUYỄN ĐỨC HUY	65.05.03	30/08/2001	Kinh	Hải Phòng	Nam	Tin học	23.60	Nhì	10	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
44	VƯƠNG HOÀNG LONG	65.05.05	05/08/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	27.60	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
45	NGUYỄN HOÀNG HẢI MINH	65.05.07	27/03/2000	Kinh	Hòa Bình	Nam	Tin học	26.30	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
46	NGUYỄN ĐÌNH QUANG MINH	65.05.06	15/01/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	33.00	Nhất	12	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
47	NGUYỄN KHÁNH	65.05.04	14/06/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	27.55	Nhì	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
48	PHẠM ĐỨC THẮNG	65.05.08	05/10/2000	Kinh	Hà Tĩnh	Nam	Tin học	17.10	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
49	TRẦN BÁ TUYÊN	65.05.09	21/05/2000	Kinh	Tuyên Quang	Nam	Tin học	20.10	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
50	NGUYỄN THÀNH VINH	65.05.10	13/12/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	19.55	Ba	11	Chuyên KHTN - ĐHQGHN
51	BÙI QUỲNH HÂN	65.09.05	20/04/2000	Kinh	Hà Nam	Nữ	Tiếng Anh	15.35	Ba	11	Chuyên Ngoại Ngữ - ĐHQGHN
52	NGUYỄN TIẾN HOÀNG	65.09.06	18/12/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	14.35	K.Khích	11	Chuyên Ngoại Ngữ - ĐHQGHN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

65-ĐẠI HỌC QG HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
53	LÊ LINH ĐAN	65.09.03	13/03/1998	Kinh	Nghệ An	Nữ	Tiếng Anh	15.70	Nhì	12	Chuyên Ngoại Ngữ - ĐHQGHN
54	LÊ THÀNH DUY	65.09.02	04/03/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	15.65	Nhì	12	Chuyên Ngoại Ngữ - ĐHQGHN
55	ĐÀO LÂM GIANG	65.09.04	10/01/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	14.35	K.Khích	11	Chuyên Ngoại Ngữ - ĐHQGHN
56	NGÔ THỊ LAN KHANH	65.09.08	23/01/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.55	Nhì	11	Chuyên Ngoại Ngữ - ĐHQGHN
57	NGUYỄN THÁI LÂM	65.09.10	17/08/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	14.10	K.Khích	12	Chuyên Ngoại Ngữ - ĐHQGHN
58	HOÀNG MINH CHÂU	65.09.01	29/06/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	14.45	K.Khích	12	Chuyên Ngoại Ngữ - ĐHQGHN
59	NGUYỄN THỊ THẢO HUONG	65.09.07	16/03/1999	Tày	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.05	Ba	12	Chuyên Ngoại Ngữ - ĐHQGHN
60	NGUYỄN THỊ GIANG LAM	65.10.02	16/04/1999	Kinh	Liên Bang Nga	Nữ	Tiếng Nga	16.85	Ba	11	Chuyên Ngoại Ngữ - ĐHQGHN
61	TRẦN KIỀU KIM PHỤNG	65.11.08	22/06/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Tiếng Pháp	16.33	Nhì	11	Chuyên Ngoại Ngữ - ĐHQGHN
62	NGUYỄN HÀ NGÂN	65.11.07	25/06/2000	Kinh	Hải Phòng	Nữ	Tiếng Pháp	15.90	Nhì	11	Chuyên Ngoại Ngữ - ĐHQGHN
63	VŨ HOÀNG MAI	65.12.06	27/04/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Trung	15.10	K.Khích	11	Chuyên Ngoại Ngữ - ĐHQGHN

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

65-ĐẠI HỌC QG HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
64	ĐỖ THỊ THU HỒNG	65.12.03	26/05/1999	Kinh	Hung Yên	Nữ	Tiếng Trung	16.20	Nhì	12	Chuyên Ngoại Ngữ - ĐHQGHN
65	NGUYỄN ĐỖ QUỲNH TRANG	65.12.07	06/09/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Trung	15.25	Ba	12	Chuyên Ngoại Ngữ - ĐHQGHN

Danh sách này gồm 65 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	ĐỖ HOÀNG TÙNG	66.01.10	17/09/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Toán	27.00	Nhì	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
2	PHẠM KHA LUÂN	66.01.06	01/08/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Toán	16.00	K.Khích	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
3	NGUYỄN MINH CHÂU	66.01.02	30/10/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Toán	22.00	Ba	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
4	TRẦN THANH BÌNH	66.01.01	18/03/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Toán	21.50	Ba	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
5	TẶNG LỢI PHÁT	66.01.08	08/12/2000	Hoa	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Toán	15.00	K.Khích	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
6	TIÊU PHÁT ĐẠT	66.01.03	27/08/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Toán	22.00	Ba	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
7	NGUYỄN LÝ NHẬT QUỲNH	66.01.09	04/03/2000	Kinh	Cà Mau	Nam	Toán	22.50	Nhì	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
8	TRẦN DƯƠNG VIỆT HOÀNG	66.01.04	21/10/1999	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Toán	15.00	K.Khích	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
9	HUỲNH PHẠM MINH NGUYỄN	66.01.07	19/06/1999	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Toán	19.00	Ba	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
10	LÊ XUÂN HOÀNG	66.02.02	01/07/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	25.60	Ba	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
11	NGUYỄN ĐÌNH VƯƠNG DŨNG	66.02.01	24/11/2000	Kinh	Bình Dương	Nam	Vật lí	26.00	Ba	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	TRẦN TUẤN THANH	66.02.08	23/02/1999	Hoa	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	28.00	Ba	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
13	NGUYỄN THÁI VINH	66.02.10	05/11/1999	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	35.30	Nhất	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
14	NGÔ TẤN HUÂN	66.02.03	13/09/1999	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	28.90	Ba	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
15	NGUYỄN HIẾU LONG	66.02.07	05/09/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	26.55	Ba	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
16	NGUYỄN HOÀNG NHẬT HUY	66.02.04	08/01/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Vật lí	22.35	K.Khích	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
17	NGUYỄN HOÀNG THIỆN	66.02.09	05/12/2000	Kinh	Hải Phòng	Nam	Vật lí	21.90	K.Khích	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
18	ĐÀO TRUNG HIẾU	66.03.04	15/08/1999	Kinh	Đồng Nai	Nam	Hoá học	24.85	Ba	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
19	ĐÀM QUANG PHƯỚC	66.03.08	01/06/1999	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	19.75	K.Khích	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
20	TRƯƠNG AN ĐỨC	66.03.03	04/11/1999	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	27.95	Nhì	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
21	KHẢ TUẤN KHOA	66.03.07	25/10/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	24.55	Ba	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
22	LÝ BÁ HIỆP	66.03.05	22/01/1999	Hoa	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	23.75	Ba	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	ĐOÀN LINH	HUY	66.03.06	06/02/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Hoá học	18.90	K.Khích	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TP HCM
24	HOÀNG TUẤN	KHOA	66.04.04	18/09/1999	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Sinh học	26.30	Ba	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TP HCM
25	ĐẶNG HÀO	HÙNG	66.04.03	30/10/1999	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Sinh học	29.90	Nhì	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TP HCM
26	NGUYỄN THANH	HIỀN	66.04.02	08/05/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Sinh học	25.70	Ba	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TP HCM
27	VÕ NGỌC	ANH	66.04.01	15/09/1999	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Sinh học	22.80	K.Khích	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TP HCM
28	NGUYỄN CHÍ	THIỆN	66.04.06	12/09/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Sinh học	25.55	Ba	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TP HCM
29	NGUYỄN NHƯ CÁT	TƯỜNG	66.04.09	22/04/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Sinh học	22.45	K.Khích	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TP HCM
30	NGUYỄN QUANG	THỨC	66.05.10	24/03/1999	Kinh	Cà Mau	Nam	Tin học	28.00	Nhì	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TP HCM
31	NGUYỄN NGỌC MINH	HUY	66.05.04	20/06/1999	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	27.05	Nhì	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TP HCM
32	PHAN MINH	HOÀNG	66.05.03	26/06/1999	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	27.80	Nhì	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TP HCM
33	HOÀNG XUÂN	NHẬT	66.05.08	17/09/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	25.55	Nhì	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TP HCM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
34	LÊ HOÀNG MINH	66.05.06	09/02/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	20.15	Ba	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
35	TRỊNH HỮU ĐỨC	66.05.02	26/05/1999	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	15.73	Ba	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
36	NGUYỄN TIẾN CƯỜNG	66.05.01	01/08/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tin học	18.78	Ba	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
37	ĐẶNG MỸ LINH	66.06.04	20/03/2000	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
38	NGUYỄN XUÂN TRANG	66.06.09	17/02/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
39	PHẠM HỒ UYÊN LINH	66.06.05	28/11/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	18.00	Nhất	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
40	VÕ THÁI LAN	66.06.03	03/03/1999	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
41	PHẠM NGỌC ĐĂNG	66.06.01	20/03/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	17.00	Nhất	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
42	TRẦN TRIỆU THANH NGÂN	66.06.07	31/10/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
43	TRẦN NGỌC QUỲNH VÂN	66.06.10	31/08/2000	Kinh	Đồng Nai	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
44	LÊ HỮU HUY	66.09.04	25/10/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	15.55	Nhì	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
45	HUỲNH NGỌC ANH DUY	66.09.02	04/02/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	16.05	Nhì	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
46	ĐỖ HẢI HOÀNG NAM	66.09.06	20/07/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	16.10	Nhì	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
47	TRẦN MINH TRUNG	66.09.09	03/02/2001	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	15.75	Nhì	10	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
48	CAO THU HẰNG	66.09.03	09/04/1999	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	14.50	Ba	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
49	LƯU HƯỚNG MINH	66.09.05	03/03/2000	Hoa	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	15.55	Nhì	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
50	NGUYỄN TỊNH TÂM	66.09.07	16/01/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	14.30	K.Khích	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
51	NGUYỄN CÔNG DANH	66.09.01	03/11/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	14.40	K.Khích	11	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
52	NGUYỄN KHÁNH VY	66.09.10	19/07/1999	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	16.55	Nhì	12	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM
53	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG TRINH	66.09.08	13/05/2000	Kinh	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	14.75	Ba	10	Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TPHCM

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

66-ĐẠI HỌC QG TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 53 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

67-TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	HOÀNG ANH	QUÂN	67.01.10	27/07/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	22.00	Ba	12	THPT Chuyên ĐHS
2	PHẠM ĐÌNH	NGHĨA	67.01.09	08/08/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	14.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
3	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	67.01.08	21/11/2000	Kinh	Bắc Giang	Nữ	Toán	14.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
4	TẠ KHÁNH	HÀ	67.01.04	31/01/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	20.50	Ba	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
5	NGUYỄN MINH	HIẾU	67.01.05	13/05/2000	Kinh	Vĩnh Phúc	Nam	Toán	19.00	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
6	NGÔ THỊ	HUẾ	67.01.06	15/11/2000	Kinh	Bắc Ninh	Nữ	Toán	19.00	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
7	PHẠM NGỌC	KHÁNH	67.01.07	24/10/1999	Kinh	Quảng Ninh	Nam	Toán	19.00	Ba	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
8	LÊ PHÚC	ANH	67.01.01	18/01/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Toán	16.50	K.Khích	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
9	HOÀNG	DUY	67.01.02	23/04/2000	Kinh	Hà Tây	Nam	Toán	17.50	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
10	NGUYỄN VĂN	DUY	67.02.03	29/03/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	27.85	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
11	LÊ QUANG	NGHĨA	67.02.07	23/06/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	19.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
12	TẠ TRUNG	KIÊN	67.02.06	06/08/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	25.00	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

67-TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												phạm
13	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	67.02.08	17/06/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Vật lí	36.20	Nhất	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
14	NGUYỄN BÌNH	AN	67.02.01	03/11/1999	Kinh	Hà Tây	Nam	Vật lí	31.55	Nhì	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
15	NGUYỄN THU	NGA	67.03.06	12/01/2000	Kinh	Liên Bang Nga	Nữ	Hoá học	22.70	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
16	NGUYỄN MINH	TUẤN	67.03.08	01/05/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	18.20	K.Khích	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
17	NGÔ NGỌC ĐỨC	HUY	67.03.03	29/09/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	18.65	K.Khích	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
18	TRẦN CÔNG	THẮNG	67.03.07	15/12/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	23.70	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
19	NGUYỄN HỮU	MẠNH	67.03.05	28/02/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	30.70	Nhì	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
20	MAI VĂN	ĐỨC	67.03.02	06/11/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Hoá học	22.70	Ba	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
21	NGUYỄN VIỆT	HÀ	67.04.05	18/10/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	33.85	Nhất	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
22	ĐỒNG THỊ HỒNG	HẠNH	67.04.06	29/09/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	26.60	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
23	TRẦN HÀ	LINH	67.04.08	24/03/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	26.95	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

67-TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
											phạm
24	LÊ PHƯƠNG LINH	67.04.07	04/10/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	23.65	K.Khích	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
25	NGUYỄN VŨ ANH	67.04.02	07/03/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	30.75	Nhì	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
26	TẠ ĐOÀN THU AN	67.04.01	03/10/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Sinh học	33.65	Nhất	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
27	ĐỖ MINH ÂN	67.04.03	11/02/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Sinh học	29.40	Nhì	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
28	TRẦN TRUNG NGHĨA	67.04.10	18/04/2000	Kinh	Hà Tây	Nam	Sinh học	24.60	K.Khích	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
29	NGUYỄN NHẬT MINH	67.05.09	06/09/1999	Kinh	Ninh Bình	Nam	Tin học	22.85	Nhì	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
30	ĐẶNG QUANG HUY	67.05.03	08/03/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	18.60	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
31	BÙI QUANG LONG	67.05.05	18/06/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	16.50	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
32	NGUYỄN NHẬT LONG	67.05.06	09/08/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	30.75	Nhất	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
33	BÙI ĐỨC LỘC	67.05.07	04/01/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	27.20	Nhì	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
34	NGUYỄN TẤN ĐẠT	67.05.02	19/01/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	16.05	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

67-TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												phạm
35	NGÔ ĐỨC	HUY	67.05.04	13/05/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	17.40	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
36	LÊ TUẤN	MINH	67.05.08	01/09/1999	Kinh	Hà Nội	Nam	Tin học	30.40	Nhì	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
37	NGUYỄN TIẾN	TRỌNG	67.05.10	08/10/2000	Kinh	Bắc Giang	Nam	Tin học	25.00	Nhì	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
38	VŨ THỊ THIÊN	ANH	67.05.01	31/03/1999	Kinh	Hải Dương	Nữ	Tin học	15.60	Ba	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
39	LÊ QUYẾT	THẮNG	67.06.06	20/12/2000	Kinh	Hà Nam	Nam	Ngữ văn	16.00	Nhì	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
40	TRẦN PHƯƠNG	MAI	67.06.04	31/03/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
41	ĐỖ LAN	HƯƠNG	67.06.03	25/06/2000	Kinh	Hà Nam	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
42	TRẦN THỊ THANH	HUẾ	67.06.01	18/11/1999	Kinh	Thái Bình	Nữ	Ngữ văn	15.50	Nhì	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
43	ĐẶNG THANH	HƯƠNG	67.06.02	17/03/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Ngữ văn	14.50	Ba	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
44	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	ANH	67.08.01	18/08/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
45	PHẠM GIA	HIỂN	67.08.02	28/11/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Địa lí	15.00	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

67-TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
												phạm
46	ĐÀM LAN	NHI	67.08.03	16/08/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
47	ĐẶNG MINH	QUANG	67.08.04	29/11/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Địa lí	15.00	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
48	NGÔ ĐẶNG NGÂN	HÀ	67.09.06	24/07/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.30	Ba	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
49	NGUYỄN KHÁNH	LINH	67.09.08	02/07/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.35	Ba	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
50	LƯU NGÂN	HÒA	67.09.07	02/04/2000	Kinh	Hà Tây	Nữ	Tiếng Anh	16.30	Nhì	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
51	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	67.09.10	01/11/2000	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	15.60	Nhì	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
52	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	67.09.09	20/10/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	16.90	Nhất	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
53	GIANG HẢI	CHÂU	67.09.03	15/12/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	14.40	K.Khích	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
54	ĐOÀN PHƯƠNG	ANH	67.09.01	28/08/1999	Kinh	Hà Nội	Nữ	Tiếng Anh	13.90	K.Khích	12	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
55	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	67.09.04	26/01/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	15.25	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm
56	NGÔ QUỐC	DŨNG	67.09.05	08/05/2000	Kinh	Thái Nguyên	Nam	Tiếng Anh	14.85	Ba	11	THPT Chuyên Đại học Sư

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

67-TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM HÀ NỘI

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
											phạm
57	TRẦN HẢI ANH	67.09.02	14/05/2000	Kinh	Hà Nội	Nam	Tiếng Anh	16.15	Nhì	11	THPT Chuyên Đại học Sư phạm

Danh sách này gồm 57 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017
CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

68-TRƯỜNG ĐH VINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÊ NGỌC TRƯỜNG	GIANG	68.01.01	20/08/1999	Kinh	Thanh Chương,	Nam	Toán	27.00	Nhì	12	
2	PHAN BẮ	HOÀNG	68.01.03	12/02/1999	Kinh	Nghi Xuân, Hà	Nam	Toán	16.50	K.Khích	12	
3	PHAN VIỆT	HOÀNG	68.01.04	15/12/2000	Kinh	Nghi Xuân, Hà	Nam	Toán	20.00	Ba	11	
4	ĐẶNG LÂM	SAN	68.01.10	12/01/1999	Kinh	Nghi Xuân, Hà	Nam	Toán	24.50	Nhì	12	
5	HOÀNG NHẬT	MINH	68.01.09	26/03/1999	Kinh	Nghi Lộc, Nghệ	Nam	Toán	15.50	K.Khích	12	
6	PHAN NGUYỄN	KHÔI	68.01.06	22/01/1999	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nam	Toán	19.00	Ba	12	
7	LÊ THỊ HỒNG	HÀ	68.01.02	15/10/2000	Kinh	Nghi Xuân, Hà	Nữ	Toán	15.00	K.Khích	11	
8	LÊ NGỌC	LỢI	68.01.07	20/03/2000	Kinh	Nghi Xuân, Hà	Nam	Toán	21.00	Ba	11	
9	TRẦN TIẾN	MẠNH	68.01.08	03/11/2000	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nam	Toán	19.00	Ba	11	
10	ĐINH LÊ NHẤT	THỐNG	68.02.05	22/08/1999	Kinh	Nghĩa Đàn,	Nam	Vật lí	23.20	K.Khích	12	
11	LƯU THÀNH	CÔNG	68.03.01	06/01/1999	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nam	Hoá học	24.25	Ba	12	
12	ĐÀO TIẾN	ĐẠT	68.03.02	15/06/1999	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nam	Hoá học	20.15	K.Khích	12	
13	TRẦN ĐỨC	MẠNH	68.03.04	22/08/2000	Kinh	Nghĩa Đàn,	Nam	Hoá học	20.10	K.Khích	11	
14	NGUYỄN THỰC	ANH	68.04.01	03/06/1999	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nữ	Sinh học	23.65	K.Khích	12	
15	NGUYỄN THỊ	THẢO	68.04.05	24/11/1999	Kinh	Tiền Hải, Thái	Nữ	Sinh học	29.70	Nhì	12	
16	LƯU ĐÌNH	ĐẠT	68.04.02	19/02/2000	Kinh	Nghi Lộc, Nghệ	Nam	Sinh học	23.15	K.Khích	11	
17	TRẦN LÊ	HIỆP	68.05.03	22/03/2001	Kinh	Đô Lương,	Nam	Tin học	16.18	Ba	10	
18	ĐẬU THỊ VÂN	ANH	68.05.01	09/05/2000	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nữ	Tin học	14.90	K.Khích	11	

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

68-TRƯỜNG ĐH VINH

Số TT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
19	PHAN THỊ QUỲNH	ANH	68.09.01	14/02/1999	Kinh	Nghi Lộc, Nghệ	Nữ	Tiếng Anh	15.00	Ba	12	
20	NGUYỄN HỮU VIỆT	ĐỨC	68.09.02	05/07/1999	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nam	Tiếng Anh	14.45	K.Khích	12	
21	TRẦN NGUYỄN THU	TRANG	68.09.06	15/03/1999	Kinh	TP Vinh, Nghệ	Nữ	Tiếng Anh	15.65	Nhì	12	
22	NGUYỄN THỊ	HOÀI	68.09.03	01/05/1999	Kinh	Nghĩa Đàn,	Nữ	Tiếng Anh	14.75	Ba	12	
23	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	68.09.05	25/10/2000	Kinh	Nghi Xuân, Hà	Nữ	Tiếng Anh	13.95	K.Khích	11	

Danh sách này gồm 23 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017

69-TRƯỜNG PT VÙNG CAO VIỆT BẮC

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	LÝ LƯU LUY	69.04.05	01/09/1999	Tày	Bắc Kạn	Nữ	Sinh học	23.10	K.Khích	12	
2	VƯƠNG MINH KHÁNH	69.06.01	24/06/1999	Pu Y	Hà Giang	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.Khích	12	
3	ĐINH THỊ MỸ LINH	69.06.03	16/03/2000	Tày	Bắc Kạn	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	
4	MA PHƯƠNG THẢO	69.06.04	18/03/1999	Tày	Bắc Kạn	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	12	
5	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	69.06.05	19/07/1999	Mường	Phú Thọ	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	
6	HOÀNG THỊ NHUNG	69.07.05	07/06/1999	Tày	Bắc Kạn	Nữ	Lịch sử	14.00	Ba	12	
7	ĐẶNG THỊ NGHÌN	69.07.04	21/03/2000	Dao	Yên Bái	Nữ	Lịch sử	13.50	K.Khích	11	
8	THÒ BÁC LỬA	69.07.02	29/10/1999	Mông	Nghệ An	Nam	Lịch sử	14.25	Ba	12	
9	TRIỆU TÒN THÁI	69.07.06	28/01/1999	Dao	Yên Bái	Nam	Lịch sử	13.50	K.Khích	12	
10	MA THỊ NGỌC ÁNH	69.08.01	17/03/1999	Tày	Tuyên Quang	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	
11	DỈ THỊ HIỂN	69.08.02	28/07/1999	Dáy	Lào Cai	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	12	
12	BÙI LÂM KHƯƠNG	69.08.03	17/01/2000	Kinh	Yên Bái	Nam	Địa lí	14.00	K.Khích	11	
13	LINH THỊ LIÊN	69.08.04	19/01/1999	Dao	Quảng Ninh	Nữ	Địa lí	14.50	Ba	12	
14	LÔ THỊ NHÃ	69.08.05	30/03/1999	Nùng	Cao Bằng	Nữ	Địa lí	16.00	Nhì	12	
15	HÀ VĂN TRUNG	69.08.06	16/06/1999	Thái	Yên Bái	Nam	Địa lí	16.75	Nhì	12	

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

69-TRƯỜNG PT VÙNG CAO VIỆT BẮC

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	--------------------	----------------	-----------	---------	----------	-----------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 15 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

70-TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	70.01.04	21/05/1999	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	Trung học Thực hành - ĐHSP
2	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	70.06.03	20/06/1999	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	12	Trung học Thực hành - ĐHSP
3	NGÔ HOÀNG THẢO UYÊN	70.06.06	03/01/1999	Kinh	Đà Nẵng	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	Trung học Thực hành - ĐHSP
4	TRƯỜNG TÙNG LÂM	70.09.04	24/04/2000	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Tiếng Anh	13.55	K.Khích	11	Trung học Thực hành - ĐHSP
5	ĐỖ NGUYỄN HẠO	70.09.02	08/06/1999	Kinh	Lâm Đồng	Nam	Tiếng Anh	14.40	K.Khích	12	Trung học Thực hành - ĐHSP
6	QUÁCH THỊ XUÂN TRANG	70.09.08	22/05/1999	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	15.20	Ba	12	Trung học Thực hành - ĐHSP
7	BÙI HƯƠNG TƯỜNG VY	70.09.10	07/10/1999	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Tiếng Anh	13.50	K.Khích	12	Trung học Thực hành - ĐHSP

Danh sách này gồm 7 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA LỚP 12 THPT
NĂM 2017**

72-TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU, ĐH TÂN TẠO

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	PHẠM THÁI ĐIỀN	38.02.05	22/09/1999	Kinh	Cà Mau	Nam	Vật lí	22.75	K.Khích	12	THPT năng khiếu Đại học Tân Tạo
2	NGUYỄN HỒNG NGỌC	38.06.04	05/07/2000	Kinh	Tiền Giang	Nữ	Ngữ văn	12.50	K.Khích	11	THPT năng khiếu Đại học Tân Tạo
3	LÊ TRẦN YẾN THANH	38.06.08	21/01/2000	Kinh	Bến Tre	Nữ	Ngữ văn	13.50	Ba	11	THPT năng khiếu Đại học Tân Tạo

Danh sách này gồm 3 thí sinh

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2017

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh